

DOÃN TRUNG KHANH

Chế độ chính trị TRUNG QUỐC

Người dịch: NGUYỄN MẠNH SƠN

Hiệu đính và Giới thiệu: TS. DƯƠNG NGỌC DŨNG



**NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC

Doãn Trung Khanh

ISBN: 978-604-58-0276-2

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lời giới thiệu

Có thể nói, không có đề tài thảo luận nào dễ gây tranh cãi như Trung Quốc, đặc biệt tại Việt Nam hiện nay. Phải thành thật thú nhận rằng, tôi là người hâm mộ Trung Quốc “từ đầu đến chân”, nhưng có khi cũng phải rà soát lại sự hâm mộ của mình khi có được thông tin mới. Chẳng ai phủ nhận rằng, Trung Quốc là một đất nước vĩ đại về nhiều mặt. Trên nhiều phương diện như: văn hóa, tổ chức chính trị, quản lý kinh tế, kinh doanh thương mại,... Trung Quốc có thể đóng vai trò làm tấm gương soi cho Việt Nam. Soi để học hỏi những điều tích cực và tránh né những sai lầm mà quốc gia khổng lồ này đã phạm phải (Cách mạng Văn hóa là một ví dụ).

Trên bình diện toàn cầu, việc học hỏi nghiên cứu về quốc gia khổng lồ này lúc nào cũng thu hút được sự quan tâm của giới trí thức và truyền thông. Trong quan hệ quốc tế ngày nay, Trung Quốc nghiêm nhiên đóng vai trò quyết định không thua kém gì so với các siêu cường thế giới khác. Trong bộ sách nổi tiếng “Thế giới đi về đâu?” (NXB. Thế Giới, Hà Nội, 2010), tác giả Grzegorz W. Kolodko đã dành rất nhiều trang giấy cho vai trò của Trung Quốc trong thế giới đương đại. Ông viết: “Trung Quốc đã đi theo con đường của Trung Quốc, là con đường đặc biệt đúng đắn nếu nhìn từ góc độ phát triển” (tr. 316).

Bộ sách Trung Quốc gồm 12 quyển của Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu với nhiều hình ảnh minh họa sinh động, đã cung cấp cho người đọc một bức tranh toàn cảnh về Trung Quốc đương đại sau 30 năm cải cách kinh tế. Tất cả các phương diện của kinh tế, văn hóa, xã hội Trung Quốc đều được đề cập đến một cách ngắn gọn, có sức khái quát cao, dễ cho người đọc nắm bắt được những thông tin cơ bản: chế độ chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa, xã hội, địa lý, pháp luật, ngoại giao, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, môi trường. Có thể nói đây là bộ bách khoa toàn thư về Trung Quốc hiện đại. Tôi cảm thấy hơi thất vọng khi thấy thiếu những phần bàn về nghệ thuật, điện ảnh, văn học, triết học, ẩm thực, y học, phong thủy, nhưng có lẽ như vậy lại tốt hơn. Nếu những người chủ biên quá ôm đồm, bộ sách chắc chắn sẽ dày gấp đôi, dễ làm người đọc khiếp đảm. Và lại, đã có khá nhiều các bộ toàn thư khác liên quan đến văn học và triết học rồi, sự đóng góp của bộ sách sẽ không có điểm nhấn rõ rệt.

Điểm nhấn của bộ sách này, theo tôi, gồm có hai điểm. Điểm thứ nhất là người đọc. Thông qua cách trình bày, chúng ta dễ dàng nhận ra độc giả mục tiêu của bộ sách này là các độc giả phổ thông, ham hiểu biết, nhưng không phải là những chuyên gia về Trung Quốc học. Phương thức trình bày ngắn gọn, giản dị, kèm theo nhiều hình ảnh minh họa,

nội dung chuyên sâu hơn một tờ nhật báo, nhưng không nặng nề phân tích như một cuốn sách chuyên khảo. Các doanh nhân bận rộn, các nhà giáo trung học, các sinh viên thuộc chuyên ngành Đông Phương học, Trung Quốc học, Quan hệ Quốc tế, Kinh tế Chính trị, kể cả giới truyền thông báo chí, đều có thể tìm thấy trong bộ sách này những thông tin hữu ích. Điều đáng khen là văn phong tuyên truyền chính trị của lối viết thập niên 60-70 đã được tinh giảm liều lượng khá nhiều, tránh cho người đọc cảm giác khó chịu không cần thiết.

Điểm nhấn thứ hai là nội dung. Chúng ta thấy khá rõ là nội dung xoay quanh các vấn đề hiện đại và đương đại, nhằm giới thiệu một đất nước Trung Quốc hết sức hoành tráng, đang vươn lên tăng trưởng từng ngày, đạt được hết thành tích này đến thành tích khác trong nhiều lĩnh vực đa dạng, đặc biệt là kinh tế, ngoại giao. Sự thành công đầy ấn tượng về kinh tế của Trung Quốc đã khiến Hồ Cẩm Đào từ bỏ đường lối ngoại giao tương đối dè dặt của Đặng Tiểu Bình và đòi hỏi thế giới phải công nhận vai trò lớn hơn của Trung Quốc trong các quyết định chiến lược toàn cầu. Sự vươn lên của Trung Quốc cũng đồng thời báo hiệu vị trí số hai của Nhật Bản trong nền kinh tế thế giới đã kết thúc và ngay cả vị trí siêu cường số một của Mỹ cũng đã lung lay. Đương nhiên con voi Ấn Độ cũng có khả năng trở thành một địch thủ đáng gờm của con rồng Trung Quốc, nhưng ngày đó còn xa. Ấn Độ, trừ việc gia tăng dân số, còn thua Trung Quốc về nhiều phương diện.

Bản dịch sang Việt ngữ đã được thực hiện bởi các cán bộ giảng dạy Trung văn trẻ, các dịch giả cộng tác thường xuyên của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tích cực trong một thời gian ngắn để hoàn thành đúng hạn, sẽ là một đóng góp đầy ý nghĩa vào kho tư liệu về đất nước và con người Trung Quốc vốn hết sức phong phú trên thị trường kiến thức Việt Nam. Việc phiên dịch tiếng Hoa không hề dễ dàng chút nào vì thói quen thích dùng các thành ngữ, điển tích của các con cháu Khổng Tử, nhưng các dịch giả và đội ngũ biên tập của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để bảo đảm cho bản dịch tránh khỏi các sơ sót. Dù vậy, các sai lầm liên quan đến việc phiên âm các nhân danh, địa danh, văn hóa, ... chắc chắn là điều khó tránh khỏi. Mong được các bậc thức giả cao minh chỉ chính.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2012

TS. Dương Ngọc Dũng

Lời Nhà xuất bản

Công cuộc cải cách cũng như những kỳ tích kinh tế mà Trung Quốc giành được đã khiến cho sức mạnh tổng hợp của quốc gia này ngày càng trở nên mạnh mẽ, ảnh hưởng quốc tế cũng mỗi lúc một lớn hơn. Ngày càng có nhiều bạn nước ngoài muốn tìm hiểu và làm quen với đất nước Trung Quốc. Với mong muốn giúp họ có thể tìm được cách nhanh nhất để thực hiện khát vọng này, giúp họ hiểu và nắm bắt được những tình hình cơ bản nhất của Trung Quốc chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã tổ chức một nhóm chuyên gia, học giả bắt tay vào biên soạn “Tủ sách Trung Quốc”.

“Tủ sách Trung Quốc” gồm 12 quyển, lần lượt giới thiệu tình hình cơ bản của quốc gia này ở hầu hết các khía cạnh như địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, quốc phòng, xã hội, khoa học và giáo dục, môi trường, dân tộc và tôn giáo. Hiểu được những điều ấy chính là những bước đệm đầu tiên cho việc tìm hiểu đất nước Trung Quốc.

Chúng tôi hy vọng thông qua “Tủ sách Trung Quốc” này, độc giả có thể hiểu một cách khái lược về mọi mặt của đất nước Trung Quốc. Trước hết là những nhận thức về lịch sử văn hóa. Lịch sử văn hóa là nền tảng văn minh của mỗi quốc gia. Là một hình thái quan trọng của văn minh nhân loại, văn minh Trung Hoa là một trong những nền văn minh vô cùng độc đáo vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay. Tiếp theo là tìm hiểu những tình hình cơ bản của Trung Quốc. Trung Quốc là một nước đang có tốc độ tăng trưởng nhanh, cao nhất thế giới, dân số đông, xuất phát điểm từ một nền kinh tế nghèo khó và phát triển không cân đối. Thế nhưng, vượt lên trên những khó khăn của chính mình, Trung Quốc đã kiên trì đi trên đường lối riêng, kiên trì giữ vững sự phát triển, đồng thời tiếp thu những thành quả văn minh của nhân loại để cuối cùng vạch ra con đường phát triển trong tương lai của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Trung Quốc giữ vững lập trường coi xây dựng kinh tế làm trọng điểm, kiên trì cải cách mở cửa, về đối nội thì xây dựng một xã hội hòa hợp, về đối ngoại thì thúc đẩy xây dựng một thế giới hòa bình, bền vững và cùng nhau phát triển, cùng nhau phồn thịnh.

Hy vọng rằng “Tủ sách Trung Quốc” này sẽ giúp bạn đọc bước những bước đầu tiên trong “hành trình tìm hiểu Trung Quốc” của mình.

Bắc Kinh năm 2010
Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu

Mục lục

9 Lời nói đầu



11 Bộ máy Nhà nước



27 Chế độ Bầu cử



37 Chế độ Đại hội đại biểu nhân dân



57 Chế độ Chủ tịch nước



63 Chế độ Hành chính



81 Chế độ Tư pháp



95 Chế độ Quân sự



115 Chế độ Hợp tác đa Đảng và Hiệp thương chính trị



133 Chế độ Dân chủ cơ sở



Lời nói đầu

Phạm vi chế độ chính trị đề cập đến rất rộng, chế độ chính trị cụ thể của những quốc gia khác nhau thì có những đặc sắc không giống nhau. Chế độ chính trị Trung Quốc hiện nay bao gồm: Bộ máy Nhà nước, Chế độ Bầu cử, Chế độ Đại hội đại biểu Nhân dân, Chế độ Chủ tịch nước, Chế độ Hành chính, Chế độ Tư pháp, Chế độ Quân sự, Chế độ Hợp tác Đa đảng và Hiệp thương chính trị, Chế độ Dân chủ cơ sở.

Nền tảng của Trung Quốc trong lịch sử là một quốc gia có chế độ đơn nhất. Năm 1949 nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập đến nay, chế độ tự trị khu vực dân tộc không ngừng được hoàn thiện, sau khi khôi phục chủ quyền cho Hồng Kông và Ma Cao thì thiết lập chế độ đặc khu hành chính, Trung Quốc hiện đại đã phát triển trở thành một quốc gia đơn nhất có nhiều đặc điểm phức hợp.

Tất cả quyền lực của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân dựa vào quy định của pháp luật, thông qua các hình thức và con đường, quản lý những công việc hành chính của nhà nước, quản lý sự nghiệp kinh tế và văn hóa, quản lý những công việc liên quan đến xã hội. Chế độ dân chủ cơ sở tại Trung Quốc hiện đại bao gồm tự trị thôn dân, tự trị dân cư thành thị và quản lý dân chủ xí nghiệp. Chế độ bầu cử của Trung Quốc hiện đại, bảo đảm công dân đủ mười tám tuổi, không phân biệt dân tộc, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, hoàn cảnh xuất thân, tôn giáo tín ngưỡng, trình độ giáo dục, tình trạng tài sản, thời hạn cư trú, ngoài những cá nhân bị tước đoạt mất quyền chính trị thì ai cũng được hưởng quyền bầu cử và được bầu cử.

Chính quyền nhà nước của Trung Quốc hiện nay lấy chế độ Đại hội đại biểu nhân dân làm nền tảng để tổ chức, thành lập các tổ chức. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước. Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là nguyên thủ quốc gia. Quốc vụ viện và Chính quyền nhân dân địa phương các cấp cấu thành nên Cơ quan hành chính nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án địa phương các cấp, Tòa án nhân dân chuyên môn cấu thành nên cơ quan xét xử nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân địa phương các cấp, Viện kiểm sát nhân dân chuyên môn cấu thành nên Cơ quan kiểm sát quốc gia. Ủy ban quân sự trung ương lãnh đạo lực lượng vũ trang quốc gia. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp có vị trí hạt nhân quan trọng trong hệ thống chính quyền Trung Quốc. Cơ quan hành chính nhà nước, Cơ quan xét xử, Cơ quan kiểm sát đều do Đại hội đại biểu nhân dân bầu ra, phụ trách quản lý các cơ quan và cũng chịu sự giám sát của các cơ quan đó.

Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân Trung Quốc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Kể từ khi Tân Trung Quốc được thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành Đảng chấp chính của Trung Quốc hiện nay, cùng với các đảng dân chủ khác tiến hành hợp tác và hiệp thương chính trị, có vai trò chủ chốt quan trọng trong việc phát huy chức năng, vai trò lãnh đạo trong các công việc của đất nước.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập năm 1949, là một quốc gia nhiều dân tộc thống nhất, bộ máy nhà nước áp dụng một chế độ duy nhất, tức là chủ quyền quốc gia được cấu thành từ các khu hành chính, đồng thời thực hiện chế độ khu tự trị dân tộc và chế độ đặc khu hành chính. Các bộ luật như **Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa** và **Pháp luật khu vực tự trị dân tộc**, **Luật cơ bản đặc khu hành chính Hồng Kông**, **Luật cơ bản đặc khu hành chính Ma Cao** đều có quy định về bộ máy nhà nước Trung Quốc hiện nay.



1. Phân cấp hành chính Trung Quốc

Căn cứ vào đặc điểm, Trung Quốc là một đất nước có chế độ thống nhất nên Hiến pháp Trung Quốc có quy định việc chia khu vực hành chính được phân thành ba cấp đó là:

(1) Toàn bộ đất nước chia thành các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương.

(2) Trong các tỉnh, khu tự trị phân chia thành: châu tự trị, huyện, huyện tự trị, thị (thành phố).

(3) Trong các huyện, huyện tự trị lại chia thành: hương (xã), hương dân tộc, trấn (thị trấn).

Trong thành phố trực thuộc trung ương và thị (thành phố) tương đối lớn lại được chia thành khu (quận) và huyện. Trong châu tự trị được chia thành huyện, huyện tự trị và thị (thị xã). Còn khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị đều thuộc vùng tự trị dân tộc.

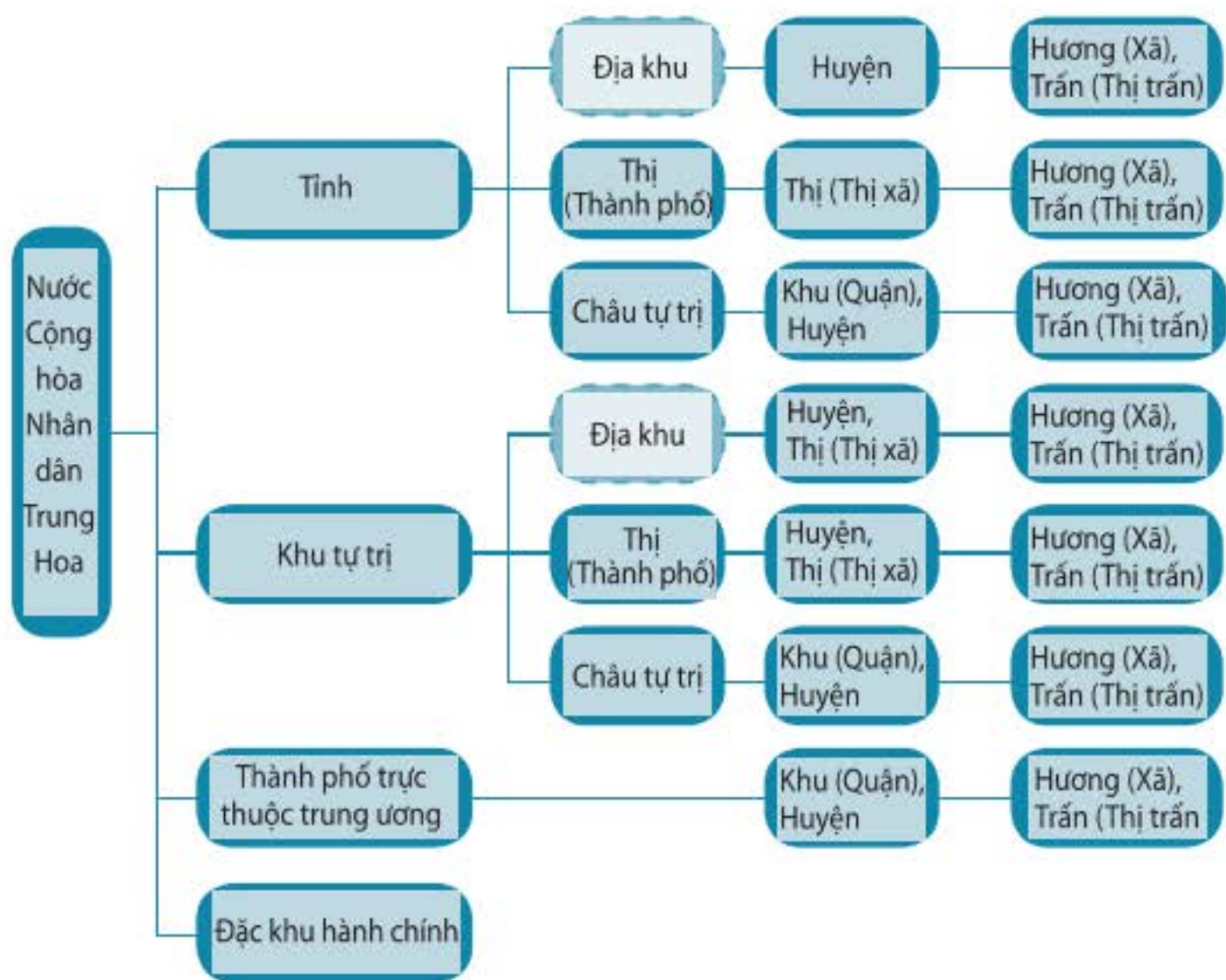
Trên thực tế, cơ cấu khu vực hành chính của Trung Quốc được chia thành bốn cấp là cấp tỉnh, cấp địa khu⁽¹⁾, cấp huyện và cấp

Quảng trường Thiên An Môn – Bắc Kinh trong đêm Quốc khánh

1 Cấp địa khu hay còn gọi là địa khu cấp là cấp hành chính thứ hai trong thứ bậc các cấp hành chính, dưới cấp tỉnh nhưng trên cấp huyện.



**Sơ đồ thể hiện sự phân cấp hành chính
nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa**



hương. Hiện nay Trung Quốc có 23 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc trung ương và 2 đặc khu hành chính.

Năm 1978, sau khi Trung Quốc thực hiện cải cách mở cửa, giữa cấp tỉnh và cấp địa khu lại có thêm khu hành chính cấp phó tỉnh, đây thực chất là một thành phố cấp địa khu, cũng có khi là thành phố trực thuộc tỉnh mà có diện tích tương đối rộng nên được Quốc vụ viện phê chuẩn thành lập.

Diện tích đất liền của Trung Quốc là 9.600.000 km², vào khoảng cuối năm 2008 dân số Trung Quốc là 1,328 tỉ người. Dựa vào diện tích và dân số mà nói, các khu vực hành chính có sự khác biệt khá lớn, ví dụ như xét trong phạm vi tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương thì diện tích Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương là 1.660.000 km², trong khi đó thành phố Thượng Hải chỉ có 6.300 km². Tỉnh có số dân đông nhất là tỉnh Hà Nam, cuối năm 2008 có khoảng 94.290.000 người, trong khi đó Khu tự trị Tây Tạng chỉ có 2.870.000 người. Dù là trong quá khứ hay ở hiện tại thì trình độ văn hóa, kinh tế v.v. của các khu vực hành chính đều có sự phát triển không đồng đều nhau.

Quốc kỳ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa



Quốc huy nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa



Tư liệu liên quan

Quốc kỳ và Quốc huy nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

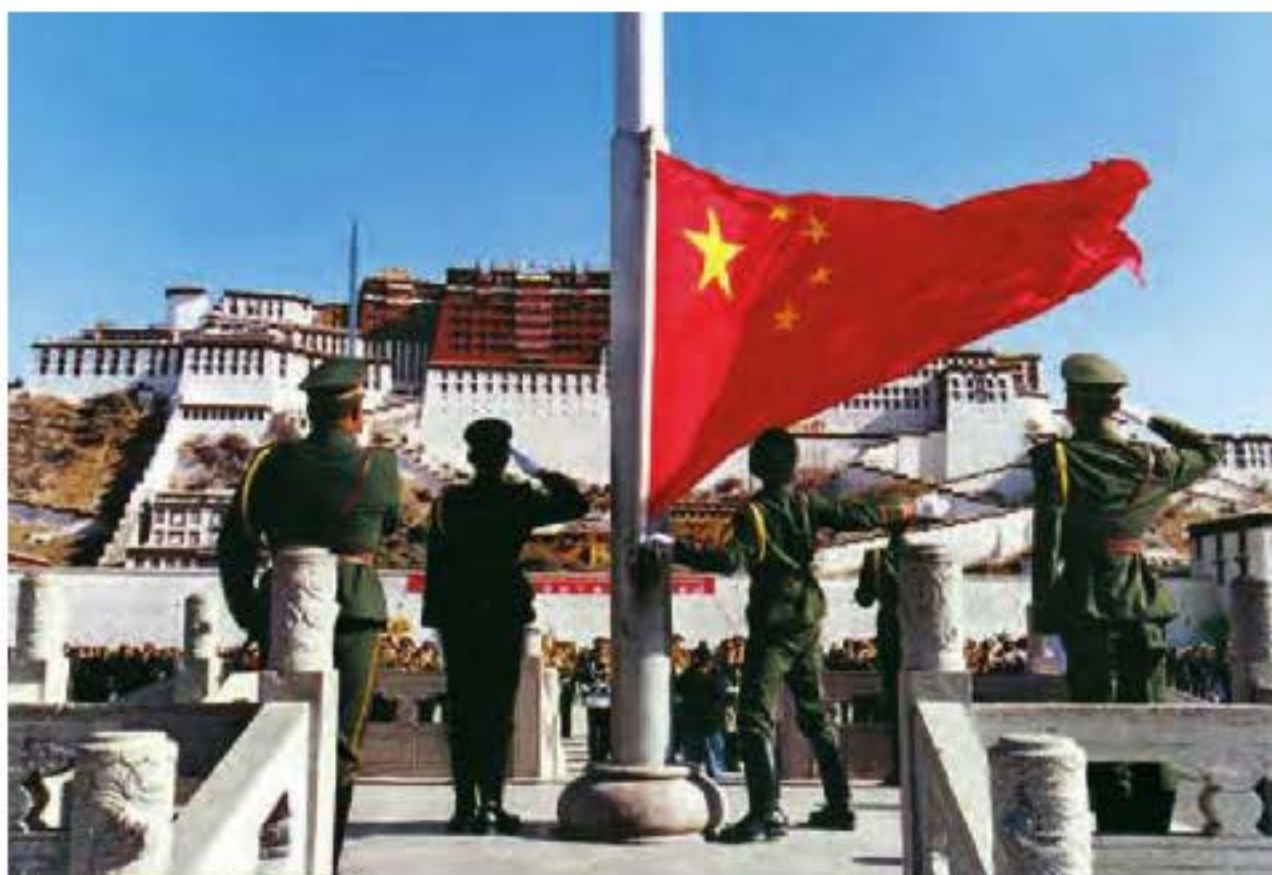
Quốc kỳ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có hình năm ngôi sao trên nền đỏ. Nền màu đỏ tượng trưng cho cách mạng, năm ngôi sao năm cánh và mối quan hệ qua lại giữa chúng tượng trưng cho sự đoàn kết của toàn bộ nhân dân thuộc nhiều tộc người khác nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, màu vàng trên năm ngôi sao tượng trưng cho ánh sáng rạng rỡ được phát ra từ trên nền đỏ đất lớn, bốn ngôi sao nhỏ có một cánh nhọn hướng chỉ về phía trung tâm của ngôi sao lớn, biểu thị sự đoàn kết giữa nhân dân cách mạng bao quanh điểm trung tâm là Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Quốc huy nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ở giữa là cổng Thiên An Môn được chiếu sáng bởi ánh sáng chói lọi của năm ngôi sao, xung quanh là bánh răng cửa và bông lúa, tượng trưng cho cuộc đấu tranh cách mạng Tân dân chủ chủ nghĩa sau Phong trào “Ngũ Tứ” của nhân dân Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới chuyên chính dân chủ nhân dân với liên minh công nhân và nông dân là cơ sở và dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Dựa vào hiến pháp và những quy định của pháp luật, việc phân chia quyền hạn trong cơ cấu khu vực hành chính ở trung ương và địa phương đều phải tuân theo nguyên tắc nhất định và tất cả phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của trung ương. Tất cả nhằm mục đích phát huy tính chủ động và tích cực của địa phương, khiến chức năng, nhiệm vụ của các cấp trong cơ cấu nhà nước được phân chia hợp lí, giữa Trung ương và địa phương có sự phân chia quyền lực hài hòa. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương, các cơ quan chính quyền địa phương có quyền quản lý những sự việc xảy ra trong khu vực của mình. Vùng tập trung các dân tộc thiểu số thì lấy các dân tộc thiểu số làm chủ thể, thành lập vùng tự trị dân tộc để thông qua cơ quan tự trị mà sử dụng và phát huy quyền tự trị, thực hiện tự trị dân tộc và tự trị khu vực. Do lối tư duy “Một quốc gia hai chế độ” mà hai đặc khu hành chính Hồng Kông và Ma Cao đã thực hiện chế độ chính trị, chế độ kinh tế và chế độ xã hội khác nhau ngay trong một đất nước, điều này khiến cho quyền tự trị đang ngày càng lớn hơn nhiều so với các vùng tự trị dân tộc.

2. Vùng tự trị dân tộc

Trong lịch sử, Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc. Khoảng những năm 50 của thế kỷ XX là khoảng thời gian các nhà nghiên cứu Trung Quốc tiến hành nhận diện và phân chia các dân tộc và đến những năm 60 là thời gian đi sâu tìm hiểu lịch sử xã hội và ảnh hưởng



Nghi thức kéo cờ tại quảng trường trước cung điện Potala, thủ phủ Lhasa, Khu tự trị Tây Tạng.



Hình ảnh sinh viên các dân tộc thiểu số mặc trang phục truyền thống lồng lẩy trong khuôn viên trường đại học

của các dân tộc đối với tiến trình phát triển của Trung Quốc từ đó họ rút ra kết luận sơ bộ rằng đất nước Trung Quốc hiện có 56 dân tộc, trong đó dân tộc Hán chiếm số lượng đông nhất. Căn cứ vào điều tra dân số toàn quốc năm 2005, ngoài tỉnh Đài Loan, Đặc khu hành chính Hồng Kông, Đặc khu hành chính Ma Cao ra thì chỉ tính riêng Trung Quốc đại lục gồm 31 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương và quân nhân tại ngũ thì tổng số người Hán là 1,183 tỉ người, chiếm 90,56% tổng số dân, còn các dân tộc khác là 123 triệu người, chiếm khoảng 9,44% tổng số dân. Do dân số của dân tộc Hán chiếm đại đa số dân số, còn các dân tộc khác chiếm số lượng ít hơn nên mọi người theo thói quen thường gọi 55 dân tộc còn lại, trừ dân tộc Hán, là “dân tộc thiểu số” của Trung Quốc.

Hiến pháp quy định, các dân tộc Trung Quốc đều có quyền bình đẳng; Nhà nước đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các dân tộc thiểu số, duy trì và phát triển mối quan hệ giúp đỡ, đoàn kết và bình đẳng giữa các dân tộc; nơi các dân tộc thiểu số sinh sống sẽ thực hiện chế độ khu tự trị, thiết lập cơ quan tự trị, thi hành quyền tự trị; vùng tự trị của các dân tộc là một phần không thể tách rời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; nghiêm cấm các hành vi coi thường và áp bức đối với bất kỳ dân tộc nào; cấm chỉ các hành vi phá hoại, gây chia rẽ sự đoàn kết các dân tộc.

a. Loại hình vùng tự trị dân tộc

Vùng tự trị dân tộc Trung Quốc, dựa vào đặc điểm khác nhau trong quá trình tụ cư của các dân tộc mà có thể chia thành ba loại cơ bản như sau:

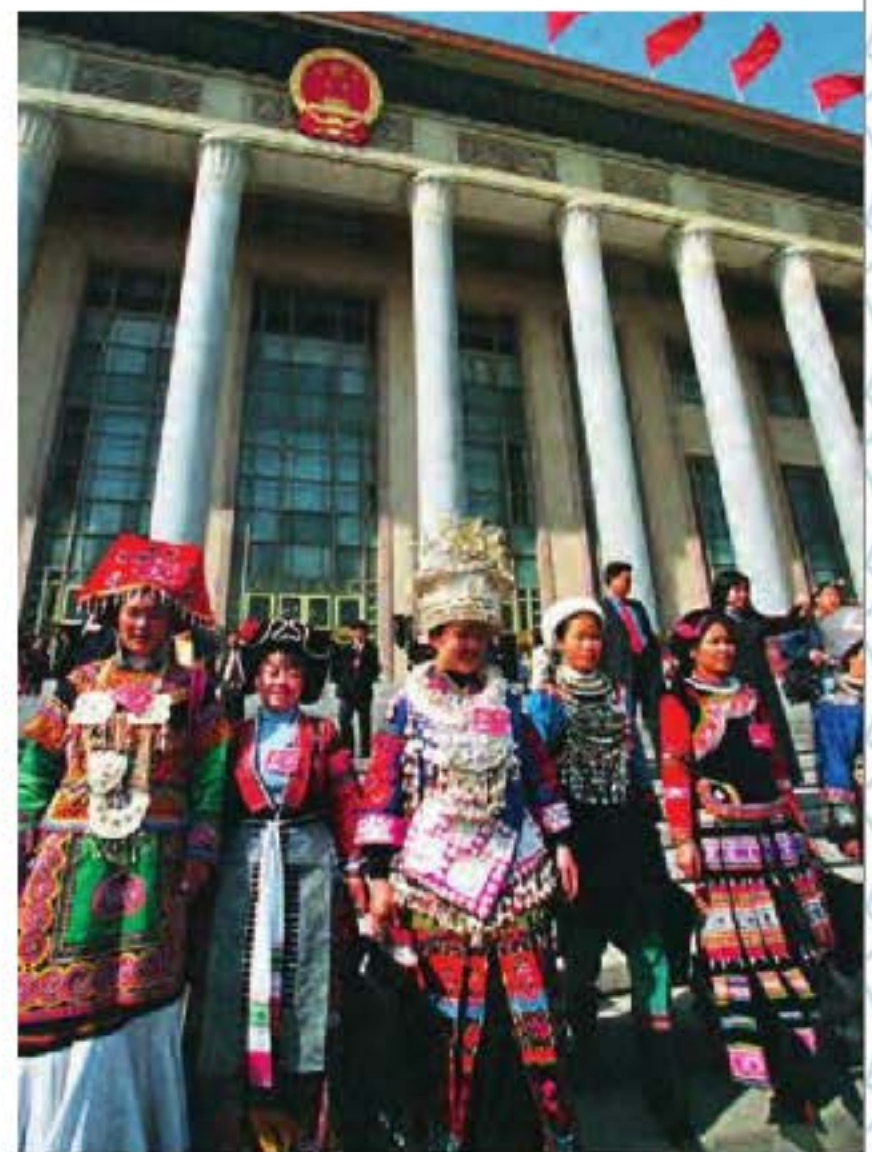
(1) Lấy một vùng dân tộc thiểu số tập trung làm nền tảng để xây dựng vùng tự trị. Như Khu tự trị Tây Tạng là thuộc cấp tỉnh; Khu tự trị dân tộc Triều Tiên ở giáp tỉnh Cát Lâm thuộc cấp địa khu; Huyện tự trị dân tộc Hồi Trương Gia Xuyên thuộc cấp huyện.

(2) Lấy một dân tộc thiểu số có dân số tương đối đông làm nền tảng, trong đó vùng ấy phải là nơi tập trung của một hoặc một vài dân tộc thiểu số khác để thành lập vùng tự trị. Như Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, bao gồm 5 châu tự trị của các dân tộc thiểu số khác (ngoài dân tộc Duy Ngô Nhĩ), 6 huyện tự trị; Khu tự trị dân tộc Choang ở Quảng Tây lại bao gồm 10 huyện tự trị của các dân tộc thiểu số khác (ngoài dân tộc Choang); trong Khu tự trị Nội Mông Cổ còn thành lập ba dân tộc tự trị đó là Đạt Quả Nhĩ, Ngạc Luân Xuân và Ngạc Ôn Khắc... với ba kỳ khác nhau.

(3) Lấy vùng có từ hai dân tộc thiểu số trở lên để làm cơ sở xây dựng vùng tự trị. Ví dụ như Châu tự trị dân tộc Thổ Gia và dân tộc Miêu Tương Tây ở tỉnh Hồ Nam, Châu tự trị dân tộc Mông Cổ và dân tộc Tạng Hải Tây... Tại các vùng tự trị dân tộc đều phải có số dân của dân tộc Hán tương đương nên vùng tự trị dân tộc cũng bao gồm vùng cư trú của một bộ phận dân tộc Hán.

Khu vực hành chính vùng tự trị của các dân tộc, về nguyên tắc là phải dựa trên số lượng dân cư và sự rộng hẹp của diện tích đất đai để chia ra vùng tự trị các dân tộc. Theo quy định trong Hiến pháp Trung Quốc, vùng tự trị dân tộc được chia thành ba cấp đó là khu tự trị, châu tự trị và huyện tự trị, tương đương với sự phân chia hành chính thành ba cấp là cấp tỉnh, cấp địa khu và cấp huyện. Hương dân tộc và trấn dân tộc không phải là vùng tự trị dân tộc, do vậy không thể thi hành quyền tự trị dân tộc được, nhưng cũng cần chú ý đến một vài đặc thù cần thiết của các dân tộc thiểu số mà có những điều chỉnh cho phù hợp.

Các đại biểu dân tộc thiểu số tham sự Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc



b. Cơ cấu cơ quan tự trị dân tộc

Cơ quan tự trị của Vùng tự trị dân tộc bao gồm toàn bộ Chính quyền và Đại hội đại biểu nhân dân của Khu tự trị, Châu tự trị và Huyện tự trị. Cơ quan tự trị dân tộc trở thành cơ quan chính quyền nhà nước của Vùng tự trị dân tộc và có những đặc điểm khác với cơ quan chính quyền địa phương như:

(1) Chủ tịch Khu tự trị, Châu trưởng Châu tự trị, Huyện trưởng Huyện tự trị phải do công dân của dân tộc thuộc khu vực tự trị đó đảm nhiệm; Ủy viên Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân Vùng tự trị dân tộc phải do công dân của dân tộc thuộc khu vực tự trị đó đảm nhiệm chức vụ là Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm. Chính quyền phụ trách việc thi hành chế độ của Chủ tịch Khu tự trị, Châu trưởng Châu tự trị, Huyện trưởng Huyện tự trị được phân biệt chủ yếu dựa vào việc nắm giữ cấp tương đương trong Chính quyền. (2) Trong Đại hội đại biểu nhân dân của Vùng tự trị dân tộc thì số lượng và tỉ lệ đại biểu của dân tộc khu vực tự trị với các dân tộc khác, phải căn cứ trên nguyên tắc mà pháp luật đã quy định, do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp tỉnh, Khu tự trị quyết định. (3) Cơ cấu nhân viên chính quyền của Vùng tự trị dân tộc cần phải có sự ưu tiên đối với các cán bộ dân tộc thiểu số có năng lực, điều kiện cơ bản phù hợp.

c. Quyền tự trị của cơ quan tự trị dân tộc

Điểm cốt lõi trong chế độ khu vực tự trị dân tộc là trong cơ quan tự trị của Vùng tự trị dân tộc có những quyền tự trị và quyền tự chủ lớn hơn so với các quyền trong cơ quan chính quyền địa phương khác. Quyền tự chủ và quyền tự trị chính là quyền lợi tự chủ quản lý những sự việc nội bộ dân tộc của Vùng tự trị dân tộc. Căn cứ vào Hiến pháp và quy định trong Luật tự trị khu vực dân tộc, quyền tự trị của cơ quan tự trị dân tộc có thể quy về mấy phương diện sau:

Tư liệu liên quan

Sơ lược về Vùng tự trị dân tộc

Hiện nay Trung Quốc đã thành lập tổng cộng 155 vùng tự trị dân tộc, trong đó bao gồm 5 khu tự trị (Khu tự trị Nội Mông Cổ, Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, Khu tự trị dân tộc Choang - Quảng Tây, Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ, Khu tự trị Tây Tạng), 30 châu tự trị, 120 huyện tự trị (kỳ).

Trong 55 dân tộc thiểu số thì có 44 vùng tự trị được thành lập, dân số của dân tộc thiểu số của khu vực tự trị chiếm 71% trong tổng dân số của dân tộc thiểu số và diện tích của vùng tự trị dân tộc chiếm trên dưới 64% diện tích của toàn bộ đất nước.

Có thể thấy rằng, có một vài dân tộc thiểu số tập trung ở những vùng có diện tích tương đối nhỏ, số dân tương đối ít lại có sự phân tán, không thích hợp cho việc thành lập vùng tự trị, nên có thể dựa vào quy định của hiến pháp mà có biện pháp là xây dựng nên hương dân tộc, khiến một vài dân tộc thiểu số cũng có thể có được quyền tự mình làm chủ dân tộc mình, quản lý những việc xảy ra trong nội bộ dân tộc mình. Hiện tại, Trung Quốc có tất cả hơn 1.100 hương dân tộc.

(1) Dựa vào đặc điểm về chính trị, kinh tế và văn hóa của dân tộc vùng đó để quy định những điều lệ riêng và điều lệ tự trị. Điều lệ riêng và điều lệ tự trị của Khu tự trị có hiệu lực sau khi báo cáo và được phê chuẩn của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Điều lệ riêng và điều lệ tự trị của Châu tự trị và Huyện tự trị có hiệu lực sau khi báo cáo và được phê chuẩn của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp tỉnh hoặc là Khu tự trị, cùng với đó là trình báo cáo lên Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. (2) Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mà quán triệt việc chấp hành chính sách và pháp luật của Nhà nước. Những nghị quyết, quyết định, sắc lệnh và chỉ thị của cơ quan nhà nước cao nhất, nếu không thích hợp với tình hình thực tế của địa phương, vùng đó thì Vùng tự trị dân tộc có thể báo cáo lên Nhà nước để có thể có sự điều chỉnh trong quá trình thi hành hoặc là ngừng thi hành đối với vùng đó. (3) Tự chủ quản lý và sắp xếp, xây dựng kiến thiết sự nghiệp hành chính địa phương, cần phải dựa vào đặc điểm và nhu cầu của địa phương, đặt ra kế hoạch, phương châm và chính sách về kinh tế. (4) Tự chủ quản lý tài chính địa phương, những khoản thu chi tài chính của địa phương tự trị dân tộc, do Quốc vụ viện căn cứ theo quy định nguyên tắc ưu đãi. Phàn thu nhập tài chính của địa phương tự trị dân tộc thuộc vào thể chế chính trị quốc gia đều phải ứng thuận theo sự tự trị của cơ quan tự trị của vùng tự trị dân tộc sắp xếp, sử dụng. (5) Những sự nghiệp như văn hóa, giáo dục, thể dục, vệ sinh của vùng đều được tự chủ quản lý, tự chủ sử dụng và phát triển ngôn ngữ văn tự dân tộc mình. (6) Dựa theo chế độ quân sự của quốc gia và nhu cầu thực tế của từng vùng, được sự phê chuẩn của Quốc vụ viện, có thể tổ chức đội ngũ bộ đội, công an để duy trì trật tự an ninh xã hội ở địa phương. (7) Căn cứ vào nhu cầu mà lựa chọn những cách thức thi hành, từ việc bồi dưỡng một số lượng lớn các cán bộ dân tộc thiểu số, những nhân tài chuyên nghiệp và dựa trên cơ sở của khoa học kỹ thuật trong các dân tộc ở tại vùng đó để có thể phát huy được tác dụng cũng như chức năng của vùng tự trị dân tộc.

3. Đặc khu hành chính

Hồng Kông và Ma Cao từ xưa đến nay vẫn chính là thuộc vào lãnh thổ Trung Quốc. Năm 1840, sau chiến tranh Nha Phiến, Hồng Kông bị nước Anh chiếm đóng. Ngày 19 tháng 12 năm 1984, chính phủ hai nước Trung Quốc và Anh đã ký tuyên bố chung về vấn đề Hồng Kông. Ngày 1 tháng 7 năm 1997, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện việc khôi phục chuyển giao chủ quyền Hồng Kông. Ma Cao, từ sau giữa thế kỷ XVI đã bị Bồ Đào Nha dần dần chiếm đóng. Ngày 13 tháng 4 năm 1987, hai nước đã ký tuyên bố chung Trung - Bồ về vấn đề Ma Cao. Ngày 20 tháng 12 năm 1999, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện việc khôi phục chuyển giao chủ quyền cho Ma Cao.

Để duy trì sự toàn vẹn lãnh thổ và sự thống nhất quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho Hồng Kông và Ma Cao ổn định xã hội và phát triển kinh tế, lại suy xét đến lịch sử và tình hình thực tế của hai vùng Hồng Kông và Ma Cao. Trung Quốc quyết định, vào thời

Ngày 1 tháng 7 năm 1997, Chính phủ Trung Quốc thực hiện việc khôi phục chuyển giao chủ quyền cho Hồng Kông. Bức ảnh dưới đây là buổi lễ tiếp nhận chính quyền Hồng Kông trước sự chứng kiến của chính phủ hai nước Trung-Anh

điểm khôi phục chuyển giao chủ quyền cho Hồng Kông và Ma Cao, căn cứ vào quy định ở Điều 31 trong Hiến pháp, thành lập đặc khu hành chính, thực hiện chế độ đặc khu hành chính cần phải dựa vào tình hình cụ thể do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc để làm quy định của pháp luật. Tháng 4 năm 1990, kỳ họp lần thứ ba của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa VII đã thông qua *Luật pháp cơ bản về Đặc khu hành chính Hồng Kông*; tháng 3 năm 1993, kỳ họp lần thứ nhất của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa VIII đã thông qua *Luật pháp cơ bản về Đặc khu hành chính Ma Cao*. Dựa vào quy định trong luật pháp cơ bản, Hồng Kông và Ma Cao trở về thiết lập đặc khu hành chính, bắt đầu thực hiện từ đó đến nay, thực thi “chế độ hai nước”, “Người Hồng Kông cai trị người Hồng Kông”, “Người Ma Cao cai trị người Ma Cao”, “quyền tự trị cao độ”.

a. Quyền tự trị và bộ khung chính quyền của Đặc khu hành chính

Dựa vào hiến pháp và quy định trong hai bộ luật pháp cơ bản, Đặc khu hành chính Hồng Kông và Đặc khu hành chính Ma Cao đều là những bộ phận không thể tách rời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, được hưởng quyền tự trị cao nhất của khu vực hành chính địa phương, trực thuộc Chính quyền nhân dân Trung ương. Thể chế chính trị của Đặc khu hành chính không chấp nhận chế độ nội địa, cũng không theo thể chế “tam quyền phân lập” như ở phương Tây,





Tranh trái: Cờ của
Đặc khu hành chính
Hồng Kông

Tranh phải: Khu huy
của Đặc khu hành
chính Hồng Kông

nhưng cũng vẫn giữ gìn và lấy bộ khung chế độ hành chính làm chủ đạo, cơ quan hành chính và cơ quan lập pháp đã có sự phối hợp với nhau, lại có sự ngang bằng khắc chế lẫn nhau, tư pháp thì độc lập. Quyền tự trị cao nhất của Đặc khu hành chính xét về mặt bản chất thì thuộc quyền tự trị của vùng, phạm vi quyền tự trị này rất rộng lớn, chủ yếu bao quát: (1) Quyền quản lý hành chính; (2) Quyền lập pháp; (3) Quyền quyết định sau cùng và quyền tư pháp độc lập; (4) Quyền lực xử lý những việc của chính mình đối với các việc liên quan đến hành chính, sự nghiệp.

b. Hội lập pháp Đặc khu hành chính

Dựa vào hiến pháp và quy định trong hai bộ luật cơ bản, ngoài ngoại giao, quốc phòng và những công việc thuộc phạm vi quản lý của Chính quyền Trung ương không thể lập pháp thì Hội lập pháp Đặc khu hành chính có quyền lập pháp đối với tất cả những công việc hành chính trong phạm vi tự trị cao nhất. Hội lập pháp là cơ quan lập pháp của Đặc khu hành chính, phụ trách việc soạn, sửa đổi và bãi bỏ luật pháp. Hội lập pháp còn có quyền xét duyệt, thông qua dự thảo tài chính của chính quyền, phê chuẩn mức thuế thu và công khai tình hình thu chi phục vụ cho công cộng, có quyền quyết định cuối cùng việc miễn nhiệm các vị thẩm phán, cùng người đứng đầu tòa án. Hội lập pháp được trao quyền trong Luật cơ bản Đặc khu hành chính, dựa theo trình tự quy định của pháp luật, cần phải lập báo cáo đệ trình Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Báo cáo đó không ảnh hưởng đến tác dụng, hiệu quả của luật pháp. Những điều luật trong báo cáo nếu không phù hợp với những quy định có liên quan được quy định trong Luật cơ bản của Đặc khu hành chính, cần phải có luật hồi đáp theo đúng trình tự của luật pháp lên Ủy ban thường vụ nhân đại toàn quốc, nhưng không được sửa đổi. Luật hồi đáp đó ngay lập tức sẽ hết hiệu lực. Báo cáo thì hành các biện pháp chính trị đối với cơ quan hành chính cấp trên, Hội lập pháp chỉ có quyền nghe và tranh luận. Khi người đứng đầu quản lý hành chính có dấu hiệu làm trái pháp luật nghiêm trọng và lợi dụng chức quyền thì cần phải thông qua hai phần ba tổng số thành viên của Hội lập pháp, có thể chỉ ra được tội danh cụ thể, rồi tội danh đó sẽ được báo cáo lên và xin Chính quyền nhân dân trung ương quyết định.

Tranh trái: Cờ của
Đặc khu hành chính
Ma Cao

Tranh phải: Khu huy
của Đặc khu hành
chính Ma Cao



c. Người đứng đầu chính quyền Đặc khu hành chính

Người đứng đầu chính quyền phải là công dân Trung Quốc, đủ 40 tuổi, thường trú trong Đặc khu hành chính liên tiếp trong vòng 20 năm, không được cư trú ở nước ngoài và phải mãi mãi ở trong vùng Đặc khu hành chính. Người đứng đầu chính quyền được chọn lựa thông qua quá trình bầu cử hoặc hiệp thương, do Chính quyền nhân dân trung ương bổ nhiệm. Người đứng đầu chính quyền có song song hai địa vị pháp luật quan trọng, một mặt là người đứng đầu Đặc khu hành chính, mặt khác là người phụ trách đặc biệt về mặt hành chính của Đặc khu hành chính và Chính quyền nhân dân trung ương. Nhiệm kỳ của người đứng đầu chính quyền là 5 năm, có thể tiếp tục đảm nhiệm lần sau.

Căn cứ vào quy định của Luật cơ bản, người đứng đầu chính quyền có quyền lực rộng lớn bao quát nhất. Phạm vi trách nhiệm cơ bản, quyền lực chủ yếu của người đứng đầu chính quyền Đặc khu hành chính Hồng Kông và Ma Cao là giống nhau: (1) Lãnh đạo Chính quyền Đặc khu hành chính; quyết định chính sách của Chính quyền và ban bố sắc lệnh hành chính; theo dõi chấp hành Luật cơ bản và điều chỉnh hài hòa Luật cơ bản với các bộ luật khác được dùng trong Đặc khu hành chính. (2) Xác nhận những vụ án thông qua hội Lập pháp, ban bố pháp luật; xác nhận những dự thảo tài chính thông qua Hội lập pháp, dự toán, quyết toán tài chính để báo cáo lên Chính quyền nhân dân trung ương. (3) Đề cử những chức vụ quan chức chủ yếu để xin Chính quyền nhân dân trung ương bổ nhiệm, đề nghị Chính quyền nhân dân trung ương miễn nhiệm những quan chức, cán bộ vẫn còn tại chức; chiếu theo trình tự quy định của pháp luật mà miễn nhiệm thẩm phán tòa án các cấp; dựa theo trình tự quy định của pháp luật mà miễn nhiệm nhân viên công chức. (4) Chấp hành chỉ thị của Chính quyền nhân dân trung ương chính là tất cả những công việc hành chính được đặt ra có liên quan đến quy định của Luật

cơ bản; Đại diện Chính quyền nhân dân trung ương xử lý những công việc đối ngoại và những công việc khác được Nhà nước trao quyền. (5) Tiến hành phê chuẩn những kiến nghị thu, chi liên quan đến tài chính và những công việc liên quan do Hội lập pháp đề xuất; cần suy xét căn cứ trên độ an toàn và tầm quan trọng đối với lợi ích công cộng; quyết định chính sách của các công chức cán bộ hoặc những nhân viên làm việc trong Chính quyền và phụ trách những mảng khác nhau, cần phải do Hội lập pháp hoặc các ủy ban trực thuộc bên dưới làm chứng hoặc cung cấp chứng cứ. (6) Miễn hoặc giảm nhẹ tội đối với những tội phạm hình sự, xử lý những việc liên quan đến yêu sách, khiếu nại. Ngoài những quyền hạn được nêu trên, người đứng đầu chính quyền của Đặc khu hành chính Ma Cao còn có quyền ủy nhiệm nghị sĩ cho Hội lập pháp; miễn nhiệm hành chính đối với các ủy viên; miễn nhiệm quan kiểm sát; căn cứ vào trình tự quy định của pháp luật mà xin Chính quyền nhân dân trung ương bổ nhiệm Kiểm sát trưởng; đề nghị Chính quyền nhân dân trung ương bãi miễn chức vụ Kiểm sát trưởng; dựa vào những quy định danh hiệu vinh dự và khen thưởng biểu dương của Đặc khu hành chính Ma Cao để trao và nhận theo đúng nguyên tắc.

d. Chính quyền Đặc khu hành chính

Hai bộ Luật cơ bản tách biệt quy định: Chính quyền đặc khu hành chính Hồng Kông lập ra các Sở Chính trị, Sở Tài chính, Sở Pháp luật (Chủ quản các công việc liên quan đến hình sự, kiểm sát) và các cục, ban, phòng, vụ; Chính quyền Đặc khu hành chính Ma Cao có lập ra các sở, cục, phòng, ban. Sở Kiểm toán và Sở Giám sát hành chính cần phải có người đứng đầu bộ máy hành chính phụ trách. Những người có tư cách nhậm chức làm việc trong Chính quyền Đặc khu hành chính chủ yếu bao gồm: Người đứng đầu chính quyền phải là công dân Trung Quốc, thường trú trong đặc khu hành chính liên tiếp trong vòng 15 năm trở nên, không được cư trú ở nước ngoài và phải mãi mãi ở trong vùng Đặc khu hành chính. Quy định bổ sung trong Luật cơ bản của Đặc khu hành chính Ma Cao, các quan chức chủ chốt khi nhậm chức nên báo cáo, ghi chép trong hồ sơ về tình hình tài sản và Thẩm phán tòa án của Đặc khu hành chính sẽ ra phán quyết cuối cùng.

Chính quyền Đặc khu hành chính là chính quyền được hưởng quyền lực, quyền quản lý hành chính cao nhất, cũng là chính quyền chịu sự chế ước và phụ trách của chính phủ. Dựa vào quy định trong hai bộ Luật cơ bản, quyền hạn của chính quyền Đặc khu hành chính bao gồm: (1) Đặt ra và chấp hành cách chính sách. (2) Quản lý các mục hành

chính sự nghiệp. (3) Xử lý các công việc đối quan dựa vào quy định của Luật cơ bản và sự ủy nhiệm của Chính quyền nhân dân trung ương. (4) Lên kế hoạch và đề xuất dự toán, quyết toán tài chính. (5) Đặt ra và đề xuất những dự luật, dự thảo, quy tắc kèm theo. (6) Những quan chức trong Hội lập pháp được ủy thác, đại diện phát ngôn cho chính quyền. Căn cứ vào quy định, Chính quyền Đặc khu hành chính cần thiết phải tuân theo Hiến pháp, Luật cơ bản và tuân thủ theo trình tự luật pháp đã định và pháp luật được sử dụng trong Đặc khu hành chính. Chính quyền cần phải quản lý phụ trách Hội lập pháp, chấp hành điều luật của Hội lập pháp để phát huy tác dụng của nó, định kỳ báo cáo tình hình chính trị lên Hội lập pháp, trả lời những chất vấn của các thành viên Hội lập pháp. Nếu như chưa được sự ủy thác của Chính quyền trung ương, Chính quyền Đặc khu hành chính không được tự tiện xử lý các công việc liên quan đến quốc phòng, ngoại giao.

e. Cơ quan tư pháp Đặc khu hành chính

Căn cứ vào quy định trong Luật cơ bản, Đặc khu hành chính Hồng Kông và Ma Cao đều có được quyền quyết định cuối cùng và quyền tư pháp độc lập. Thẩm phán của Tòa án chung thẩm và Tòa án cao đẳng đều phải do công dân Trung Quốc, mãi mãi sống ở địa phương và không được phép cư trú ở nước ngoài đảm nhiệm. Quan tòa phải do người đứng đầu chính quyền căn cứ vào quan tòa ở vùng đó, vào pháp luật và một vài phương diện khác để biết những nhân tài mà có điều kiện tiến cử bổ nhiệm vào trong Ủy ban. Tòa án độc lập tiến hành xét xử, chỉ phục tùng pháp luật, không nhận bất cứ sự can thiệp nào khác. Về phương diện này có điểm chung.

Do trước đây Hồng Kông và Ma Cao chịu sự ảnh hưởng của Anh và Bồ Đào Nha nên cơ cấu cơ quan tư pháp của hai vùng Đặc khu hành chính này do Tòa án chung thẩm, Tòa án cao đẳng, Tòa án khu vực, Tòa án sở tài phán và các tòa án chuyên môn khác cấu thành, quyền sử dụng các thẩm phán tư pháp. Đặc khu hành chính Ma Cao còn thiết lập Tòa án sơ cấp, Tòa án trung cấp và Tòa án chung thẩm. Tòa án sơ cấp căn cứ vào nhu cầu thiết lập những nơi xử án chuyên môn, vốn là nơi tiếp tục giữ gìn chế độ khởi tố các vụ án hình sự. Đặc khu hành chính Ma Cao còn thiết lập các tòa án hành chính để tranh tụng những vấn đề liên quan đến hành chính và thuế má của Đặc khu. Viện kiểm sát Đặc khu hành chính Ma Cao có chức năng kiểm sát độc lập, sử dụng luật pháp để giáo phó, không nhận bất kỳ sự can thiệp nào ở bên ngoài.

Bảng thống kê các Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc Trung ương, Đặc khu hành chính của Trung Quốc

Tên gọi	Trụ sở chính quyền	Diện tích (Vạn Km ²)t	Dân số năm 2008 (Vạn người)
Thành phố Bắc Kinh	Bắc Kinh	1.68	1695
Thành phố Thiên Tân	Thiên Tân	1.13	1176
Tỉnh Hà Bắc	Thạch Gia Trang	19	6989
Tỉnh Sơn Tây	Thái Nguyên	15.6	3411
Khu tự trị Nội Mông Cổ	Hô Hòa Hạo Đặc (Hohhot)	118.3	2414
Tỉnh Liêu Ninh	Thẩm Dương	14.57	4315
Tỉnh Cát Lâm	Trường Xuân	18.7	2734
Tỉnh Hắc Long Giang	Cáp Nhĩ Tân	46.9	3825
Thành phố Thượng Hải	Thượng Hải	0.62	1888
Tỉnh Giang Tô	Nam Kinh	10.26	7677
Tỉnh Chiết Giang	Hàng Châu	10.18	5120
Tỉnh An Huy	Hợp Phì	13.9	6135
Tỉnh Phúc Kiến	Phúc Châu	12	3604
Tỉnh Giang Tây	Nam Xương	16.66	4400
Tỉnh Sơn Đông	Tế Nam	15.3	9417
Tỉnh Hà Nam	Trịnh Châu	16.7	9429
Tỉnh Hồ Bắc	Vũ Hán	18.74	5711
Tỉnh Hồ Nam	Trường Sa	21	6380
Tỉnh Quảng Đông	Quảng Châu	18.6	9544
Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây	Nam Ninh	23.63	4816
Tỉnh Hải Nam	Hải Khẩu	3.4	854
Thành phố Trùng Khánh	Trùng Khánh	8.2	2839
Tỉnh Tứ Xuyên	Thành Đô	48.8	8138
Tỉnh Quý Châu	Quý Dương	17	3793
Tỉnh Vân Nam	Côn Minh	39.4	4543
Khu tự trị Tây Tạng	La Tát (Lhasa)	122	287
Tỉnh Thiểm Tây	Tây An	20.5	3762
Tỉnh Cam Túc	Lan Châu	45	2628
Tỉnh Thanh Hải	Nam Ninh	72	554
Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ	Ngân Xuyên	6.64	618
Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương	Mã Lỗ Mộc Tế (Urumqi)	160	2131

Đặc khu hành chính Hồng Kông	Hồng Kông	0.1092	698
Đặc khu hành chính Ma Cao	Ma Cao	0.0023	55
Tỉnh Đài Loan		3.6	2304

Địa chỉ trang web của chính quyền nhân dân các tỉnh, Khu tự trị và Thành phố trực thuộc Trung ương

Chính quyền nhân dân Thành phố Bắc Kinh	http://www.beijing.gov.cn
Chính quyền nhân dân Thành phố Thiên Tân	http://www.tj.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Hà Bắc	http://www.hebei.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Sơn Tây	http://www.shanxi.gov.cn
Chính quyền nhân dân Khu tự trị Nội Mông Cổ	http://www.nmg.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Liêu Ninh	http://www.ln.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Cát Lâm	http://www.jl.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Hắc Long Giang	http://www.hlj.gov.cn
Chính quyền nhân dân Thành phố Thượng Hải	http://www.shanghai.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Chiết Giang	http://www.zj.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh An Huy	http://www.ah.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Phúc Kiến	http://www.fujian.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Giang Tây	http://www.jiangxi.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Sơn Đông	http://www.sd.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Hà Nam	http://www.henan.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Hồ Bắc	http://www.hubei.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Hồ Nam	http://www.hunan.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Quảng Đông	http://www.gd.gov.cn
Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây	http://www.gxzf.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Hải Nam	http://www.hainan.gov.cn
Chính quyền nhân dân Thành phố Trùng Khánh	http://www.cq.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Tứ Xuyên	http://www.sc.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Quý Châu	http://www.gz.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Vân Nam	http://www.yn.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Thiểm Tây	http://www.shaanxi.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Cam Túc	http://www.gansu.gov.cn
Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ	http://www.nx.gov.cn
Chính quyền nhân dân Tỉnh Thanh Hải	http://www.qh.gov.cn
Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương	http://www.xinjiang.gov.cn

CHẾ ĐỘ BẦU CỬ

Kể từ năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập đến nay đã từng bước xây dựng được chế độ bầu cử phù hợp với điều kiện tình hình trong nước, chọn phương pháp không ghi tên người bầu vào trong tờ phiếu bầu, kết hợp giữa bầu cử trực tiếp và bầu cử gián tiếp, thực hiện phương thức bầu cử bình đẳng, phổ thông. Bầu cử trực tiếp được bắt đầu vào thời kỳ đầu mới thành lập nước, khi ấy đại biểu chủ yếu giới hạn trong Đại hội đại biểu nhân dân của cấp hương, trấn, thị hạt khu (quận) và cả các vùng lân cận thành phố. Tháng 7 năm 1979, thông qua hội nghị lần thứ hai của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa V đã sửa đổi **Luật bầu cử Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp và Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc**, mở rộng phạm vi bầu cử trực tiếp đến cả huyện và huyện tự trị. Sau đó, đến năm 1982, 1986, 1995, 2004 qua bốn lần sửa đổi tương đối lớn, Luật bầu cử đã có nhiều phương diện được cải cách, thay đổi như: thủ tục đi bầu của người dân được đơn giản hóa, tỉ lệ đại biểu trên tổng số dân của thành thị và nông thôn được thu hẹp, số đại biểu trong Đại hội đại biểu nhân dân địa phương được chuẩn hóa, quy phạm, có sự phối hợp với dân một cách chặt chẽ trong việc tiến cử đại biểu, dần dần hình thành nên một chế độ bầu cử mang đặc sắc Trung Quốc. Đồng thời cùng với sự phát triển của chính trị, kinh tế, văn hóa, chế độ bầu cử của Trung Quốc cũng không ngừng được hoàn thiện.



1. Phân chia cử tri bầu cử và khu vực bầu cử

a. Thành lập cơ quan chủ trì bầu cử

Dựa vào quy định trong Luật bầu cử hiện hành, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, việc bầu cử đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân của các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố trực thuộc tỉnh, châu tự trị do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó chủ trì; tại thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị, hương, hương dân tộc, trấn thiết lập Ủy ban bầu cử, chủ trì việc bầu cử là đại biểu Đại hội đại biểu nhân

dân cấp đó. Sở dĩ việc trực tiếp bầu cử cần phải thiết lập Ủy ban bầu cử là vì số lượng chuẩn bị cho công việc bầu cử tương đối lớn, từ việc tuyên truyền Luật bầu cử, bồi dưỡng cán bộ cốt cán cho công tác bầu cử, phân chia khu vực bầu cử, cử tri đăng ký, đề xuất người ứng cử, trực tiếp bỏ phiếu... đều cần phải có người chủ trì từng khâu chuyên môn, để đảm bảo công việc bầu cử được tiến hành một cách đúng quy củ, bình thường.

Ủy ban bầu cử là cơ quan lâm thời chủ trì và xử lý các công việc có liên quan đến bầu cử, sau khi bầu cử kết thúc, ủy ban này lập

tức bị thủ tiêu. Dựa vào luật đã quy định và cách thức hiện hành, Ủy ban bầu cử tại thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị bao gồm các thành viên đều là do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó bổ nhiệm, lại chịu sự lãnh đạo. Ủy ban bầu cử của hương, hương dân tộc, trấn bao gồm các thành viên do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân của thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị bổ nhiệm và chịu sự lãnh đạo của Ủy ban bầu cử thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị.

Ủy ban bầu cử chủ yếu thi hành những chức trách bao gồm: (1) Tiến hành cho cử tri đăng ký, kiểm tra tư cách cử tri, công bố danh sách cử tri. (2) Tiếp nhận những ý kiến, kiến nghị khác nhau đối với danh sách cử tri, sau đó ra quyết định cuối cùng. (3) Phân chia khu vực bầu cử đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân theo từng cấp, phân phối số đại biểu nên theo từng khu vực bầu cử cho phù hợp. (4) Căn



Cử tri cầm thẻ cử tri tham gia bầu cử đại biểu Đại hội

cứ vào ý kiến của đa số cử tri, xác nhận và chính thức công bố danh sách cử tri được đi bầu cử. (5) Quy định ngày bầu cử. (6) Xác định kết quả bầu cử có hiệu lực hay không, công bố danh sách đại biểu ứng cử. Ngoài ra, còn phải đảm nhiệm nhiệm vụ bồi dưỡng các nhân viên làm công tác bầu cử, tuyên truyền quy định bầu cử đến với tất cả mọi người dân trong nước.

b. Phân chia khu vực bầu cử

Khu vực bầu cử là đơn vị cơ bản có các đại biểu ứng cử và cử tri trực tiếp đi bầu cử, cũng là vùng cơ bản triển khai những công việc thường nhật và mối liên hệ giữa đại biểu và cử tri khá mật thiết. Hợp với những thành tựu của cư dân và sự thay đổi của tình hình cư trú, theo quy định hiện hành của Luật pháp Trung Quốc, khu vực bầu cử có thể căn cứ vào tình hình cư trú mà phân chia, cũng có thể phân chia dựa vào những đơn vị sản xuất, đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị công tác. Căn cứ vào các khu vực bầu cử mà tổ chức hoạt động bầu cử cũng thuận lợi hơn cho cử tri lựa chọn những người mà mình quen thuộc, lựa chọn đại biểu được đa số cử tri tín nhiệm, vừa lòng, còn có thể duy trì được mối liên hệ, giám sát giữa đại biểu với khu vực bầu cử và có sự giao lưu với cử tri.

Trong thực tiễn, bầu cử ở nông thôn về cơ bản cũng dựa vào khu vực dân cư của từng thôn mà có sự phân chia khu vực bầu cử cho phù hợp. Tiến hành bầu cử trực tiếp cấp hương, thường có mấy thôn nhỏ kết hợp lại với nhau hình thành nên một khu vực bầu cử, số dân của một thôn nhỏ tương đối đông hoặc là một thôn có số dân tương đối ít, thưa thớt cũng có thể độc lập hình thành nên một khu vực bầu cử riêng. Khi tiến hành bầu cử trực tiếp cấp huyện, thường là mấy thôn hành chính có thể kết hợp với nhau để hình thành nên một khu vực bầu cử, thôn hành chính có dân số tương đối đông hoặc là hương có số dân tương đối ít cũng có thể độc lập hình thành nên một khu vực bầu cử riêng. Phân chia khu vực bầu cử ở thành phố và thị trấn có thể lựa chọn hai hình thức: phân chia theo tình hình dân cư cư trú, hoặc theo các đơn vị hành chính sự nghiệp, thông thường chia thành ba



Học sinh Trung học phổ thông tham gia bỏ phiếu bầu cử

loại khu vực bầu cử: (1) Do một đơn vị hoặc một khu dân cư độc lập hình thành nên. (2) Do một khu dân cư hòa hợp cùng với một đơn vị sự nghiệp nào đó ở tại địa điểm khu dân cư đó hình thành nên. (3) Do kết hợp các đơn vị hành chính sự nghiệp. Căn cứ vào đó, cử tri của đơn vị hành chính sự nghiệp có thể tham gia bầu cử tại khu vực bầu cử của đơn vị đó hoặc tham gia bầu cử tại khu vực bầu cử, nơi họ đăng ký hộ khẩu thường trú.

Bầu cử Trung Quốc thực hiện chế độ phân chia thành các khu vực bầu cử nhỏ. Căn cứ vào quy định của luật pháp về việc phân bố số người và số khu vực bầu cử đại biểu trong Đại hội đại biểu nhân dân của thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị, hương, hương dân tộc, trấn thì số lượng đại biểu của mỗi một khu vực bầu cử là từ một đến ba người, căn cứ vào sự rộng hẹp của khu vực bầu cử mà xác định. Số lượng đại biểu của mỗi khu vực bầu cử tại thành phố và thị trấn về cơ bản cũng tương đương; số lượng đại biểu ứng cử của mỗi khu vực bầu cử tại nông thôn về cơ bản cũng như vậy. Trong Đại hội đại biểu nhân dân của huyện và huyện tự trị, những hương, hương dân tộc, trấn có số lượng dân cư đặc biệt ít thì tối thiểu cũng phải có một đại biểu. Nếu xuất hiện đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân của thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị, hương, hương dân tộc, trấn cư trú tại các dân tộc thiểu số thì căn cứ vào tình hình cư trú và mối liên hệ với dân tộc tại vùng đó mà cử tri của các dân tộc thiểu số đó có thể lựa chọn hoặc là bầu cử độc lập hoặc là bầu cử kết hợp. Để phù hợp với tình hình thực tế và quan tâm đến các phương diện của cử tri mà tỉ lệ phân bố và các đại biểu cũng có thể được thay đổi linh hoạt, những dân tộc có dân số đặc biệt thưa thớt tối thiểu cũng nên có một đại biểu.

Tăng nhân ở Cung Ung Hòa – Bắc Kinh bỏ phiếu bầu đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.



c. Cử tri đăng ký

Căn cứ vào hiến pháp và pháp luật, Trung Quốc thực hiện bầu cử phổ thông. Phạm công dân đủ 18 tuổi thì ngoài những người đã bị pháp luật tước đoạt mấy quyền lợi chính trị, tất cả công dân không phân chia tôn giáo, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, tôn giáo tín ngưỡng, trình độ văn hóa, tình trạng giàu nghèo, thời hạn cư trú

đều được hưởng quyền lợi bầu cử và được bầu cử bình thường. Hiện nay, công dân Trung Quốc đều có quyền bầu cử, chủ yếu được thể hiện qua việc các đại biểu trong Đại hội đại biểu nhân dân của thành phố không lập khu, thành phố trực thuộc khu, huyện, huyện tự trị, hương, hương dân tộc, trấn đều được bầu cử trực tiếp.

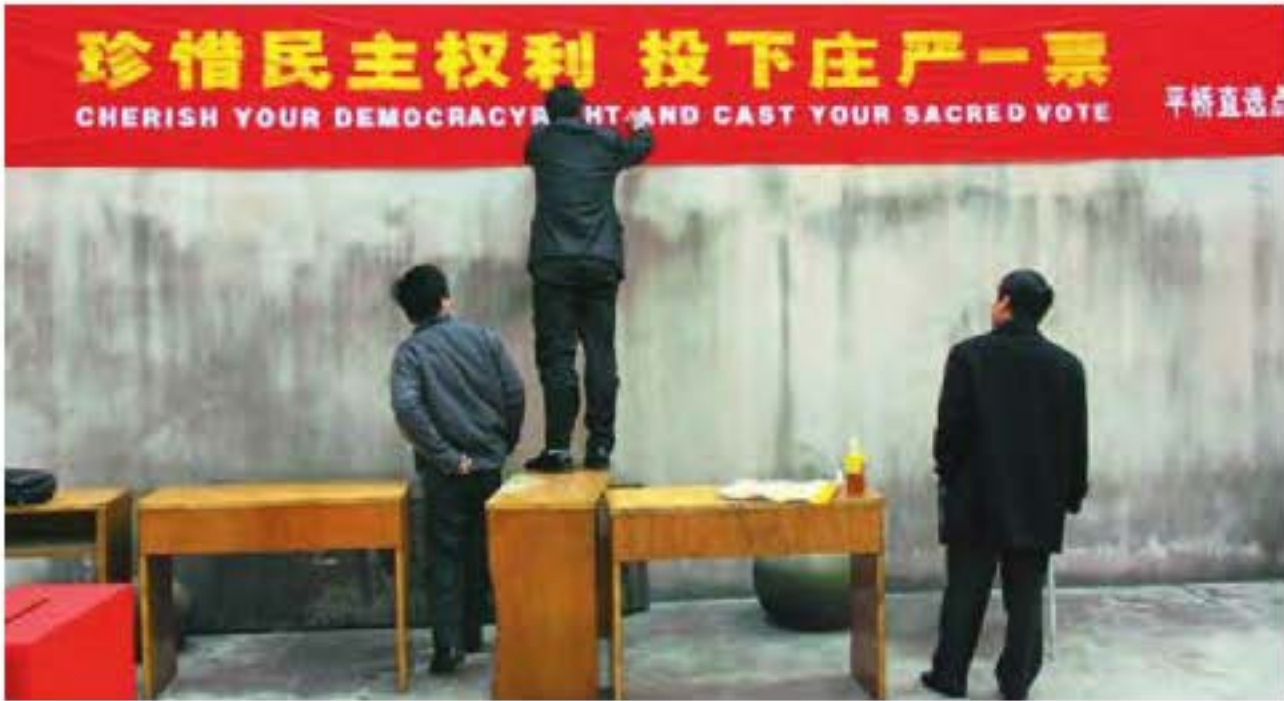
Để bảo đảm quyền bầu cử của công dân, pháp luật Trung Quốc có quy định rõ ràng về chế độ đăng ký của cử tri. Cử tri đi đăng ký trước tiên phải được tiến hành theo khu vực bầu cử, cử tri phải trải qua đăng ký xác định tư cách cử tri có hiệu lực trong thời gian dài. Trước mỗi lần bầu cử, đối với cử tri đủ 18 tuổi vào đúng năm đó đến những cử tri sau khi hết thời gian bị pháp luật tước đoạt quyền lợi chính trị và được khôi phục trở lại quyền và nghĩa vụ công dân thì đều phải đi đăng ký. Trong trường hợp lần trước đã đăng ký cử tri nhưng sau đó vì lý do nào đó mà cử tri dời khỏi khu vực bầu cử ban đầu và chiếu theo pháp luật thì người đó bị tước đoạt quyền lợi chính trị, và sẽ bị xóa tên khỏi danh sách cử tri.

Trong thực tế, danh sách cử tri sau khi đã được biên soạn hoàn tất sẽ được công bố trước ngày bầu cử 20 ngày, công khai xác nhận tư cách cử tri. Thực hiện trao thẻ cử tri cho người tham gia bầu cử, thẻ cử tri do Ủy ban bầu cử trao cho. Nếu danh sách cử tri đã công bố mà có ý kiến nào đó không đồng ý, cử tri có thể đề xuất khiếu nại lên Ủy ban bầu cử. Ủy ban bầu cử trong vòng 3 ngày phải đưa ra quyết định cuối cùng đối với ý kiến khiếu nại đó. Người khiếu nại nếu không



Quang cảnh các cử tri đang bàn luận bầu cho đại biểu nào vào ngày bầu cử đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân tại khu vực bầu cử thành phố Thượng Hải

Công tác chuẩn bị trước bầu cử



chấp nhận với cách giải quyết của Ủy ban bầu cử, thì trước ngày bầu cử chính thức 5 ngày có thể khiếu nại lên tòa án, tòa án cũng phải đưa ra phán quyết trước ngày bầu cử chính thức. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng.

2. Để cử, xác định và giới thiệu ứng cử viên

a. Để cử ứng cử viên

Dựa vào quy định của luật pháp, các ứng cử viên tham gia ứng cử đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân các cấp phải do cử tri của khu vực bầu cử, các chính đảng và đoàn thể nhân dân đề cử, tiến cử. Các chính đảng, các đoàn thể nhân dân có thể độc lập đề cử đại biểu và cũng có thể kết hợp lại để đề cử đại biểu. Trong bầu cử trực tiếp, 10 cử tri trở lên có thể kết hợp với nhau để đề cử được đại biểu. Còn trong bầu cử gián tiếp, 10 đại biểu trở lên cũng có thể liên kết với nhau để đề cử cho một đại biểu. Trong thực tế bầu cử, việc cử tri và đại biểu tiến cử các đại biểu rất được khích lệ. Việc bầu cử được đặt ra ở địa phương thì cũng có quy định cụ thể, số lượng đại biểu do chính đảng, đoàn thể đề cử, thường không vượt quá 15% tổng số đại biểu ứng cử; còn số lượng đại biểu do cử tri liên kết với nhau mà đề cử cũng không được vượt quá tổng số đại biểu ứng cử tại khu vực bầu cử đó.

b. Xác định ứng cử viên

Danh sách ứng cử viên được xác định trên cơ sở dân chủ và chiếu theo quy định của pháp luật về tỉ lệ, số lượng. Trong bầu cử trực tiếp, ứng cử viên mà được cử tri và các chính đảng, các đoàn thể đề cử, sau khi qua sự tập hợp của Ủy ban bầu cử đều được liệt vào danh

sách đại biểu và sẽ được công bố trước 15 ngày ngày bầu cử, sau đó lại do các nhóm cử tri tiến hành chuẩn bị nhiều lần, thảo luận bàn bạc, hiệp thương, trải qua quá trình hiệp thương từ dưới lên trên, rồi lại từ trên xuống dưới, qua mấy lần lên xuống, lại thêm lắng nghe ý kiến của cử tri, dựa trên cơ sở dân chủ rộng rãi, căn cứ vào ý kiến của đa số cử tri, lại chiếu theo tỉ lệ số lượng từ một đến hai phần ba số lượng ứng cử viên mà xác nhận danh sách ứng cử viên chính thức. Trong bầu cử trực tiếp, nếu số lượng ứng cử viên được đề cử quá nhiều, trải qua quá trình thảo luận, hiệp thương của các nhóm cử tri mà vẫn không thể thống nhất được ý kiến về việc đề cử ra ứng cử viên chính thức, có thể tiến hành dự tuyển. Trong bầu cử gián tiếp, ứng cử viên được các đại biểu, các chính đảng và các đoàn thể đề cử cần phải có báo cáo của Đoàn chủ tịch, sau đó lại đề nghị toàn bộ các đại biểu tiến hành chuẩn bị, thảo luận, hiệp thương và căn cứ vào ý kiến của đa số đại biểu, chiếu theo tỉ lệ số lượng từ một đến hai phần năm số lượng ứng cử viên thì xác định danh sách số lượng ứng cử viên chính thức.

c. Giới thiệu ứng cử viên

Căn cứ vào quy định của pháp luật, trong bầu cử trực tiếp, chính đảng, đoàn thể và nhóm cử tri tiến cử ứng cử viên, nên căn cứ vào tình hình cụ thể mà giới thiệu ứng cử viên lên Ủy ban bầu cử, Ủy ban bầu cử nên căn cứ vào tình hình cụ thể mà giới thiệu ứng cử viên tới cử tri. Các chính đảng, đoàn thể, nhóm cử tri đề cử ứng cử viên, có thể trong tình hình nhóm cử tri tiến hành bàn bạc sau đó sẽ giới thiệu ứng cử viên được tiến cử; Ủy ban bầu cử có thể tổ chức buổi gặp mặt cử tri và đại diện ứng cử viên, trả lời những vấn đề mà cử tri đề nghị, cũng có thể thông qua các bước như qua đài phát thanh, truyền hình, ghi hình để giới thiệu đại biểu ứng cử viên. Trong bầu cử gián tiếp, chính đảng, đoàn thể hoặc nhóm cử tri đề cử ứng cử viên, nên giới thiệu ứng cử viên với Đoàn Chủ tịch Đại hội, sau đó Đoàn Chủ tịch Đại hội tiếp tục giới thiệu ứng cử viên đến với cử tri. Chính đảng, đoàn thể hoặc đại biểu đề cử ứng cử viên có thể căn cứ tình hình mà thiết lập một nhóm đại biểu giới thiệu để cử ứng cử viên; Đoàn Chủ tịch Đại hội cũng có thể chọn nhiều phương pháp để giới thiệu ứng cử viên.

Nơi ghi phiếu bầu bí mật



3. Bỏ phiếu và tuyên bố kết quả bầu cử

a. Bỏ phiếu không ghi tên

Dựa vào quy định của luật pháp, bầu cử trực tiếp và bầu cử gián tiếp đều thực hiện cách thức không ghi tên vào phiếu bầu. Bầu cử trực tiếp chủ yếu có hai cách thức: Một là các khu vực bầu cử sẽ thành lập nơi bỏ phiếu. Hai là sẽ do Ủy ban bầu cử triển khai hội nghị bỏ phiếu bầu cử. Bầu cử gián tiếp do Đoàn Chủ tịch Đại hội chủ trì bỏ phiếu. Bỏ phiếu không ghi tên sẽ bảo đảm nguyên tắc bí mật của cử tri và đại biểu được tự do truyền đạt nguyện vọng của bản thân. Cử tri đối với việc bầu cử đại biểu có thể bỏ phiếu đồng ý, cũng có thể bỏ phiếu phản đối, hoặc cũng có thể lựa chọn bất kỳ cử tri nào khác, cũng có thể từ bỏ quyền bầu cử. Trong thực tiễn bầu cử trực tiếp, cử tri nếu là người mù hoặc vì tàn tật không thể viết vào phiếu bầu, có thể ủy thác cho người viết thay. Cử tri nếu ngoài thời gian bầu cử mà nhận được sự đồng ý của Ủy ban bầu cử, có thể viết đơn ủy thác cho cử tri khác bỏ phiếu thay, nhưng mỗi cử tri nhận ủy thác không được quá ba người. Để giải quyết vấn đề này, vào ngày bầu cử, nếu cử tri không thể đến nơi bỏ phiếu hoặc không thể tham gia bỏ phiếu trong ngày hội bầu cử, thì ở một vài nơi còn có thể thiết lập những hòm phiếu lưu động để tiếp nhận phiếu bầu.

Tại nơi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân Thâm Quyển, có một cử tri dùng máy quay ghi lại quá trình bầu cử.



b. Xác nhận và công bố kết quả bầu cử

Căn cứ theo quy định của luật pháp, cử tri hoặc đại biểu tham gia bỏ phiếu bầu cử phải tham gia với số lượng quá bán. Nếu số người không đạt đến giới hạn đó thì cần phải thay đổi thời gian bầu cử. Số phiếu mỗi lần bầu cử, cần phải xác nhận số lượng phiếu bầu hợp lệ và không hợp lệ. Sau khi xác nhận sự hợp lệ của phiếu bầu, bắt đầu tiến hành kiểm phiếu. Đại biểu nào thu được số phiếu bầu của cử tri tham gia bầu cử vượt quá bán thì trúng cử. Nếu số lượng đại biểu thu được quá bán số phiếu bầu lại nhiều hơn số lượng đại biểu được lựa chọn thì cần phải căn cứ vào tổng số phiếu bầu của từng đại biểu mà xác nhận đại biểu đó có trúng cử hay không. Nếu số phiếu tương đương nhau mà không thể xác nhận được người trúng cử thì nên có một buổi bỏ phiếu mới đối với những người có số phiếu tương đương nhau như vậy. Nếu danh sách đại biểu ứng tuyển vượt quá nửa số lượng phiếu bầu mà ít hơn số lượng đại biểu cần tuyển, tức là số lượng không đủ, khi đó vùng ấy sẽ không có đại biểu được trúng tuyển thì cần tiến hành cuộc bầu cử khác rồi sau đó dựa vào số lượng phiếu bầu mà lựa chọn. Trong bầu cử trực tiếp, sau khi kết thúc kiểm phiếu tại các khu vực bầu cử, sẽ do Ủy ban bầu cử căn cứ vào quy định của Luật bầu cử mà tiến hành kiểm tra, xác định kết quả bầu cử hợp lệ hay không, sau đó sẽ công bố. Ủy ban tư cách đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương và Ủy ban tư cách đại biểu Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp huyện sẽ tiến hành thẩm tra, dựa vào pháp luật để xác nhận tư cách đại biểu được trúng cử. Trong bầu cử gián tiếp, sau khi kết thúc công tác kiểm phiếu, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ căn cứ vào quy định của Luật bầu cử, xác nhận kết quả bầu cử lần này có hợp lệ hay không, sau đó sẽ tiến hành công bố kết quả kiểm phiếu.

4. Bảo đảm luật bầu cử

a. Những chế tài đối với hành vi phá hoại ngày bầu cử

Để duy trì thiết thực chế độ bầu cử, bảo đảm quyền lợi tự do của công dân khi đi bầu cử, Trung Quốc cũng đặt ra những chế tài có liên quan được quy định trong luật pháp đối với hành vi phá hoại bầu cử. Đối với hành vi dùng tiền hoặc tài sản, hiện vật để hối lộ, đe dọa quyền tự do bầu cử và quyền tự do được bầu cử của công dân cử tri và đại biểu, sử dụng bạo lực, uy hiếp hoặc trách mắng hay có những

thủ đoạn phi pháp khác làm ảnh hưởng đến quyền tự do bầu cử và được bầu cử của công dân, giả tạo văn kiện bầu cử, báo cáo gian dối số phiếu bầu hoặc là có những hành vi trái pháp luật khác, đối với những hành vi trái pháp luật trong khi bầu cử như vu khống, cáo buộc hoặc tiến hành ép buộc, báo thù, yêu cầu đại biểu phải bị bãi miễn đều cấu thành tội phá hoại bầu cử, sẽ bị phạt tù hoặc án treo từ ba năm trở xuống hoặc bị tước đoạt quyền lợi chính trị. Đối với người thực hiện những hành vi trên nhưng tình tiết chưa đến mức nghiêm trọng, chưa đủ cấu thành tội phạm hình sự hoặc do nhầm lẫn dẫn đến hành vi trái pháp luật, có thể giao cho cấp hành chính tương ứng xử lý hoặc xử lý kỷ luật. Vi hành vi trái pháp luật khi đang bầu cử nên phiếu bầu đó sẽ không hợp lệ.

b. Đối với việc bãi miễn và giám sát đại biểu trúng cử

Theo quy định của Luật bầu cử, đại biểu chịu sự giám sát của cử tri trong Đại hội đại biểu nhân dân được xuất hiện trong bầu cử trực tiếp, còn đại biểu chịu sự giám sát của đơn vị bầu cử trong Đại hội đại biểu nhân dân được xuất hiện trong bầu cử gián tiếp. Đối với bất kỳ đại biểu nào có hành vi trái pháp luật hoặc làm tổn hại nghiêm trọng đến chức quyền thì một phần mười cử tri của khu vực bầu cử đó có thể phối hợp với nhau để xuất yêu cầu bãi miễn hoặc đình chỉ đối với đại biểu đó. Sau khi qua sự kiểm tra giám sát của Đại hội đại biểu nhân dân, sẽ giao cho khu vực bầu cử ra biểu quyết, nếu quá nửa số cử tri đồng ý, thì lập tức bãi miễn. Đại biểu bị bãi miễn có thể làm báo cáo gửi lên cho cấp trên hoặc là viết đơn khiếu nại. Quyết định bãi miễn cần phải có báo cáo lên Đại hội đại biểu nhân dân cấp trên.

Tư liệu liên quan

Nguyên tắc của chế độ bầu cử Trung Quốc

1. Nguyên tắc phổ thông: Phàm công dân Trung Quốc đủ 18 tuổi, ngoài những người bị tước đoạt quyền lợi chính trị, đều được hưởng quyền lợi bầu cử và được bầu cử bình thường.
2. Nguyên tắc bình đẳng: Chủ thể được hưởng quyền bầu cử với hiệu lực của quyền đó là tương đương nhau, biểu hiện cụ thể là: tất cả cử tri hoặc đại biểu trong lần bầu cử đầu tiên chỉ có quyền bỏ phiếu một lần, hiệu lực của tất cả số phiếu đó là hoàn toàn tương đồng.
3. Nguyên tắc kết hợp giữa bầu cử trực tiếp và bầu cử gián tiếp: Năm 1954 theo quy định của Luật bầu cử thì phạm vi bầu cử trực tiếp chỉ là hương, trấn, thành phố không lập khu và quận; năm 1979 quy định của Luật bầu cử mở rộng phạm vi bầu cử trực tiếp ra đến huyện và huyện tự trị.
4. Nguyên tắc bầu cử lấy chênh lệch: Năm 1979, Luật bầu cử lần đầu tiên xác nhận rõ ràng, quy định chế độ bầu cử lấy chênh lệch giữa các đại biểu. Hiện tại, số đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân năm cấp trong Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đều thực hiện nguyên tắc bầu cử lấy chênh lệch.
5. Nguyên tắc bỏ phiếu không ghi tên: Khi bầu cử để đảm bảo quyền bí mật được viết trên phiếu, phiếu bầu phải do đích thân người đi bầu điền vào chỗ trống, không ghi họ tên người đi bầu. Cử tri nếu là người mù hoặc vì tàn tật mà không thể viết lên phiếu bầu, có thể ủy thác cho người tin nhiệm thay người đó viết lên phiếu bầu.

CHẾ ĐỘ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN

Chế độ Đại hội đại biểu nhân dân là chế độ chính trị cơ bản của Trung Quốc, thực hiện và duy trì hình thức tổ chức chính quyền của toàn thể nhân dân Trung Quốc lấy Nhà nước làm chủ. Hiến pháp Trung Quốc quy định: Tất cả quyền lợi của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều thuộc về nhân dân; Nhân dân sử dụng các cơ quan quyền lực quốc gia là Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp và Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp đều được bầu cử một cách dân chủ, phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Cơ quan hành chính nhà nước, Cơ quan xét xử, Cơ quan kiểm sát đều do Đại hội đại biểu nhân dân thành lập nên đều phải phụ trách và nhận sự giám sát của các cơ quan đó.



1. Cơ cấu tổ chức của Đại hội đại biểu nhân dân

Đại hội đại biểu nhân dân bao gồm Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Đại hội đại biểu nhân dân cấp tỉnh, Đại hội đại biểu nhân dân thành phố trực thuộc khu và Đại hội đại biểu nhân dân cấp huyện đều thiết lập Ủy ban thường vụ; ngoài Đại hội đại biểu nhân dân cấp huyện thì Đại hội đại biểu nhân dân các cấp được trình bày trên đây đều có thành lập các Ủy ban chuyên môn. Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương có thành lập Đoàn Chủ tịch.

a. Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân

Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là nhân viên tổ chức cơ quan quyền lực nhà nước. *Luật Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp và Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.* Đối với các đại biểu làm việc trong Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân của cấp đó diễn ra, hoạt động trong thời gian kết thúc hội nghị, đại biểu bảo đảm chấp hành đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đúng với quyền hạn, đình chỉ đối với những đại biểu, chấm dứt tư cách đại biểu đều được quy định rõ ràng.

1. *Địa vị của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân.* Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân nhận sự ủy thác của nhân dân, đại diện cho quyền lợi và ý chí của nhân dân, tham gia điều hành quyền lực quốc gia. Luật pháp có quy định địa vị của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân Trung Quốc: đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân là do cử tri hoặc đơn vị bầu cử nhập vào cơ quan quyền lực quốc gia, họ đại diện cho nhân dân tham gia tham chính, nghị chính, cả tập thể làm việc theo quyền hạn quy định trong luật pháp, tập thể quyết định các vấn đề. Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân các cấp bao gồm nhân viên của cơ quan quyền lực quốc gia, bất kể là dân tộc, chủng tộc, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, đảng phái, tôn giáo tín ngưỡng, trình độ văn hóa, tình hình tài sản, vị trí cao thấp, mức độ nổi tiếng ít nhiều... địa vị tất cả đều ngang bằng nhau, đều nhận được sự đối đãi tương đồng và tôn trọng của xã hội.

2. *Quyền lợi của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân.* Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân tham gia điều hành quyền lực quốc gia là thông qua quyền hạn của đại biểu mà có thể tiến hành công việc phù hợp. Dựa theo quy định của pháp luật, đại biểu được hưởng quyền lợi cơ bản chủ yếu bao gồm: (1) Tham gia hội nghị và hội nghị khác của toàn thể Đại hội đại biểu nhân dân; (2) Nghiên cứu những báo cáo và các đề án để liệt kê vào chương trình làm việc, đưa ra ý kiến của cá nhân mình; (3) Căn cứ vào pháp luật có thể để xuất chất vấn với các cơ quan hành chính quốc gia, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát; (4) Căn cứ vào quy định pháp luật để xuất bãi miễn đối với nhân viên cấu thành nên Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân, hoặc nhân viên đang làm việc hoặc lãnh đạo tại các cơ quan nhà nước khác; (5) Tham gia bầu cử đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân tại cấp đó; (6) Khi báo cáo và nghiên cứu đề án, có chất vấn lên cơ quan hành chính của cấp đó; (7)



Hội trường lớn Nhân dân Bắc Kinh, tháng Ba hàng năm, đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc sẽ tụ tập tại đây để cùng bàn bạc về phương hướng phát triển đất nước



Đại biểu các dân tộc
về dự kỳ họp của Đại
hội đại biểu nhân
dân toàn quốc

Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân các cấp từ cấp Huyện trở lên, có quyền căn cứ vào pháp luật đề nghị tổ chức những Ủy ban điều tra những vấn đề liên quan riêng biệt; (8) Trong thời gian hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân, đề xuất dự thảo nghị quyết, kiến nghị, phê bình, ý kiến; (9) Trong Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân, đối với chương trình hội nghị thì các hạng mục được đưa ra đều thông qua bỏ phiếu biểu quyết. Hội nghị căn cứ vào tình hình bỏ phiếu biểu quyết, dựa trên ý kiến của đa số đại biểu mà đưa ra các quyết định cuối cùng.

3. *Nghĩa vụ của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân.* Luật pháp giao phó cho đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân quyền lợi nhiều hơn những công dân bình thường cũng đồng thời yêu cầu nghĩa vụ mà các đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân phải chấp hành cũng nhiều hơn những công dân bình thường. Tóm lại nghĩa vụ chủ yếu của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân bao gồm: (1) Trợ giúp cho việc thực thi hiến pháp và pháp luật. Tuân thủ đúng theo quy định của hiến pháp và pháp luật, làm việc dựa theo hiến pháp và pháp luật, vận dụng pháp luật để triển khai, tiến hành công việc, duy trì quyền lợi của đại biểu, thực thi nghĩa vụ của đại biểu, duy trì và bảo vệ sự tôn nghiêm của hiến pháp và pháp luật. (2) Phản ánh yêu cầu và ý kiến của quần chúng nhân dân. Liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, tùy thời điểm từng vùng mà lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của quần chúng nhân dân, tích cực phản ánh nguyện vọng và tiếng nói của họ, đồng thời là cầu nối trực tiếp liên hệ giữa quần chúng nhân dân

với cơ quan hành chính nhà nước của cấp đó. (3) Hỗ trợ công việc của chính quyền cấp đó. Kết hợp triển khai các hoạt động phù hợp, sử dụng cách thức hiệu quả để tích cực hỗ trợ cho công việc của chính quyền, như thường xuyên triển khai các hoạt động thị sát, điều tra, kiểm tra, đưa ra những biện pháp cho các hạng mục công việc của chính quyền, đưa ra cách thức, đề xuất kiến nghị, phê bình, ý kiến, đồng thời còn phải kịp thời mở rộng tuyên truyền chính sách của chính phủ, quy định và điều lệ hành chính, khiến quần chúng nhân dân hiểu rõ được công việc của chính quyền. Tất cả hoạt động chức vụ của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân, đặc biệt là các hoạt động hành chính tham chính đều phải lấy lợi ích và ý chí của nhân dân làm xuất phát điểm và điểm cần hướng tới cuối cùng, trung thực để đạt và bảo vệ lợi ích và ý chí của nhân dân, để phục vụ quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân một cách thiết thực nhất.

4. *Bảo đảm Nhà nước và Xã hội là đại diện chấp hành đầy đủ những quy định liên quan đến chức vụ.* Sự bảo đảm này có thể chia làm hai loại: Một loại là có liên quan đến phương diện quyền lợi về thân thể, một loại khác là có liên quan đến việc chấp hành các công tác đại diện cho chức vụ.

Đối với việc bảo đảm quyền lợi đại diện cho thân thể, bao gồm bảo đảm an toàn và quyền tự do phát ngôn. Căn cứ vào quy định của luật pháp, đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân không thông qua Đại hội đại biểu nhân dân cùng cấp hoặc Ủy ban thường vụ, đồng thời không nhận sự bắt bớ hoặc xét xử hình sự. Pháp luật Trung Quốc xác định phải bảo đảm sự an toàn về thân thể của đại biểu, cũng chỉ rõ địa vị luật pháp đối với những nhân viên có vai trò cấu thành nên cơ quan quyền lực, duy trì quyền tự do thân thể của đại biểu, khiến đại biểu có điều kiện thi hành quyền và nghĩa vụ của mình một cách thuận lợi nhất. Quyền tự do phát ngôn, chủ yếu quy định đại biểu có quyền phát ngôn, biểu quyết trong các hội nghị của Đại hội đại biểu nhân dân hay là Ủy ban thường vụ mà không bị luật pháp truy cứu. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho đại biểu thoải mái phát ngôn, để đạt nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân.

Bảo đảm đại biểu phải chấp hành đúng chức vụ, cung cấp vật chất thuận lợi và bảo đảm công việc hài hòa bao gồm ba phương diện: *Một là bảo đảm vật chất:* Đại biểu tham dự Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân, khi tiến hành thị sát điều tra hoặc chấp hành sự điều động công việc của đại biểu khác, sẽ được Nhà nước tạo điều kiện bảo đảm đầy đủ về nơi ăn chốn ở, phương tiện đi lại, điều kiện công việc thuận lợi. Đại biểu là dân tộc thiểu số khi chấp hành nhiệm vụ công cán, mọi thứ liên quan đến ngôn ngữ văn tự, sinh hoạt tập quán đều được Nhà nước quan tâm và giúp đỡ. *Hai là bảo đảm thời gian:* đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân trong thời gian từ khi Hội nghị khai mạc đến khi bế mạc, đơn vị sở tại cần phải bảo đảm về mặt thời gian cho các vị đại biểu. *Ba là bảo đảm về mặt kinh tế:* đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân được hưởng sự hỗ trợ kinh phí hoạt động cố định. Phí này được độc lập nhập vào dự toán tài chính, những khoản tiền chuyên dụng. Đại biểu rời khỏi đơn vị để thực hiện công cán, làm việc theo đúng chức vụ, đơn vị cũng nên có

những đối đãi cho phù hợp, được hưởng tiền lương, tiền thưởng và những khoản phúc lợi đãi ngộ khác của đơn vị. Đại biểu có thu nhập lương không cố định khi chấp hành nhiệm vụ thì căn cứ vào nhu cầu thực tế do tài chính đồng cấp có những bổ sung cho phù hợp. Ngoài ra, Luật đại biểu của Trung Quốc còn quy định, tất cả tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền của đại biểu, ủng hộ, giúp đỡ các đại biểu làm nhiệm vụ. Đối với việc ngăn cản, gây khó khăn cho đại biểu làm nhiệm vụ, căn cứ vào tình tiết, sẽ do đơn vị sở tại hoặc cơ quan cấp cao hơn tiến hành xử lý hành chính, hoặc dựa vào *Luật xử phạt quản lý trị an* mà trừng phạt; dùng cách thức bạo lực, uy hiếp ngăn cản đại biểu làm nhiệm vụ, thì căn cứ vào *Hình pháp* để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tổ chức báo thù đối với những đại biểu đang thi hành nhiệm vụ, cần giao cho tổ chức hành chính, tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

b. Đại hội đại biểu nhân dân

Đại hội đại biểu nhân dân chia thành Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là cơ quan quyền lực cao nhất cả nước. Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước địa phương các cấp. Và tương ứng với bốn cấp trong chính quyền địa phương Trung Quốc: cấp tỉnh (tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương), cấp địa khu (châu tự trị, thành phố trực thuộc tỉnh), cấp huyện (huyện, huyện tự trị hoặc kỳ tự trị, đô thị cấp huyện, quận), cấp hương (hương, hương dân tộc, trấn) thì chính quyền địa phương bốn cấp đó đều thành lập Đại hội đại biểu nhân dân. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp có nhiệm kỳ là 5 năm.

Đại hội đại biểu nhân dân căn cứ theo khu vực hành chính mà phân chia đơn vị bầu cử, cấu thành đoàn đại biểu. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc tổng cộng có 35 đoàn đại biểu, do đại biểu của 23 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc trung ương, 2 đặc khu hành chính cấu thành. Bắt đầu từ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa VI, đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc mỗi khóa đều không được vượt quá 3.000 đại biểu. Danh sách phân bổ chủ yếu căn cứ vào tỉ lệ số dân của các vùng, khu vực mà xác định. Tỉnh, khu tự trị có dân số ít thì số lượng đại biểu không dưới 15 người. Do Đài Loan vẫn chưa thống nhất với Trung Quốc đại lục, nên hiện nay đoàn đại biểu Đài Loan được cấu thành do các nhân sĩ mang quốc tịch Đài ở đại lục, hiện có 13 đại biểu, vẫn còn lưu lại số người đó. Việc phân phối số lượng đại biểu đồng thời cũng phải suy xét đến các nhân tố như dân tộc, giai tầng và giới tính. Các đại biểu thuộc công nhân, nông dân, thành phần trí thức, viên chức, Hoa kiều về nước, Nhân dân giải phóng quân, cho đến các đảng phái dân chủ và các nhân sĩ không thuộc đảng phái nào đều có quy định số lượng nhất định. Để bảo đảm các dân tộc thiểu số cũng có quyền tham gia vào việc quản lý đất nước, dân tộc thiểu số đặc biệt có số dân ít thì chí ít cũng phải có một đại biểu. Cách thức phân phối số lượng đại biểu và cấu thành các đoàn đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp về cơ bản là giống nhau.

Đại hội đại biểu nhân dân mỗi năm ít nhất cũng phải tiến hành họp một lần. Theo đề nghị của một phần năm số đại biểu trở lên, có thể tạm thời triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó. Hội nghị của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và của Đại hội đại biểu nhân dân từ cấp huyện trở lên thường là do Ủy ban thường vụ triệu tập. Nếu Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc cho là cần thiết, hoặc là kiến nghị của đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc chiếm một phần năm trở lên, có thể tạm thời triệu tập Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương do Đoàn chủ tịch triệu tập. Nhìn lại từ thực tiễn mấy năm gần đây, Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hàng năm thường được tổ chức vào khoảng tháng ba, mỗi kỳ họp thường trong khoảng hai tuần. Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp thường cũng mở kỳ họp vào khoảng trước hoặc sau tháng ba. Đại biểu căn cứ vào đơn vị bầu cử mà cấu thành đoàn chủ tịch. Họp toàn thể các đoàn đại biểu sau đó sẽ đề cử ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch. Đoàn đại biểu sẽ tiến hành thảo luận, bàn bạc những nghị quyết, quyết định, phát biểu ý kiến. Khi các đại biểu cử hành hội nghị cần phải bầu ra đoàn chủ tịch chủ trì hội nghị. Danh sách thành viên đoàn chủ tịch và danh sách bí thư đều do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân đề xuất, qua sự bàn bạc xem xét của các đoàn đại biểu, sau đó sẽ do các đại biểu tham dự đại hội dự bị bàn bạc và bầu chọn bổ sung. Đoàn chủ tịch chủ trì các đại biểu tiến hành hội nghị, có thể một vài đại biểu thay phiên nhau theo sự điều động của chủ tịch, đồng thời để cử một vài người làm chủ tịch thường vụ lại chủ trì đoàn chủ tịch Hội nghị.

c. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân

Cơ quan thường được thiết lập của Đại hội đại biểu nhân dân là Ủy ban thường vụ. Căn cứ vào hiến pháp Trung Quốc và những quy định của luật pháp có liên quan thì Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên có thể thành lập Ủy ban thường vụ. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc do Ủy viên trưởng, Phó Ủy viên trưởng, Tổng Bí thư và các Ủy viên cấu thành. Lấy nhiệm kỳ bắt đầu từ Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XI vào tháng 3 năm 2008 làm ví dụ: có một Trưởng ủy viên, 13 Phó trưởng ủy viên (Trong đó có 1 người là kiêm nhiệm Tổng Bí thư), 161 ủy viên, tổng cộng là 175 người. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên do Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, Tổng bí thư, Ủy viên cấu thành, trong đó Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp huyện do Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm và các Ủy viên cấu thành.

Các thành viên cấu thành Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân đều từ các đại biểu trúng cử Đại hội đại biểu nhân dân cùng cấp đó, nhân viên cấu thành Ủy ban thường vụ không được đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc do Ủy viên trưởng chủ trì, Phó Ủy viên trưởng, Tổng Bí thư trợ giúp công việc cho Ủy viên trưởng.

Ủy viên trưởng, Phó Ủy viên trưởng, Tổng Bí thư hợp thành Hội nghị Ủy viên trưởng, xử lý những công việc thường ngày quan trọng của Ủy ban thường vụ. Công việc của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên do Chủ nhiệm chủ trì, Phó chủ nhiệm, Tổng Bí thư giúp đỡ công việc cho Chủ nhiệm. Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, Tổng Bí thư hợp thành Hội nghị chủ nhiệm, phụ trách xử lý những công việc quan trọng thường ngày của Ủy ban thường vụ. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân có thiết lập cơ cấu làm việc, thiết lập Ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu, phòng làm việc và các ủy ban chuyên trách liên quan. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân khóa XI đồng thời có thành lập 4 ủy ban công tác bao gồm Ủy ban luật cơ bản Đặc khu hành chính Hồng Kông, Ủy ban luật cơ bản Đặc khu hành chính Ma Cao, Ủy ban công tác pháp chế, Ủy ban công tác dự toán.

Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân phải báo cáo công việc đối với Đại hội đại biểu nhân dân phụ trách đồng cấp. Nhiệm kỳ của Ủy ban Thường vụ tương đương với nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp, thi hành quyền đến khi Ủy ban thường vụ do Đại hội đại biểu nhân dân khóa sau mới chọn ra thì dừng. Hội nghị Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân do Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm) triệu tập và chủ trì, thường hai tháng tổ chức một lần. Thời gian họp của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thông thường là khoảng một tuần, thường được tổ chức vào hạ tuần giữa hai tháng. Thời gian họp của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp có dài có ngắn, nhưng cơ bản là từ 1 đến 5 ngày, thường được tổ chức vào hạ tuần của một tháng. Tùy thuộc vào tình hình đặc thù mà có thể triệu tập hội nghị lâm thời.

d. Ủy ban chuyên môn Đại hội đại biểu nhân dân

Cơ cấu chuyên môn trong Đại hội đại biểu nhân dân được gọi là các Ủy ban chuyên môn. Dựa theo quy định của pháp luật, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Đại hội đại biểu nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, châu tự trị, thành phố thuộc tỉnh đều có thiết lập Ủy ban chuyên môn. Ủy ban chuyên môn sẽ tồn tại trong khoảng thời gian cho đến khi Đại hội đại biểu nhân dân kết thúc nhiệm kỳ, chịu sự lãnh đạo của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hiện tại có 9 Ủy ban chuyên môn, bao gồm: Ủy ban dân tộc, Ủy ban pháp luật, Ủy ban nội vụ tư pháp, Ủy ban kinh tế tài chính, Ủy ban giáo dục khoa học văn hóa vệ sinh, Ủy ban ngoại sự, Ủy ban Hoa kiều, Ủy ban môi trường và bảo vệ tài nguyên, Ủy ban nông nghiệp và nông thôn. Đại hội đại biểu nhân dân địa phương thường lập ra Ủy ban chế định lập pháp (Chính pháp), Ủy ban kinh tế tài chính, Ủy ban giáo dục khoa học văn hóa vệ sinh, số lượng các ủy ban chuyên môn là khác nhau. Các ủy ban do một thành viên làm chủ nhiệm, Ủy viên phó chủ nhiệm và một vài Ủy viên cấu thành, họ đều là những đại biểu được trúng cử trong Đại hội đại biểu nhân dân, được đoàn chủ tịch đề cử từ cuộc họp lần thứ nhất của Đại hội đại biểu nhân dân khóa đó.

Căn cứ vào quy định của luật pháp và thực tiễn mấy năm gần đây, chức trách chủ yếu của Ủy ban chuyên môn Đại hội đại biểu nhân dân là nghiên cứu, xem xét những việc liên quan đến nghị sự, bao gồm: (1) Đề xuất những dự thảo lên Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp hoặc Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân; (2) Nghiên cứu xem xét các dự thảo mà Đoàn chủ tịch Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp và Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân giao phó; (3) Tiến hành điều tra nghiên cứu, đề xuất kiến nghị những vấn đề có liên quan đến Ủy ban trong phạm vi quyền hạn và chức vụ của Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp; (4) Giúp đỡ Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp và Ủy ban thường vụ triển khai lập pháp và giám sát công tác.

2. Quyền hạn cơ bản của Đại hội đại biểu nhân dân

Căn cứ vào hiến pháp Trung Quốc và quy định của luật pháp, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có 15 quyền, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có 21 quyền; Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên có 15 quyền, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân các cấp từ cấp huyện trở lên có 14 quyền; Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương có 13 quyền. Trên thực tế, thông thường quyền cơ bản của Đại hội đại biểu nhân dân là quyền lập pháp, quyền quyết định những sự việc trọng đại, quyền tuyển bổ nhân sự và quyền giám sát.

Sơ đồ thể hiện các Ủy ban chuyên môn
cấu thành nên Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XI



a. Quyền hạn trong phương diện lập pháp

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ điều hành quyền lập pháp nhà nước. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có thể sửa đổi hiến pháp, đặt ra và sửa đổi pháp luật cơ bản khác như hình sự, dân sự, cơ cấu nhà nước. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đặt ra và sửa đổi những luật pháp khác ngoài luật pháp do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đặt ra, đối với luật pháp do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đặt ra có tiến hành bổ sung và sửa đổi, giải thích hiến pháp và pháp luật. Phạm những việc thuộc chủ quyền quốc gia, quyền hạn và tổ chức của Đại hội đại biểu nhân dân, chính pháp, tòa án và viện kiểm sát, chế độ khu vực tự trị vùng dân tộc, chế độ đặc khu hành chính, chế độ tự trị của quần chúng các giai tầng, tội phạm và hình phạt, xử phạt đối với hành vi tước đoạt quyền chính trị công dân và hành vi hạn chế quyền tự do cá nhân, trưng thu tài sản phi pháp, chế độ cơ bản dân sự, chế độ kinh tế cơ bản và chế độ cơ bản về tài chính, thuế khóa, hải quan, ngoại thương; chế độ tranh tụng, trọng tài và những luật khác do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ quy định thành luật. Mười phương diện này chỉ có thể do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ chế định ra pháp luật mà thôi.

Tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc chính quyền tỉnh và khu tự trị, thành phố tại đặc khu kinh tế, quốc vụ viện sẽ tiến hành phê chuẩn những thành phố tương đối lớn còn Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ phụ trách quy định tính địa phương của nó; Đại hội đại biểu nhân dân khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị phụ trách đặt tra điều luật tự trị và điều lệ được thông hành.

b. Quyền hạn quyết định những sự việc trọng đại

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc tiến hành thẩm tra và phê chuẩn những báo cáo tình hình chấp hành kế hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội của quốc dân; thẩm tra và phê chuẩn những báo cáo tình hình chấp hành và những dự toán của trung ương; phê chuẩn việc thành lập tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương; quyết định thiết lập đặc khu hành chính và các chế độ khác; quyết định chiến tranh và vấn đề hòa bình. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc tiến hành thẩm tra và phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc dân, dự toán trung ương và trong

quá trình chấp hành cũng nhất định phải có những sự điều chỉnh; phê chuẩn và cắt đứt những điều ước quyết định ký kết với nước ngoài và những hiệp định quan trọng; quy định chế độ quân nhân và nhân viên ngoại giao cùng những chế độ cấp bậc khác; quy định và quyết định trao tặng các danh hiệu và hiến chương của Nhà nước; quyết định đặc xá; trong nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, nếu quốc gia gặp chiến tranh xâm lược hoặc cần dựa vào tình hình thi hành điều ước các nước trên thế giới cùng nhau phòng chống xâm lược, quyết định công bố tình trạng chiến tranh; quyết định tổng động viên toàn quốc hoặc động viên cục bộ; quyết định toàn quốc hoặc là một tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương rơi vào trạng thái khẩn cấp.

Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên và Thường vụ Quốc hội thảo luận và quyết định những công việc trọng đại như chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, vệ sinh, dân chính, công tác dân tộc trong khu vực hành chính của mình. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên, căn cứ vào kiến nghị của chính quyền cấp đó mà quyết định thay đổi kế hoạch hoặc dự toán phát triển kinh tế xã hội quốc dân trong khu vực hành chính cấp đó; quyết định trao tặng danh hiệu cho các địa phương.

Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương quyết định thông qua và ban bố những nghị quyết trong quyền hạn của mình; căn cứ vào kế hoạch của Nhà nước, quyết định các kế hoạch xây dựng kinh tế, văn hóa sự nghiệp và sự nghiệp công của khu vực hành chính cấp đó; thẩm tra và phê chuẩn những báo cáo tình hình chấp hành dự toán và dự toán tài chính của khu vực hành chính cấp đó; quyết định thực thi kế hoạch công tác dân chính trong khu vực hành chính cấp đó.

c. Quyền hạn về việc bổ nhiệm nhân sự

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra Chủ tịch nước, Phó chủ tịch nước; Ủy viên trưởng, Phó Ủy viên trưởng, Tổng Bí thư, Ủy viên Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc; Chủ tịch Ủy ban quân sự Trung ương, Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào đề cử của Chủ tịch nước, quyết định tuyển người của Thủ tướng Quốc vụ viện; Căn cứ vào đề cử của Thủ tướng Quốc vụ viện, quyết định lựa chọn Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Ủy ban Quốc vụ, Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban, Kiểm toán trưởng, Tổng Bí thư; Căn cứ vào đề cử của Chủ



Hội nghị Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

tịch Ủy ban quân sự trung ương, quyết định lựa chọn bổ nhiệm các thành viên trong Ủy ban quân sự và các thành viên cấu thành có liên quan. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc căn cứ vào đề cử của Thủ tướng Quốc vụ viện, quyết định lựa chọn bổ nhiệm Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm các ủy ban, Kiểm toán trưởng, Tổng Bí thư; Căn cứ vào đề cử của Chủ tịch Ủy ban quân sự trung ương, quyết định việc lựa chọn, bổ nhiệm những thành viên trong Ủy ban quân sự và các thành viên cấu thành có liên quan. Căn cứ vào đề trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có quyền miễn nhiệm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán, Ủy viên Ủy ban xét xử. Căn cứ vào đề trình của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, có quyền miễn nhiệm Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên, Ủy viên Ủy ban kiểm sát và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự; cũng có quyền phê chuẩn miễn nhiệm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao của tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương; toàn quyền quyết định miễn nhiệm đối với đại biểu lưu trú ở bên ngoài.

Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên bầu ra các thành viên cấu thành nên Ủy ban thường vụ Đại hội đại

biểu nhân dân cấp đó, người phụ trách đảm nhiệm các chức trưởng, phó của chính quyền cấp đó, cùng Chánh án tòa án, Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát là đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân trên đó một cấp. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân các cấp quyết định bổ nhiệm hoặc là cách chức đối với người đảm đương chức trưởng, phó của chính quyền cấp đó; căn cứ vào đề cử người đứng đầu chính quyền các cấp, quyết định bổ nhiệm hoặc cách chức đối với nhân viên quản lý các ban ngành trực thuộc dưới chính quyền cấp đó; căn cứ vào quy định của pháp luật, bổ nhiệm hoặc cách chức những người là thành viên của Viện kiểm sát, Tòa án thì sẽ lựa chọn một đại biểu khác là đại biểu bổ khuyết của Đại hội đại biểu nhân dân trên đó một cấp.

d. Quyền hạn trong việc giám sát

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc giám sát việc thực thi hiến pháp; sửa đổi hoặc xóa bỏ những quyết định không phù hợp của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc; lắng nghe báo cáo công tác của Quốc vụ viện, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; bãi miễn những nhân viên công tác trong cơ quan hành chính do bầu cử hoặc quyết định bổ nhiệm. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc giám sát việc thực thi hiến pháp; giám sát công việc của Quốc vụ viện, Ủy ban quân sự trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; xóa bỏ những



Các đại biểu thông qua đề án mà Đại hội đại biểu nhân dân đề trình trong việc tìm đọc hệ thống thông tin về Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

quy định, chỉ thị, quyết định hành chính mâu thuẫn với hiến pháp và pháp luật được Quốc vụ viện quy định; xóa bỏ những nghị quyết và quy định có tính địa phương mâu thuẫn đối lập với quy định hành chính, pháp luật và hiến pháp do cơ quan quyền lực nhà nước trực thuộc tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương đề ra; bãi miễn hoặc quyết định bổ nhiệm những nhân viên làm việc trong cơ quan nhà nước.

Trong khu vực hành chính, Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên bảo đảm việc chấp hành và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, quy định hành chính và nghị quyết của Đại hội đại biểu nhân dân cấp trên và của Ủy ban thường vụ; bảo đảm việc chấp hành kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc dân của cấp đó và dự toán của trung ương và địa phương; lắng nghe và xem xét báo cáo công việc của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó; lắng nghe và xem xét báo cáo công tác của chính quyền, Tòa án và Viện kiểm sát cấp đó; sửa đổi và xóa bỏ những nghị quyết không thích hợp của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp

Hội nghị lần thứ nhất Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XI lắng nghe báo cáo công tác của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc



đó; xóa bỏ những quyết định và chỉ thị không phù hợp của chính quyền cấp đó; thẩm tra và phê chuẩn báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc dân, tình hình chấp hành dự toán. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên bảo đảm việc tuân thủ và chấp hành hiến pháp, pháp luật, quy định hành chính và nghị quyết của Đại hội đại biểu nhân dân cấp trên cùng Ủy ban thường vụ trong khu vực hành chính cấp đó; giám sát công việc của những ban ngành trực thuộc, Tòa án, Viện kiểm sát và chính quyền cấp đó, liên hệ với các đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó, tiếp nhận những ý kiến và khiếu nại của quần chúng nhân dân đối với cơ quan cấp trên và các nhân viên làm việc trong Nhà nước; bãi miễn hoặc cách chức những nhân viên làm việc trong cơ quan nhà nước do bầu cử hoặc là quyết định bổ nhiệm.

Đại hội đại biểu nhân dân làm thế nào chịu trách nhiệm trước nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân?

Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương bảo đảm việc tuân thủ và chấp hành hiến pháp, pháp luật, quy định hành chính và những nghị quyết của Đại hội đại biểu nhân dân cấp trên cùng của Ủy ban thường vụ trong khu vực hành chính cấp đó; lắng nghe và thẩm tra báo cáo công tác của chính quyền đồng cấp; phê chuẩn việc xóa bỏ những quyết định và chỉ thị không phù hợp của chính quyền đồng cấp.

📌 Tư liệu liên quan

Đại hội đại biểu nhân dân hướng đến việc chịu trách nhiệm trước nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân được thể hiện chủ yếu qua:

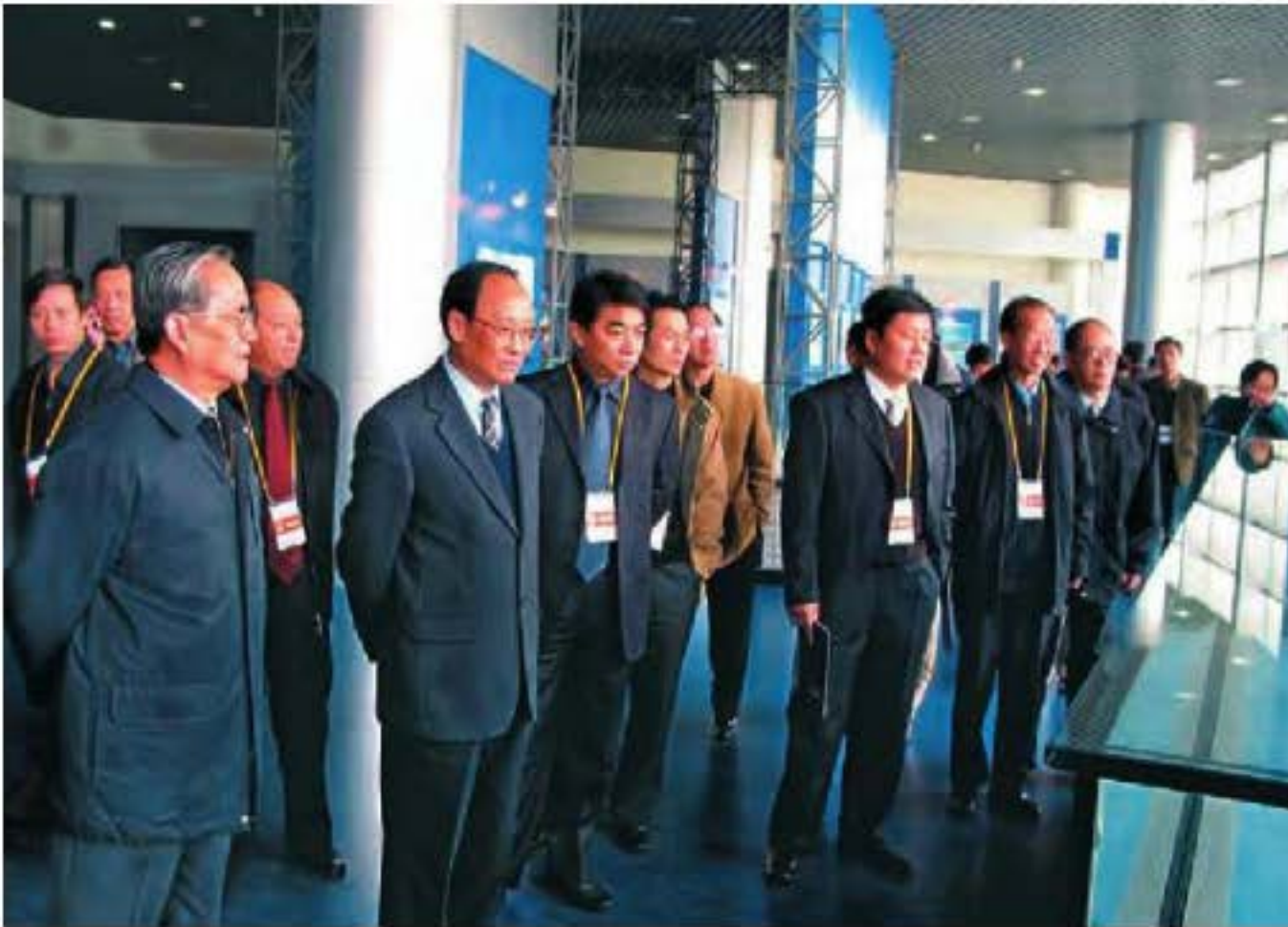
1. Đối với những đề án cần phải có sự nghiên cứu của Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ, trước hoặc là trong khi xem xét, nghiên cứu cần phải lắng nghe ý kiến rộng rãi về các phương diện khác nhau của quần chúng nhân dân. Ví dụ như đối với việc xem xét các dự thảo luật pháp đều cần thông qua mở các cuộc họp bàn hoặc sử dụng các cách thức khác nhau, lắng nghe ý kiến của các vùng, các bộ ban ngành, các chuyên gia và của đông đảo quần chúng nhân dân. Một vài dự thảo luật pháp có liên quan mật thiết đến quần chúng nhân dân còn cần phải được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trưng cầu ý kiến của các giới trong xã hội.
2. Chọn các cách thức khiến đông đảo quần chúng nhân dân hiểu được công việc của Đại hội đại biểu nhân dân, khiến công việc của Đại hội đại biểu nhân dân được đặt dưới sự giám sát của quần chúng nhân dân. Theo quy định thì các cuộc họp của Đại hội đại biểu nhân dân đều được tiến hành công khai, nội dung chủ yếu của hội nghị đều được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.
3. Tăng cường mối liên hệ giữa đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân và cử tri. Thông qua các cuộc thị sát của đại biểu, cơ quan Đại hội đại biểu nhân dân tiếp nhận thư từ các lời phỏng vấn của quần chúng nhân dân, tiếp nhận xử lý những khiếu nại, tố cáo, lập ra các đại biểu tiếp đãi dân hàng ngày, triển khai những hoạt động nhỏ trong nhóm, cùng với quần chúng nhân dân duy trì mối quan hệ mật thiết, phản ánh ý kiến của quần chúng và nghe theo nguyện vọng của quần chúng.
4. Từ trên quy định của pháp luật, đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân tiếp nhận giám sát đơn vị bầu cử và cử tri; cử tri và đơn vị bầu cử có thể dựa theo trình tự bãi miễn được quy định đối với những đại biểu mà họ không vừa lòng.

3. Trình tự vận hành của Đại hội đại biểu nhân dân

a. Trình tự vận hành của Đại hội đại biểu nhân dân

Căn cứ vào quy định của pháp luật và điều lệ trong công tác, Đại hội đại biểu nhân dân mỗi năm phải tổ chức hội nghị một lần. Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên do Ủy ban thường vụ chủ trì triệu tập. Trước khi tổ chức Hội nghị, sẽ do Ủy ban thường vụ triệu tập chủ trì Hội nghị trù bị, Đoàn chủ tịch và Tổng Bí thư được bầu trong hội nghị lần đó sẽ thông qua trình tự hội nghị. Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương do Chủ tịch và Phó Chủ tịch chủ trì. Xét phương thức Hội nghị mà nói, Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân có thể chia thành Hội nghị toàn thể, Hội nghị đoàn chủ tịch, Hội nghị đoàn đại biểu, Hội nghị nhóm đại biểu. Từ việc đề xuất ra dự thảo nghị quyết thì Đoàn chủ tịch đại hội, Ủy ban thường vụ, Ủy ban chuyên môn, Chính quyền, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Đoàn đại biểu đại hội đều có thể đề xuất chương trình dự thảo nghị quyết; Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có khoảng 30 đại biểu trở lên; Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp từ cấp huyện trở lên khoảng 10 đại biểu trở lên, Đại hội đại biểu nhân dân cấp hương có khoảng 5 đại biểu trở lên liên kết với nhau thì cũng có thể đề ra dự thảo nghị quyết. Xem xét từ trình tự hội nghị mà nói, đối với những dự thảo nghị quyết được

Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân đang thị sát



nhập vào trong chương trình hội nghị, trước tiên do người đề ra dự thảo nghị quyết trình bày rõ trước tất cả các đại biểu, sau đó Hội nghị toàn thể đoàn đại biểu và Hội nghị nhóm đại biểu được tiến hành để thẩm định, xem xét; còn có thể dùng Hội nghị đoàn chủ tịch và Hội nghị ủy ban chuyên môn để tiến hành thẩm định, xem xét, cuối cùng thông qua biểu quyết của toàn thể đại biểu, nếu quá nửa đồng ý thì cho thông qua.

Do hiến pháp có vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạt động chính trị quốc gia nên trình tự sửa đổi cùng những bộ luật khác là không giống nhau. Tại Trung Quốc, dự thảo sửa đổi hiến pháp đều cần phải có đề xuất của một phần năm đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban thường vụ đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, lại cần phải thông qua hai phần ba trên tổng số đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.

Theo thông lệ, khi tổ chức Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân, các thành viên tổ chức chính phủ, Chánh án tòa án, Viện trưởng viện kiểm sát, Ủy viên Ủy ban hiệp thương chính trị không phải đại biểu được mời đến tham dự hội nghị. Nhiệm vụ của mỗi lần tổ chức hội nghị thông thường bao gồm một số phương diện sau: (1) Lắng nghe báo cáo công tác của chính phủ, qua nghiên cứu, xem xét, sẽ có những quyết định tương ứng. (2) Lắng nghe báo cáo kế hoạch, tình hình chấp hành dự toán và kế hoạch mới, để án dự toán mới của năm, sau khi xem xét, nghiên cứu sẽ phê chuẩn. (3) Lắng nghe những trình bày có liên quan, đối với những đề trình về dự thảo pháp luật, dự thảo pháp quy và dự thảo nghị quyết, sau khi tiến hành điều tra, nghiên cứu sẽ thông qua. (4) Lắng nghe báo cáo công tác cùng đề xuất của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp, tòa án, Viện kiểm sát, rồi đề ra những nghị quyết tương ứng. (5) Bầu cử, quyết định miễn nhiệm đối với nhân viên công tác trong cơ quan nhà nước.

b. Trình tự vận hành của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Ủy ban thường vụ thường hai tháng tổ chức một lần hội nghị. Hội nghị có thể chia thành ba hình thức bao gồm: Hội nghị toàn thể, Hội nghị chia nhóm, Hội nghị các nhóm. Một tuần trước khi tổ chức hội nghị, Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm) hội nghị sẽ đề xuất chương trình làm việc và được sự thông qua của Hội nghị Ủy ban thường vụ. Tổ chức Hội nghị Ủy ban thường

vụ cần phải có quá nửa tổng số thành viên tham dự mới có thể được tổ chức. Theo thông lệ, người phụ trách Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát, đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó có liên quan, thành viên cấu thành các ủy ban chuyên môn, cùng người phụ trách các đề án, dự thảo nghị quyết trong các bộ, ban ngành cơ quan nhà nước, một người là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân dưới một cấp, có thể được tham dự hội nghị của Ủy ban thường vụ.

Trong thực tiễn cuộc sống, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân do Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm) chủ trì, Phó Ủy viên trưởng (Phó Chủ nhiệm) và Tổng Bí thư sẽ hỗ trợ công tác cho Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm). Do Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm), Phó Ủy viên trưởng (Phó Chủ nhiệm) và Tổng Bí thư cấu thành nên hội nghị Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm), xử lý các công việc quan trọng thường ngày. Hội nghị chủ nhiệm Ủy viên trưởng, Ủy ban chuyên môn, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có thể đề xuất những đề án lên cho Ủy ban thường vụ trong phạm vi quyền hạn thuộc Ủy ban thường vụ. Thành viên cấu thành Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc gồm 10 người trở lên. Các thành viên cấu thành Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, châu tự trị, thành phố trực thuộc tỉnh gồm 5 người trở lên. Thành viên cấu thành Đại hội đại biểu nhân dân cấp huyện thì 3 người trở lên, có thể đề xuất những

Tư liệu liên quan

Chế độ “công dân dự thính”
 khiến Đại hội đại biểu nhân dân ngày càng thân thiết với dân chúng

Mấy năm gần đây, rất nhiều Đại hội đại biểu nhân dân các địa phương như thành phố Bắc Kinh, thành phố Thâm Quyển, thành phố Đại Liên, thành phố Vũ Hán v.v... đều lần lượt thi hành chế độ “Công dân dự thính”, tức là mời đông đảo quần chúng nhân dân bình thường tham dự và lắng nghe các ý kiến trong hội nghị của Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ. Cách làm này thường là công dân nếu muốn dự thính hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân và của Ủy ban thường vụ, trước tiên phải báo cáo trước và có giấy tờ tùy thân chứng minh bản thân; cơ cấu làm việc của Đại hội đại biểu nhân dân sẽ căn cứ theo quy định về điều kiện dự thính và số người được dự thính, xác định người dự thính. Trong khi dự thính, người dự thính có thể được hiểu rõ nội dung của đề án, tình hình xem xét nghiên cứu và kết quả của biểu quyết, nhưng không được phép trực tiếp bỏ phiếu, đưa ra ý kiến trong hội nghị. Sau khi dự thính, một tổ chức trong cơ cấu làm việc của Đại hội đại biểu nhân dân triệu tập cuộc hội đàm đối với những người tham gia dự thính, lắng nghe và trưng cầu ý kiến và kiến nghị của họ có liên quan đến đề án.



Treo biển trạm công tác của Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân liên hệ với cử tri tại Tế Nam tỉnh Sơn Đông

để án lên Ủy ban thường vụ trong phạm vi và quyền hạn mà Ủy ban thường vụ có thể giải quyết. Đối với những đề án dự thảo do Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát hay các thành viên trong Ủy ban thường vụ cùng nhau đề xuất thì theo trình tự sẽ qua quá trình xem xét, nghiên cứu và quyết định trong hội nghị Ủy viên trưởng (Chủ nhiệm).

Căn cứ trên tình hình thực tế mấy năm gần đây, hội nghị toàn thể của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân chủ yếu là lắng nghe trình bày những đề án, dự thảo có liên quan đến báo cáo các chuyên đề công tác của chính phủ, tòa án, viện kiểm sát rồi sau đó xem xét quyết định. Báo cáo công tác chuyên đề chủ yếu tập trung vào các vấn đề có liên quan đến quần chúng nhân dân, Hội nghị chuyên môn thường được tổ chức vào quý hai hằng năm nhằm tiến hành phê chuẩn những quyết toán tài chính, hội nghị diễn ra vào quý ba hằng năm nhằm lắng nghe và xem xét những báo cáo của chính phủ có liên quan đến kế hoạch cả năm, tình hình chấp hành dự toán, từ thực tiễn hoạt động mà trở thành thông lệ. Từ trình tự nghiên cứu xem xét mà nói, những dự án được liệt kê vào trong chương trình hội nghị, đầu tiên phải do người đề xuất đề án trình bày cụ thể rõ ràng hơn trước hội nghị toàn thể, sau đó trong Hội nghị chia nhóm hay Hội nghị các nhóm tiến hành thẩm tra, xem xét. Dựa theo thông lệ, dựa vào dự thảo pháp luật và dự thảo quy định của từng địa phương

thường là sau khi trải qua ba lần thẩm tra xem xét mới tiến hành biểu quyết, biểu quyết chỉ có được hiệu lực khi quá nửa tổng số thành viên trong toàn thể Ủy ban thường vụ đồng ý.

CHẾ ĐỘ CHỦ TỊCH NƯỚC

Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Nguyên thủ Nhà nước của Trung Quốc. Chế độ Chủ tịch nước là một bộ phận cấu thành quan trọng trong chế độ chính trị Trung Quốc. Trong hiến pháp hiện hành đã được thông qua năm 1982 có quy định rõ ràng việc bầu, nhiệm kỳ, quyền hạn và bổ khuyết chủ tịch nước...



1. Bầu Chủ tịch nước

Tại Trung Quốc, Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra.

Trình tự cụ thể của việc bầu Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước như sau: (1) Đoàn chủ tịch Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đề xuất danh sách ứng cử viên Chủ tịch nước và Phó chủ tịch nước. (2) Danh sách ứng cử viên cần phải thông qua sự hiệp thương của các đoàn đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Đoàn chủ tịch giới thiệu sơ yếu cơ bản về ứng cử viên trước toàn thể hội nghị và trình bày rõ các vấn đề theo sự đề xuất của đại biểu. Đại biểu có thể yêu cầu ứng cử viên phát biểu ý kiến, cũng có thể kết hợp với nhau để cử ứng cử viên khác. (3) Đoàn đại biểu căn cứ trên đa số ý kiến của các đại biểu, xác định danh sách chính thức các ứng cử viên, rồi lại in ấn phiếu bầu. (4) Hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc cũng lựa chọn phương thức không ghi tên vào phiếu bầu để tiến hành bầu cử. Được quá nửa số phiếu trên tổng số đại biểu tham dự hội nghị được xem là trúng cử. Kết quả bầu cử và số phiếu mà người trúng cử giành được sẽ do người chủ trì hội nghị công bố công khai.

Về tư cách nhậm chức của Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước theo pháp luật quy định đó là: (1) Phải là công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. (2) Có quyền bầu cử và quyền được bầu cử. (3) Phải đủ 45 tuổi. Hiến pháp hiện hành hạn chế độ tuổi của ứng cử

Mao Trạch Đông, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (nhiệm kỳ 9/1954 - 4/1959)



viên cho chức Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước là từ 35 đến 45 tuổi theo quy định trong Hiến pháp năm 1954, chủ yếu là cần phải nghĩ đến vấn đề Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước có tác dụng quan trọng trong đối nội và đối ngoại của quốc gia. Không chỉ yêu cầu ứng cử viên phải thuần thực và dày dặn kiến thức cũng như kinh nghiệm về chính trị, lịch sử... mà còn cần phải có tiếng tăm và uy vọng tương đối cao trong và ngoài nước.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước là tương đương với nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, quyền hạn và trách nhiệm đến khi Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra khóa mới nhận chức thì kết thúc, không được liên tục giữ chức qua hai nhiệm kỳ (tức là 10 năm). Hiến pháp hiện hành hạn chế thi hành nhiệm kỳ đối với Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước, loại bỏ chế độ mà cả đời giữ vai trò lãnh đạo đã từng được tồn tại trong thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao cho tân Chủ tịch nước và tân Phó Chủ tịch nước.

2. Quyền hạn của Chủ tịch nước

Trong chế độ chính trị Trung Quốc, Chủ tịch nước là một bộ phận tối quan trọng trong cơ cấu nhà nước và có địa vị rất được coi trọng. Trong xử lý các công việc trong nước thì Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là cơ quan chế định ra pháp luật và quyết định những công việc quan trọng của quốc gia, cần phải thông qua Chủ tịch nước, là đại diện của Nhà nước để công bố; đối với các công việc liên quan đến đối ngoại, Chủ tịch nước đại diện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, hưởng quyền đại diện Nhà nước tối cao. Căn cứ vào quy định của hiến pháp hiện hành, quyền hạn của Chủ tịch nước chủ yếu có mấy phương diện dưới đây:



Lưu Thiểu Kỳ, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (nhiệm kỳ 4/1959 - 1969)

Lý Tiên Niệm, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (nhiệm kỳ 6/1983 - 4/1988)



1. *Quyền công bố pháp luật*: Căn cứ vào quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, sẽ công bố pháp luật. Công bố pháp luật là khâu cuối cùng trong trình tự lập pháp, pháp luật chỉ sau khi được Chủ tịch nước ký quyết định và công bố thì mới có hiệu lực.
2. *Quyền ra lệnh*: Căn cứ vào quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, tuyên bố lệnh đặc xá, lệnh động viên, tuyên bố tình trạng gấp rút, cấp bách. Đặc xá tức là Nhà nước ra lệnh tuyên bố miễn trừ thi hành án đối với phạm nhân. Động viên tức là Nhà nước lựa

Dương Thượng Côn, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (nhiệm kỳ 4/1988 - 3/1993)



chọn vào lúc cấp bách để tuyên bố từ tình trạng bình thường bước vào tình trạng chiến tranh. Đang gặp tình trạng cấp bách tức là đất nước do gặp phải chiến tranh hoặc tình hình bất thường nào khác mà Nhà nước hoặc toàn bộ các địa phương phải đặc biệt thi hành cảnh giới. Kết hợp với những quy định trong luật khác, việc tuyên bố toàn quốc hay tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương đang gặp tình trạng cấp bách thì do Chủ tịch nước căn cứ vào quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân mà ra lệnh; trong vùng thuộc phạm vi tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương mà gặp tình trạng cấp bách sẽ do Quốc vụ viện quyết định và ra tuyên bố.

3. *Quyền miễn nhiệm*: Dựa vào đề cử của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc về ứng cử viên cho Thủ tướng Quốc vụ viện, căn cứ vào quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, có quyền miễn nhiệm Thủ tướng Quốc vụ viện, Phó Thủ tướng, Ủy viên quốc vụ, Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban, Kiểm toán trưởng, Tổng Bí thư.

4. *Quyền vinh danh*: Căn cứ vào quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, có quyền trao tặng huy chương và các danh hiệu nhà nước.

5. *Quyền ngoại giao*: Đại diện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tiến hành các hoạt động của Nhà nước, tiếp đón các đoàn ngoại giao của nước ngoài. Căn cứ vào quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có toàn quyền cử đi và triệu hồi,



Giang Trạch Dân, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (nhiệm kỳ 3/1993 - 3/2003)



Hồ Cẩm Đào, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (nhiệm kỳ 3/2003 đến nay)

việc cho Chủ tịch nước. Nhận sự ủy thác của Chủ tịch nước, có thể đại diện một phần quyền hạn của Chủ tịch nước. Trong hoạt động chính trị thực tế của Trung Quốc, trong thời gian Chủ tịch nước nghỉ ngơi hoặc công tác nước ngoài thì việc tiếp đón các nguyên thủ nước khác hoặc tổ chức các cuộc hội đàm sẽ do Phó Chủ tịch nước thay Chủ tịch nước làm, tiếp đón các đặc phái viên và quốc thư.

3. Bổ khuyết chức vị Chủ tịch nước

Dựa vào quy định trong hiến pháp, khi vị trí Chủ tịch nước bị khiếm khuyết thì vị trí đó sẽ do Phó Chủ tịch nước kế nhiệm. Khi chức Phó Chủ tịch nước bị khiếm khuyết, sẽ do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu lựa chọn bổ sung. Khi cả Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước đều khiếm khuyết sẽ do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lựa chọn bầu vào. Trước khi lựa chọn bầu vào thì Ủy viên trưởng Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc sẽ thay thế xử lý các công việc của Chủ tịch nước.

có quyền phê chuẩn và phế bỏ những hiệp định quan trọng và điều ước liên kết với nước ngoài.

6. *Quyền tuyên bố chiến tranh*: Vấn đề chiến tranh và hòa bình được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc quyết định. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, nếu đất nước gặp phải tình trạng vũ trang xâm lược hoặc điều ước phòng chống xâm lược giữa quốc tế thì Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh. Căn cứ vào quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Chủ tịch nước tuyên bố đất nước cùng một vài nước khác hoặc một tập đoàn nhà nước bước vào tình trạng chiến tranh.

Dựa vào quy định trong hiến pháp, Phó Chủ tịch nước không có quyền hạn độc lập, nhiệm vụ chỉ là giúp đỡ công

CHẾ ĐỘ HÀNH CHÍNH

Hiến pháp Trung Quốc quy định, Quốc vụ viện tức là Chính phủ Nhân dân Trung ương, là cơ quan chấp hành, cơ quan quyền lực tối cao của Nhà nước, là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Hành chính nhân dân địa phương các cấp là cơ quan chấp hành, cơ quan quyền lực địa phương các cấp trong Nhà nước, là cơ quan hành chính địa phương các cấp của Nhà nước.



1. Cơ cấu tổ chức hành chính

Hệ thống hành chính Trung Quốc do Quốc vụ viện và hành chính địa phương các cấp cấu thành. Hành chính địa phương các cấp chịu sự lãnh đạo thống nhất của Quốc vụ viện.

a. Cơ cấu tổ chức của Quốc vụ viện

Quốc vụ viện do Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ, Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban, Kiểm toán trưởng, Tổng thư ký Quốc vụ viện tạo thành. Trên thực tế Thống đốc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cũng là một thành viên tạo thành Quốc vụ viện. Trong đó, việc lựa chọn Thủ tướng là do Chủ tịch nước đề cử, sau đó phải qua sự quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, rồi sau đó do Chủ tịch nước bổ nhiệm; các thành viên khác trong Quốc vụ viện sẽ do Thủ tướng trực tiếp đề cử, sau đó cũng phải qua họp bàn của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc của Ủy ban thường vụ, do Chủ tịch nước bổ nhiệm. Quốc vụ viện do Thủ tướng điều hành, nhiệm kỳ của Thủ tướng cũng tương đương với nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Thủ tướng, Phó Thủ tướng và Ủy viên Quốc vụ liên tục nắm quyền không được quá hai nhiệm kỳ.

Các bộ và Ủy ban trong Quốc vụ viện có chức năng đảm nhiệm, phụ trách các mảng khác nhau do Quốc vụ viện sắp xếp. Sau khi đất nước được thống nhất, các bộ ngành và cơ cấu thuộc Quốc vụ viện

Cổng Tân Hoa xã Trung Nam Hải, Bắc Kinh. Trung Nam Hải là nơi đặt văn phòng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa



đã trải qua rất nhiều lần cải cách và điều chỉnh. Dựa vào phương án cải cách cơ cấu Quốc vụ viện được phê chuẩn trong kỳ họp lần thứ nhất của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XI vào tháng 3 năm 2008 thì ngoài trụ sở của Quốc vụ viện ra thì tổng cộng có 27 bộ và ủy ban cấu thành nên Quốc vụ viện, trong đó:

Bộ và ủy ban chuyên việc điều tiết thị trường vĩ mô có 3: bao gồm Ủy ban phát triển và cải cách nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc.

Bộ và ủy ban chuyên trách việc quản lý kinh tế có 7: bao gồm Bộ Thương mại, Bộ Xây dựng, Bộ Đường sắt, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và công nghiệp, Bộ Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp.

Bộ và ủy ban chuyên trách mảng giáo dục kỹ thuật văn hóa, tài nguyên và bảo trợ xã hội có 8: bao gồm Bộ Giáo dục, Bộ Khoa học kỹ thuật, Bộ Lao động và bảo đảm xã hội, Bộ tài nguyên lãnh thổ, Bộ Bảo vệ môi trường, Bộ Văn hóa, Bộ Vệ sinh, Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Bộ và ủy ban chuyên trách nhiệm vụ chủ chốt của quốc gia có 9: bao gồm Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Ủy ban dân tộc nhà nước, Bộ Công an, Bộ An toàn quốc gia, Bộ Giám sát, Bộ Dân chính, Bộ Tư pháp, Cơ quan kiểm toán.

Trong cải cách cơ cấu Quốc vụ viện năm 2003, có thành lập thêm Ủy ban quản lý giám sát tài sản, trở thành một cơ cấu được thành lập đặc biệt trực thuộc Quốc vụ viện. Ngoài ra Quốc vụ viện còn lập thêm một vài cơ cấu trực thuộc, cơ cấu làm việc và đơn vị sự nghiệp phụ trách việc quản lý các ngành, hệ thống và các công việc trong các mảng khác có liên quan. Dưới cấp Bộ, Ủy ban, Ngành, Cục thì Thủ trưởng hành chính đứng đầu không phải là thành viên cấu thành Quốc vụ viện, mà do Hội nghị Thường vụ Quốc vụ viện quyết định, do Thủ tướng miễn nhiệm.

1. Cơ cấu trực thuộc Quốc vụ viện chia thành: Tổng cục Hải quan nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tổng cục Thuế nhà nước, Tổng cục Quản lý hành chính công thương nhà nước, Tổng cục Giám sát chất lượng kiểm nghiệm kiểm dịch nhà nước, Tổng cục Phát thanh truyền hình điện ảnh quốc gia, Tổng cục Xuất bản báo chí nhà nước (Cục bản quyền nhà nước), Tổng cục Thể dục thể thao nhà nước, Cục Quản lý giám sát an toàn sản xuất nhà nước, Cục Thống kê nhà nước, Cục Lâm nghiệp nhà nước, Cục Quyền sở hữu tri thức quốc gia, Cục Du lịch nhà nước, Cục Công việc tôn giáo nhà nước, Phòng tham sự Quốc vụ viện, Cục Quản lý công việc Quốc vụ viện, Cục Phòng chống tham nhũng.

2. Cơ cấu phòng ban chức năng của Quốc vụ viện chia thành: Phòng quản lý Kiều vụ (công việc liên quan đến kiều dân) Quốc vụ viện, Phòng quản lý công việc Hồng Kông và Ma Cao Quốc vụ viện, Phòng pháp chế Quốc vụ viện, Phòng nghiên cứu Quốc vụ viện.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Quốc vụ viện chia thành: Thông tấn xã Tân Hoa, Viện Khoa học Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Viện Công trình Trung Quốc,

Trung tâm nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện, Học viện hành chính quốc gia, Cục Địa chấn Trung Quốc, Cục Khí tượng Trung Quốc, Ủy ban quản lý giám sát các hoạt động ngân hàng Trung Quốc, Ủy ban quản lý giám sát Điện lực quốc gia, Hội đồng ngân sách bảo trợ xã hội toàn quốc, Ủy ban bảo trợ khoa học tự nhiên nhà nước.

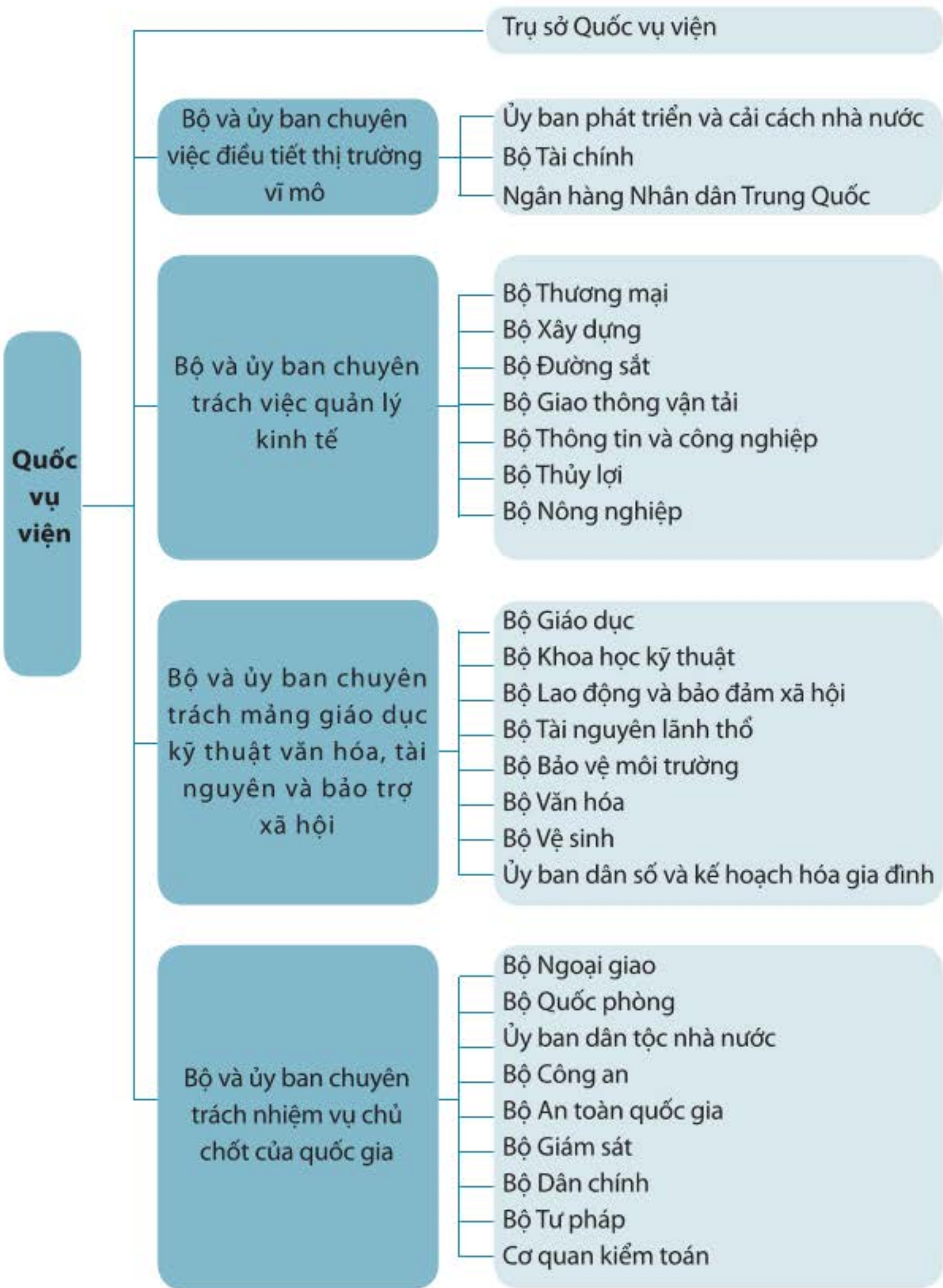
Ngoài ra, Quốc vụ viện còn xây dựng phòng giải quyết các công việc hành chính, phòng báo chí, Cục tài liệu Quốc gia tại Đài Loan...

Tư liệu liên quan

Sáu lần cải cách cơ cấu Quốc vụ viện quan trọng kể từ cải cách mở cửa đến nay

1. Cải cách năm 1982, chủ yếu giải quyết vấn đề chồng chéo cũng như hiệu quả làm việc thấp trong cơ cấu. Qua cải cách các bộ ngành của Quốc vụ viện được giảm tải từ 100 xuống còn 61, số nhân viên biên chế cũng được giảm khoảng 25%, số lượng cán bộ lãnh đạo cũng giảm khoảng 67%, đồng thời loại bỏ chế độ cha truyền con nối.
2. Cải cách năm 1988, đầu tiên là đề xuất chủ trương, khẩu hiệu “thay đổi chức năng của chính phủ là mấu chốt của quá trình cải cách cơ cấu”, đồng thời cũng thiết lập chế độ công vụ viên. Sau cải cách, những bộ ngành của Quốc vụ viện được tinh giảm từ 72 xuống còn 68, số nhân viên biên chế cũng được giảm khoảng 20%.
3. Cải cách năm 1993, tập trung và chiếu theo yêu cầu của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thực hiện việc phân tách các nhà máy, cơ quan hành chính, sửa đổi quyền hạn và chức năng của chính phủ. Các bộ ngành của Quốc vụ viện từ con số 86 được giảm xuống còn 59, số nhân viên biên chế cũng giảm khoảng 20%.
4. Cải cách năm 1998, về phương diện sửa đổi quyền hạn và chức năng của chính phủ có những bước tiến triển rất quan trọng, đặc biệt thể hiện rõ nhất đó là xóa bỏ hầu như toàn bộ các bộ ngành liên quan đến kinh tế chuyên về công nghiệp. Các bộ ủy ban trong Quốc vụ viện được giảm xuống còn 52, số nhân viên biên chế giảm xuống khoảng 47,5%.
5. Cải cách năm 2003, được tiến hành trong bối cảnh đất nước gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Mục đích của cải cách là từng bước sửa đổi chức năng của chính phủ, cải cách các phương thức quản lý, đẩy mạnh quản lý chính trị bằng điện tử hóa, nâng cao hiệu quả hành chính, giảm tải chi phí hành chính.
6. Cải cách năm 2008, điều chỉnh 15 cơ cấu, các bộ chính trong cơ cấu giảm xuống còn 4. Trong công cuộc cải cách lần này có đưa ra ba điểm quan trọng: Một là tăng cường và cải thiện công cuộc điều tiết thị trường, xúc tiến việc phát triển khoa học; Hai là tập trung vào bảo vệ và cải thiện cuộc sống dân sinh, tăng cường quản lý xã hội và các chế độ công cộng; Ba là thể theo yêu cầu thể chế giữa các bộ ngành lớn có sự thống nhất hữu cơ với nhau, nên chức năng của một vài bộ ngành được thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp, tiến hành điều chỉnh một cách tổng thể, để điều hòa mối quan hệ giữa các bộ ngành.

Sơ đồ thể hiện các bộ, Ủy ban cấu thành nên Quốc vụ viện



b. Cơ cấu hành chính địa phương

Căn cứ vào Hiến pháp Trung Quốc, hành chính địa phương được thành lập theo khu vực hành chính địa phương. Trong thực tiễn chia thành bốn cấp, bao gồm: Hành chính cấp tỉnh (tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương); hành chính cấp địa khu (thị (thành phố) của khu, châu tự trị, minh⁽¹⁾); hành chính cấp huyện (huyện, huyện tự trị, kỳ, đô thị cấp huyện, quận); hành chính cấp hương (hương (xã), trấn (thị trấn), hương dân tộc, trấn dân tộc). Trong thực tế, hành chính của một vài tỉnh, khu tự trị còn thiết lập một số công sở hành chính địa khu, trở thành cơ quan phái sinh, chỉ đạo và phối hợp điều hòa công việc của huyện và thành phố trực thuộc. Ngoài ra, dựa vào quy định trong Luật cơ bản của Đặc khu hành chính Hồng Kông và Luật cơ bản của Đặc khu hành chính Ma Cao, nội bộ hành chính của hai Đặc khu hành chính này cũng lập nên những tổ chức riêng của mình.

Căn cứ vào pháp luật hiện hành, cơ cấu hành chính các cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố đặc khu, châu tự trị, minh thì người đứng đầu trong cơ cấu nhân viên lần lượt là: Chủ tịch tỉnh, Phó Chủ tịch tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chủ tịch thành phố, Phó Chủ tịch thành phố, Chủ tịch châu, Phó Chủ tịch châu, Chủ tịch minh, Phó Chủ tịch minh, đến Trưởng phòng, Cục trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban, Tổng Bí thư... Sở hành chính địa khu được cấu thành bởi các Chuyên viên, Phó Chuyên viên và Chuyên viên hành chính. Hành chính các cấp huyện, huyện tự trị, kỳ, đô thị cấp huyện, quận bao gồm các nhân viên trong cơ cấu tổ chức cụ thể là do Chủ tịch huyện, Phó Chủ tịch huyện, Chủ tịch kỳ, Phó Chủ tịch kỳ, Chủ tịch đô thị, Phó Chủ tịch đô thị, Trưởng khu, Phó Trưởng khu và các Cục trưởng, Khoa trưởng, Chủ nhiệm ủy ban, Chủ nhiệm các phòng ban. Hành chính các cấp hương, trấn, hương dân tộc, trấn dân tộc chia ra người đứng đầu lần lượt là: Chủ tịch hương, Phó Chủ tịch hương, Chủ tịch trấn, Phó Chủ tịch trấn. Ngoài cơ cấu hành chính của các khu, thành phố còn đặt thêm Nhai đạo biện sự xứ trở thành một cơ cấu phái sinh. Cơ cấu hành chính của Đặc khu hành chính Hồng Kông và Ma Cao, dựa vào pháp luật thiết lập người đứng đầu chế độ hành chính và cơ cấu chức năng các ngành tổ chức chính quyền.

Việc tuyển chọn nhân viên trong chính quyền địa phương các cấp phải do Ủy ban thường vụ và Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó căn cứ vào những đại biểu xuất hiện trong bầu cử mà có quyết định bổ nhiệm, mỗi nhiệm kỳ tương đương với nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân cấp tương đương, tức 5 năm.

Dưới chính quyền địa phương các cấp có đặt ra các cơ quan lớn nhỏ khác nhau nhưng tên gọi thì không giống nhau. Các cơ quan dưới chính quyền cấp tỉnh thì thường gọi là sở, cục, ủy ban. Các cơ quan dưới chính quyền nhân dân các cấp địa khu, châu tự trị, minh thường được gọi là cục, ban, ủy ban. Cơ quan dưới chính quyền nhân dân cấp

(1) Minh: Đơn vị hành chính chỉ tồn tại ở Nội Mông Cổ. Cấp này không có cấp tương đương ở Việt Nam.

huyện thì thường được gọi là cục, khoa, ủy ban. Chính quyền cấp hương thường lập ra các phòng ban hoặc tổ nhóm để quản lý công việc.

Hai năm gần đây, chính quyền địa phương các cấp căn cứ trên nguyên tắc đơn giản hóa, thống nhất, chức năng, quyền lợi và trách nhiệm thống nhất, tiến hành cải cách cơ cấu bình thường, thông qua điều chỉnh cơ cấu tổ chức chính quyền, tăng cường điều tiết thị trường và giám sát hoạt động của các bộ ngành quản lý, điều chỉnh và giảm thiểu sự giám sát quản lý trực tiếp của các bộ ngành chuyên nghiệp quản lý kinh tế, điều chỉnh các bộ ngành quản lý xã hội cho phù hợp với tình hình, xác định rõ ràng vai trò trách nhiệm, công việc của các bộ ngành, thực hiện chính sách làm cho quân tinh nhuệ, đơn giản hóa thể chế chính trị.

2. Chức năng của cơ quan hành chính

a. Chức năng của Quốc vụ viện

Căn cứ vào hiến pháp và những quy định trong luật pháp có liên quan, Quốc vụ viện phải chấp hành những nghị quyết và pháp luật đã được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ thông qua và chế định, tổ chức và quản lý toàn bộ các công việc hành chính có liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng... của cả nước, thống nhất lãnh đạo các công việc hành chính trong toàn quốc.

1. Căn cứ vào hiến pháp và pháp luật, căn cứ vào quyền quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ, quy định việc thực thi hành chính, chế định quy định hành chính, ra chỉ thị và quyết định, quy định nhiệm vụ và chức năng của các bộ và các ủy ban, sửa đổi hoặc bãi bỏ những điều lệ, chỉ thị, quyết định không thích hợp do các bộ, các ủy ban tuyên bố. Quốc vụ viện là cơ quan trực thuộc quản lý toàn bộ các công việc hành chính của các bộ, ủy ban, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Cục Kiểm toán, có thể căn cứ vào pháp luật, quy định hành chính, quyết định, chỉ thị của Quốc vụ viện trong phạm vi giới hạn của bộ ngành đó, đặt ra quy định. Hai việc được đề cập ở trên thuộc phạm vi quyền hạn chức năng của các bộ ngành trong Quốc vụ viện, có thể do các bộ liên quan cùng kết hợp với nhau đặt ra quy định.

2. Căn cứ vào nhu cầu quản lý hành chính nhà nước, hoặc các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý hành chính nhà nước có thể đề xuất, kiến nghị lên Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc Ủy ban thường vụ, cũng có thể kiến nghị việc chế định pháp luật với các cơ quan lập pháp hay sửa đổi luật pháp hiện hành, những dự thảo nghị quyết sau khi thông qua sẽ hình thành nên những văn kiện pháp luật.

3. Lãnh đạo và quản lý các công việc hành chính liên quan đến các phương diện hành chính trong nước, ngoại giao có tính quốc gia. Bao gồm chế định và chấp hành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội toàn quốc và dự toán quốc gia; lãnh đạo và quản lý việc



Báo cáo chính phủ
xem xét và lắng nghe
ý kiến đại biểu trong
Hội nghị Đại hội đại
biểu nhân dân toàn
quốc

xây dựng thành thị, nông thôn và công việc liên quan đến kinh tế; lãnh đạo và quản lý giáo dục, khoa học, văn hóa, vệ sinh, thể dục đồng thời vạch ra kế hoạch công tác giáo dục; lãnh đạo và quản lý các công việc liên quan đến dân chính, công an, hành chính tư pháp và giám sát; quyết định những vùng được liệt vào tình trạng nguy cấp được phân bố trong các vùng thuộc phạm vi tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương; lãnh đạo và quản lý sự nghiệp xây dựng và phát triển quốc phòng; lãnh đạo và quản lý các công việc liên quan đến các dân tộc, đảm bảo quyền bình đẳng của dân tộc thiểu số và quyền lợi tự trị của các vùng tự trị dân tộc; lãnh đạo và quản lý những công việc liên quan đến đối ngoại, cùng với các nước ký kết các hiệp ước và hiệp định; đảm bảo quyền lợi và lợi ích chính đáng của Hoa kiều, bảo đảm lợi ích và quyền lợi hợp pháp của Hoa kiều về nước và thuộc Hoa kiều.

4. Lãnh đạo thống nhất và giám sát công việc của các bộ, các ủy ban trực thuộc Quốc vụ viện và công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp địa phương. Phê chuẩn việc phân chia khu vực của tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương, phê chuẩn việc phân chia khu vực và thiết lập các châu tự trị, huyện, huyện tự trị và thành phố; sửa đổi hoặc phế bỏ những chỉ thị, quy định và quyết định không thích hợp do các bộ, ủy ban trực thuộc

Quốc vụ viện ban hành; sửa đổi hoặc phế bỏ những chỉ thị hay quyết định không phù hợp của các cơ quan hành chính nhà nước địa phương các cấp. Xem xét biên chế của cơ quan hành chính, dựa vào quy định của pháp luật để miễn nhiệm, bổ dưỡng, đề cử hay khen thưởng kỷ luật với những nhân viên hành chính.

Việc thực thi những công việc hành chính quan trọng và kế hoạch, chính sách, phương châm trong công tác của các bộ, ủy ban đều phải có báo cáo trình bày trước Quốc vụ viện, do Quốc vụ viện quyết định. Căn cứ vào pháp luật và quyết định của Quốc vụ viện, bộ và ủy ban chủ quản có thể ra chỉ thị, quyết định, quy định trong quyền hạn của bộ, ủy ban mình cho phép.

b. Chức năng chính quyền địa phương từ cấp huyện trở lên

Căn cứ vào Hiến pháp và những quy định của luật pháp, Chính quyền địa phương từ cấp huyện trở lên phải quán triệt nghị quyết trong hiến pháp, pháp luật, quy định hành chính, Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó và Ủy ban thường vụ chấp hành chỉ thị và nghị quyết của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên, cùng với việc tổ chức và quản lý các công việc hành chính trong khu vực hành chính trực thuộc mình quản lý.

1. Chấp hành những quy định hành chính và luật pháp quốc gia. Lựa chọn, thi hành những quy định tương ứng dựa trên nghị quyết của Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó và Ủy ban thường vụ đến chỉ thị, quyết định của cơ quan hành chính nhà nước cấp cao hơn, bảo đảm các quyết định được thi hành một cách triệt để trong phạm vi của khu vực hành chính; đồng thời cũng phải tiến hành xử lý những công việc hành chính khác do cấp trên giao phó.

2. Thi hành quy định hành chính, ban bố quyết định, chỉ thị. Chính quyền tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương có thể căn cứ vào pháp luật, quy định hành chính và những quy định riêng của từng tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương mà có báo cáo trình bày lên Quốc vụ viện và Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân. Chính quyền tỉnh và khu tự trị và thành phố trực

Trong buổi họp báo lắng nghe ý kiến về giá vé của hành khách khi đi đường sắt của các bộ ngành thuộc chính phủ, các đại biểu kinh doanh và tiêu dùng đã dành thời gian trao đổi riêng với nhau



thuộc nếu tương đối rộng thì cần phải nhận được sự phê chuẩn của Quốc vụ viện. Cũng có thể căn cứ vào luật pháp, quy định hành chính và quy định riêng của từng tỉnh, từng khu tự trị để đặt ra những quy định cho phù hợp, sau đó trình báo cáo lên Quốc vụ viện, Chính phủ, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân của tỉnh, khu tự trị và Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân của cấp đó.

3. Lãnh đạo công tác trong bộ ngành các cấp trực thuộc và chính quyền cấp dưới, chấp hành những dự toán, kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội của quốc dân, tổ chức và quản lý một cách toàn diện các lĩnh vực như kinh tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, vệ sinh, sự nghiệp thể dục, môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, xây dựng và kiến thiết thành thị và nông thôn, tài chính, dân chính, công an, các công việc liên quan đến dân tộc, hành chính tư pháp, giám sát, kế hoạch phát triển giáo dục của khu vực hành chính thuộc mình quản lý. Căn cứ vào pháp luật có thể miễn nhiệm, bồi dưỡng hoặc khen thưởng, kỷ luật đối với những cán bộ công tác trong cơ quan hành chính nhà nước, thay đổi hoặc loại bỏ những chỉ thị không phù hợp với công tác chuyên môn các bộ ngành và những chỉ thị, quyết định không phù hợp do chính quyền cấp dưới ban hành. Chính quyền tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương còn có quyền quyết định phân chia khu vực và thành lập các hương, hương dân tộc và trấn.

4. Bảo vệ tài sản quốc gia, tài sản tập thể và tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của công dân, đồng thời cũng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức kinh tế, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi về thân thể của công dân, quyền dân chủ và các quyền khác, bảo đảm quyền lợi của các dân tộc thiểu số và tôn trọng phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, giúp đỡ các dân tộc thiểu số phát triển sự nghiệp kinh tế chính trị và văn hóa, bảo đảm sự bình đẳng nam nữ đã được quy định rõ trong hiến pháp và pháp luật, các quyền tự do hôn nhân, cùng làm cùng hưởng...

Chính quyền từ cấp huyện trở lên có quyền đặt ra các bộ ban ngành, triển khai công việc trong chính quyền cấp đó có sự thống nhất hài hòa từ trên xuống dưới, lại nhận sự lãnh đạo và chỉ đạo, quản lý trực tiếp của chính quyền cấp cao hơn.

c. Chức năng chính quyền cấp hương

Căn cứ vào quy định trong hiến pháp và pháp luật, chính quyền cấp hương là đơn vị hành chính cơ bản nhất của Trung Quốc, chức năng của nó và chức năng của chính quyền từ cấp hương trở lên về cơ bản là giống nhau, nhưng xét về mặt phạm vi thì được thu hẹp lại.

1. Chấp hành quy định của luật pháp nhà nước, quy định hành chính và nghị quyết của Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó cùng những chỉ thị và nghị quyết của cơ quan hành chính cấp trên, lựa chọn phương pháp và cách thi hành tương ứng, bảo đảm xử lý tốt các công việc do cơ quan hành chính cấp trên giao phó và đảm bảo quy định được quán triệt một cách triệt để trong khu vực thuộc sự quản lý của hương.

2. Chấp hành kế hoạch, dự toán phát triển kinh tế và xã hội trong khu vực hành chính thuộc mình quản lý và quản lý các công việc liên quan đến kinh tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, thể dục, tài chính, dân chính, công an, hành chính tư pháp, chính sách giáo dục trong khu vực hành chính cấp hương quản lý.

3. Bảo vệ tài sản hợp pháp của quốc gia, tài sản tập đoàn và của cá nhân từng công dân, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các tổ chức kinh tế, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền công dân, quyền dân chủ và các quyền lợi khác, bảo đảm quyền lợi của dân tộc thiểu số và tôn trọng phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, bảo đảm sự bình đẳng nam nữ đã được quy định rõ trong hiến pháp và pháp luật, các quyền tự do hôn nhân, cùng làm cùng hưởng...



Trước đây văn kiện của Đảng chỉ được cung cấp cho những người trong nội bộ tìm hiểu, hiện nay đã được phổ biến rộng rãi đến toàn bộ quần chúng nhân dân

3. Trình tự hoạt động hành chính

a. Thủ trưởng phụ trách hành chính

Dựa vào hiến pháp và những quy định có liên quan đến luật pháp, hội nghị của Quốc vụ viện và chính quyền địa phương các cấp có thể chia thành Hội nghị toàn thể và Hội nghị thường vụ. Cơ quan hành chính thực hiện chế độ thủ trưởng phụ trách. Quốc vụ viện thi hành chế độ quản lý tổng thể, chính quyền địa phương các cấp chia thành chế độ Tỉnh trưởng, Chủ tịch khu tự trị, Thị trưởng, Châu trưởng, Huyện trưởng, Khu trưởng, Hương trưởng, Trấn trưởng phụ trách, bộ ngành cấu thành nên chính quyền các cấp thi hành Bộ trưởng, Sở trưởng, Cục trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban phụ trách. Thủ trưởng hành chính phải dựa trên nền tảng thảo luận dân chủ, có quyền quyết định cuối cùng đối với những vấn đề quan trọng nhất trong công tác của chính quyền các cấp và các bộ ngành trực thuộc, lại có trách nhiệm đối với toàn bộ quyết định này và phụ trách lãnh đạo công việc của các bộ.

1. Lãnh đạo toàn diện: Thủ trưởng hành chính có nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ công tác của chính quyền cấp đó và các bộ ngành trực

Thiết lập thể chế công bố thông tin về việc kiện toàn chính quyền là một trong những công việc quan trọng trong việc công khai hóa sự nghiệp hành chính. Bức tranh là Hội trường tổ chức buổi lễ công bố thông tin về việc kiện toàn chính quyền nhân dân thành phố Thượng Hải



thuộc liên quan, cấp phó thì trợ giúp cho công việc của cấp trưởng, nhận sự ủy thác quản lý các lĩnh vực của cấp trưởng, toàn bộ cán bộ nhân viên trong chính quyền đều chịu sự phụ trách của thủ trưởng hành chính.

2. Quyết định cuối cùng: Thủ trưởng hành chính sẽ triệu tập và là chủ trì của Hội nghị toàn thể và Hội nghị thường vụ của chính quyền hoặc các ban ngành cấp đó, lại dựa trên nền tảng những gì đã thảo luận trong hội nghị, tập trung chính xác đầy đủ các ý kiến và đưa ra quyết định sau cùng đối với các vấn đề quan trọng trong công việc của chính quyền hoặc của các ban ngành cấp đó.

3. Để cử nhân sự: Thủ tướng Quốc vụ viện có quyền miễn nhiệm những người đã trúng cử Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ, Các bộ trưởng, Chủ nhiệm các ủy ban, Kiểm toán trưởng, Tổng Bí thư trong Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ, trực tiếp miễn nhiệm những nhân viên hành chính có liên quan trong các cơ quan trực thuộc. Thủ trưởng cơ quan hành chính địa phương có quyền để cử Tổng Bí thư, Sở trưởng, Cục trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban..., trực tiếp miễn nhiệm những nhân viên hành chính có liên quan trong các cơ quan trực thuộc.

4. Phụ trách toàn diện: Thủ trưởng hành chính phụ trách toàn diện công việc của chính quyền cấp đó và các bộ ngành liên quan, đại diện các ban bộ ngành để đạt lên cấp trên, đại diện chính quyền cấp đó phụ trách Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ. Để xuất những dự thảo nghị quyết lên cơ quan hành chính nhà nước, báo cáo những đề án quan trọng, công bố những quy định, điều lệ, quyết định, chỉ thị hành chính, miễn nhiệm cán bộ nhân viên hành chính đều do Thủ trưởng hành chính ký quyết định.

b. Giám sát nội bộ hành chính

1. Giám sát theo hướng công việc: Tại Trung Quốc, cơ quan hành chính giữa cấp trên và cấp dưới có một mối quan hệ lãnh đạo và lệ thuộc. Chính quyền nhân dân cấp trên và các bộ ban ngành có thể thông qua cách thức hành chính, kinh tế và tổ chức để giám sát một cách có hiệu quả công việc của chính quyền và ban ngành cấp dưới.



Các đại biểu mới trúng cử chính quyền nhân dân thành phố Huỳnh Dương tỉnh Hà Nam tay giơ cao Hiến pháp, tập thể cùng tuyên thệ khi nhậm chức

Nội dung chủ yếu bao gồm: Sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định và chỉ thị không phù hợp của cấp dưới, thường tiến hành công tác chỉ đạo, công tác kiểm tra và công tác sát hạch, tổ chức kỷ luật và khen thưởng, định kỳ hoặc không định kỳ lắng nghe báo cáo công việc của chính quyền cấp dưới, đối với một vài vấn đề cần phải tiến hành thẩm tra và điều tra chuyên biệt, triển khai rà soát hành chính, bảo đảm tiến hành một cách có trình tự hoạt động thống nhất của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Giám sát các cơ quan giám sát: Bộ giám sát nhà nước và cơ quan giám sát chính quyền địa phương các cấp thực thi thể chế song quyền lãnh đạo, dưới sự lãnh đạo của cơ quan giám sát cấp trên và chính quyền sở tại có quyền giám sát độc lập, tiến hành giám sát đối với chính quyền các cấp về tình hình thực thi và quán triệt chính sách pháp luật, quy định của các nhân viên hành chính và tuân thủ kỷ cương Nhà nước. Nội dung chủ yếu bao gồm: Giám sát kiểm tra cơ quan hành chính nhà nước và các nhân viên nhà nước quán triệt việc chấp hành pháp luật, quy định và chính sách đến các nghị định, chỉ thị của Nhà nước; kiểm tra xử lý tố cáo và khiếu nại đối với cơ quan hành chính nhà nước và các nhân viên hành chính; điều tra xử lý những hành vi trái pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước và các nhân viên hành chính; tiếp nhận những khiếu nại xử lý kỷ luật mà cơ quan hành chính nhà nước và nhân viên hành chính không phục và những khiếu nại khác do cơ quan giám sát tiếp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giám sát cơ quan kiểm tra: Sở kiểm tra nhà nước và cơ quan kiểm tra hành chính địa phương các cấp thực hiện chế độ lãnh đạo song quyền, dưới sự lãnh đạo của cơ quan kiểm tra cấp trên và Thủ trưởng chính quyền sở tại, có quyền tiến hành kiểm tra độc lập, tiến hành giám sát đối với việc thu chi tài chính của các bộ ngành Quốc vụ viện, chính quyền địa phương các cấp và ban ngành đoàn thể cùng các tổ chức cơ cấu tài chính nhà nước và tổ chức xí nghiệp. Nội dung chủ yếu bao gồm: Dùng phương châm chính sách và chế độ pháp luật của Nhà nước làm căn cứ, kiểm tra tình hình tài chính tài vụ của cơ quan hành chính và hoạt động kinh doanh, giám sát việc phân phối và sử dụng của dự toán nhà nước là hợp pháp, hợp lý và có lợi hay không, để phòng và hạn chế những hành vi trái pháp luật và ăn bớt trong hoạt động kinh doanh tài chính nhà nước, bảo đảm an toàn tài sản quốc gia và nâng cao hiệu quả kinh tế.

4. Chế độ công chức

Căn cứ vào *Luật công chức* và những quy định của pháp luật có liên quan, công chức của Trung Quốc chia làm hai loại lớn: Một là công chức chính vụ, tức là nhân viên lãnh đạo công tác trong cơ quan hành chính nhà nước; hai là công chức nghiệp vụ, tức là nhân viên phổ thông công tác trong cơ quan hành chính nhà nước. Hai loại công chức này đều là nhân viên đảm nhiệm công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, vì chức trách mà họ đảm nhiệm khác nhau nên các phương diện như cách thức lựa chọn, tuân thủ pháp luật, quản lý cơ cấu, quản lý chế độ cũng đều có những điểm không giống nhau.

a. Công chức chính vụ

Trong cơ quan hành chính nhà nước, công chức chính vụ lãnh đạo các công việc quản lý hành chính, gánh vác trách nhiệm lãnh đạo, nắm vững phương hướng và những chính sách quan trọng. Với họ thì tiến hành quản lý theo Hiến pháp, Luật tổ chức Quốc vụ viện, Luật tổ chức chính quyền địa phương, do Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ bầu cử và quyết định bổ nhiệm, thực hiện chế độ nhiệm kỳ.

1. Được lựa chọn thông qua bầu cử để bặt dân chủ. Căn cứ vào quy định của hiến pháp và pháp luật có liên quan. Thủ tướng Quốc vụ viện, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ, Tổng Bí thư, Chủ nhiệm các Ủy ban, Bộ trưởng các bộ, Tổng thanh tra đều là những thành viên cấu thành nên Quốc vụ viện, do Đại hội đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ quyết định bổ nhiệm. Tỉnh trưởng, Phó Tỉnh trưởng, Chủ tịch khu tự trị, Phó Chủ tịch khu tự trị, Thị trưởng, Phó Thị trưởng, Huyện trưởng, Phó Huyện trưởng, Khu trưởng, Phó Khu trưởng, Hương trưởng, Phó Hương trưởng, Trấn trưởng, Phó Trấn trưởng và các thành viên khác cấu thành nên chính quyền địa phương các cấp do Đại hội đại biểu nhân dân đồng cấp và Ủy ban thường vụ bầu ra và quyết định bổ nhiệm.

2. Thực hiện chế độ sát hạch thành tích chính trị nghiêm túc. Thành tích chính trị là dựa trên những thành tích cống hiến thực tế trong công tác của công chức chính vụ. Lấy những thành tích thực tế trong công tác làm chủ, đối với việc sát hạch loại công chức chính vụ cần phải thực hiện nghiêm túc, bảo đảm xác định chính xác nhất tổ chất của công chức, khiến cho việc tăng chức, khen thưởng, kỷ luật được công bằng nhất, bảo đảm hiệu quả ở mức cao nhất công tác hành chính nhà nước.

3. Tiến hành giám sát dân chủ đối với chính vụ. Công chức chính vụ tiến hành tổ chức các hoạt động của chính quyền đều phải công khai trước toàn xã hội và nhận sự giám sát dân chủ của quần chúng nhân dân.

4. Thi hành chế độ nhiệm kỳ. Loại công chức chính vụ thi hành chế độ nhiệm kỳ một cách nghiêm túc, thời gian bắt đầu và kết thúc tương đương với nhiệm kỳ của chính quyền cùng khóa đó. Căn cứ vào quy định trong hiến pháp và luật có liên quan, nhiệm kỳ mỗi khóa của chính quyền các cấp từ cấp huyện trở lên là 5 năm.

b. Công chức nghiệp vụ

Trong cơ quan hành chính nhà nước, loại công chức nghiệp vụ làm những công tác nghiệp vụ thường ngày trong quản lý hành chính, phụ trách quán triệt thực thi pháp luật và chính sách của Nhà nước. Họ chịu sự quản lý theo luật công chức và những điều luật liên quan khác, thông qua việc thi cử để chọn dùng, thi hành chế độ bổ nhiệm thường xuyên.

1. Việc lựa chọn thông qua thi cử có tính cạnh tranh. Phạm những người đủ điều kiện cơ bản phù hợp với những gì được quy định trong luật pháp đều có thể tham gia thi tuyển công chức. Hình thức thi công khai, bình đẳng và cạnh tranh, căn cứ vào thành tích thi mà có quyết định trúng tuyển, bổ nhiệm hay không. Nội dung thi thường căn cứ vào nội dung và phạm vi được quy định đối

Quang cảnh thí sinh đến đăng ký dự thi công chức



Công an được cử ra để tiếp dân



với từng ngành, kiểm tra vốn tri thức và trình độ khoa học chuyên môn mà người tham gia thi tuyển nên biết; kiểm tra năng lực vận dụng tri thức và giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật thực tế của người tham gia thi tuyển. Kỳ thi do cơ quan chuyên trách quốc gia phụ trách, mỗi năm tổ chức một lần. Người được nhận vào sau khi trải qua 3 tháng đến 1 năm thử việc thì sẽ được trở thành công chức nhà nước.

2. Thi hành chế độ dựa vào cương vị trách nhiệm cơ bản để làm tiêu chí phân loại chức vụ. Thực hiện phân loại chức vụ, chính là dựa trên cơ sở điều tra và đánh giá. Chức vụ của công chức nghiệp vụ phải dựa vào tính chất nghiệp vụ mà chia thành một vài “chức hệ”, sau đó lại căn cứ vào trách nhiệm nặng nhẹ, trình độ giáo dục, khoa học kỹ thuật cao thấp để chia thành “chức cấp”, rồi phải xác định rõ ràng trách nhiệm của từng cương vị cụ thể, tiêu chuẩn quy phạm thống nhất là căn cứ khoa học dành cho việc quản lý công chức.

3. Thi hành chế độ để xác định thành tích công tác, thực tế thì dùng việc sát hạch và thăng cấp, kỷ luật trừng phạt làm chính. Cơ quan hành chính nhà nước dựa vào tiêu chuẩn và trình tự quy định trong luật pháp, sát hạch toàn diện đức, năng, cần, tích của công chức, mấu chốt của sát hạch chính là công tác xác định thành tích thực tế. Kết quả của sát hạch có thể chia ra bốn cấp là: ưu tú, xứng đáng với chức, cơ bản xứng đáng với chức vụ, không xứng đáng với chức vụ, lấy đó làm căn cứ để tăng chức, hoặc khen thưởng và kỷ luật

công chức. Chức vụ được nâng cao hay không của công chức đều chú trọng đến thành tích thực tế trong công tác, dần dần sẽ được tăng cấp. Khen thưởng và kỷ luật công chức cũng căn cứ vào thành tích thực tế trong công tác và có công trong việc mở rộng quan hệ, kết hợp với thi hành khen thưởng khích lệ về cả vật chất và tinh thần, kết hợp giữa khen thưởng và kỷ luật, kết hợp giữa giáo dục và răn đe.

4. Thi hành các chế độ bồi dưỡng. Bồi dưỡng công chức và những quy định được thi hành trong giáo dục về cơ bản là khác nhau, chủ yếu là dựa vào hệ thống bồi dưỡng các cấp, các loại hình công chức của học viện hành chính làm chủ thể. Căn cứ vào yêu cầu cụ thể về công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước mà tiến hành bồi dưỡng kỹ thuật và truyền đạt những kiến thức chuyên môn đối với công chức, đẩy mạnh xúc tiến việc công chức không ngừng tiếp cận những tri thức mới, trình độ chính sách và năng lực kỹ thuật không ngừng được nâng cao, bảo đảm tiêu chuẩn hóa và quy phạm hóa hành vi nghiệp vụ công chức, nâng cao hiệu quả làm việc, thông qua bồi dưỡng để phát hiện nhân tài, bồi dưỡng nhân tài, không ngừng tăng cường tổ chất tổng thể của công chức.

5, Thi hành các chế độ bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về tiền lương, phúc lợi, nghỉ hưu. Dựa vào quy định của pháp luật, tiền lương của công chức nhà nước phải có sự tương xứng với năng lực và chức vị, quán triệt nguyên tắc tương xứng phù hợp, có kế hoạch có trình tự nâng cao mức lương thực tế của công chức dựa vào năng lực của công chức. Công chức còn được hưởng những chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật như trợ cấp, phúc lợi, nghỉ, nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội.

📌 Tư liệu liên quan

Thành quả cải cách thể chế hành chính

1. Chức năng của chính quyền đã được thay đổi rất lớn. Trung Quốc đã từng bước xây dựng được bộ khung hệ thống dùng cách gián tiếp để điều tiết thị trường, các xí nghiệp nhà nước dần dần được tách ra, chính quyền cũng giảm thiểu sự can thiệp quá nhiều vào kinh tế vi mô, thị trường ngày càng có vai trò tác dụng rõ rệt làm nền tảng dựa trên sự phối hợp với tài nguyên, không cần phải do chức năng đảm nhiệm chính quyền mới bắt đầu chuyển sang cho các tổ chức xã hội, chính quyền tăng cường sự giám sát và quy định đối với thị trường, chức năng quản lý xã hội và phục vụ công cộng ngày càng được coi trọng.

2. Cơ cấu chính quyền được tinh giản, quyền lực của chính quyền từng bước được chuyển giao cho các địa phương, xã hội và các tầng lớp cơ bản khác, mối quan hệ giữa trung ương và địa phương từng bước được điều chỉnh theo xu hướng hợp lý hóa, tính tích cực của chính quyền địa phương, xã hội và các tổ chức khác cũng dần được phát huy.

3. Phương thức quản lý chính quyền không ngừng được đổi mới. Dựa vào luật pháp cai trị đất nước và quy định trong hành chính đã trở thành yêu cầu cơ bản trong việc vận hành của chính quyền; cơ chế chính sách của chính quyền ngày càng theo xu thế khoa học hóa và dân chủ hóa; chế độ công chức cũng từng bước được hoàn bị; quản lý chính quyền theo hướng công khai và minh bạch hóa; cải cách chế độ kiểm tra giám sát hành chính đạt được những thành quả quan trọng trong từng giai đoạn; điện tử hóa trong việc xử lý hành chính cũng đang được xúc tiến; hướng việc lấy con người làm cơ bản, chấp hành chính trị vị dân không ngừng được tăng cường; quyền lợi của công dân được coi trọng và tôn trọng.

Địa chỉ trang web của các cơ quan trực thuộc Quốc vụ viện

Ủy ban phát triển và cải cách nhà nước	http://www.sdpc.gov.cn
Bộ Tài chính	http://www.mof.gov.cn
Bộ Thương mại	http://www.mofcom.gov.cn
Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc	http://www.pbc.gov.cn
Bộ Xây dựng	http://www.cin.gov.cn
Bộ Đường sắt	http://www.china-mor.gov.cn
Bộ Giao thông vận tải	http://www.moc.gov.cn
Bộ Thông tin và công nghiệp	http://www.miit.gov.cn
Bộ Thủy lợi	http://www.mwr.gov.cn
Bộ Nông nghiệp	http://www.agri.gov.cn
Bộ Giáo dục	http://www.moe.edu.cn
Bộ Khoa học kỹ thuật	http://www.most.gov.cn
Bộ Lao động và bảo đảm xã hội	http://www.mohrss.gov.cn
Bộ Bảo vệ môi trường	http://www.zhb.gov.cn
Bộ Tài nguyên lãnh thổ	http://www.mlr.gov.cn
Bộ Văn hóa	http://www.ccnt.gov.cn
Bộ Vệ sinh	http://www.moh.gov.cn
Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình	http://www.chinapop.gov.cn
Bộ Ngoại giao	http://www.fmprc.gov.cn
Ủy ban dân tộc nhà nước	http://www.seac.gov.cn
Bộ Công an	http://www.mps.gov.cn
Bộ Dân chính	http://www.mca.gov.cn
Bộ Tư pháp	http://www.legalinfo.gov.cn
Cơ quan kiểm toán	http://www.audit.gov.cn
Ủy ban quản lý giám sát tài sản quốc gia	http://www.sasac.gov.cn
Tổng cục Hải quan	http://www.customs.gov.cn
Tổng cục Thuế	http://www.chinatax.gov.cn
Tổng cục Quản lý hành chính công thương nhà nước	http://www.saic.gov.cn
Tổng cục Giám sát chất lượng kiểm nghiệm kiểm dịch nhà nước	http://www.aqciq.gov.cn
Tổng cục Phát thanh truyền hình điện ảnh quốc gia	http://www.sarft.gov.cn
Tổng cục Xuất bản báo chí nhà nước	http://www.gapp.gov.cn
Tổng cục Thể dục thể thao nhà nước	http://www.sport.gov.cn
Cục Thống kê nhà nước	http://www.stats.gov.cn
Cục Lâm nghiệp nhà nước	http://www.forestry.gov.cn
Tổng cục Quản lý giám sát an toàn sản xuất nhà nước	
(Cục giám sát an toàn sản xuất nhà nước)	http://www.chinasafety.gov.cn
Cục Quyền sở hữu tri thức quốc gia	http://www.sipo.gov.cn
Cục Du lịch nhà nước	http://www.cnta.gov.cn
Phòng tham sự Quốc vụ viện	http://www.counsellor.gov.cn
Cục Quản lý công việc Quốc vụ viện	http://www.ggj.gov.cn

CHẾ ĐỘ TƯ PHÁP

Chế độ tư pháp là chế độ dùng cơ quan tư pháp và tổ chức chuyên môn được pháp luật trao quyền sử dụng pháp luật để xử lý các vụ tố tụng và phi tố tụng. Nó là một bộ phận quan trọng cấu thành nên chế độ chính trị nhà nước, cũng là bảo đảm quan trọng chế độ chính trị nhà nước. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, ngoài những quy định có liên quan trong hiến pháp, còn có quy định ra **Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tòa án, Luật Kiểm sát**, đối với chế độ tư pháp của Trung Quốc hiện nay có quy định hệ thống rõ ràng. Trong phạm vi chủ quyền Trung Quốc, chế độ tư pháp và quyền tư pháp là thống nhất, toàn quốc sử dụng luật pháp cũng thống nhất, bất cứ người có quốc tịch nào đều phải tuân thủ luật pháp của Trung Quốc, tất cả các vụ án dân sự, hình sự, tố tụng hành chính đều do cơ quan tư pháp xử lý theo luật.



1. Cấu thành Cơ quan tư pháp

Dựa vào quy định của hiến pháp và pháp luật Trung Quốc, Cơ quan Tư pháp bao gồm: Cơ quan xét xử, Cơ quan kiểm sát. Ngoài ra, còn có Cơ quan công an, Cơ quan an toàn nhà nước, Cơ quan hành chính tư pháp tuy thuộc vào cơ quan hành chính nhưng đảm nhiệm một phần chức năng của Tư pháp

a. Cơ quan xét xử

Cơ quan xét xử là do Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân địa phương các cấp và Tòa án nhân dân chuyên môn cấu thành. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử tối cao, Tòa án nhân dân địa phương căn cứ vào sự phân chia khu vực hành chính mà đặt ra, các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương thì thiết lập tòa án cao cấp, tiếp đến là tòa án nhân dân trung cấp và tòa án nhân dân cấp cơ sở. Tòa án chuyên môn dựa vào hệ thống tổ chức chuyên trách mà được thành lập, bao gồm Tòa án Quân sự, Tòa án Hải sự, Tòa án Vận chuyển đường sắt... Tòa án nhân dân tối cao giám sát công tác xét xử của tòa án các cấp trong toàn quốc, các thành viên cấu thành do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Quốc vụ viện đề cử và phụ trách Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ. Mỗi nhiệm kỳ của Chánh án tòa án nhân dân tối cao tương đương với nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, liên tục không được vượt quá hai nhiệm kỳ. Tòa án nhân dân địa phương các cấp và Tòa án nhân dân chuyên môn phụ trách các cơ quan quyền lực nhà

Tòa án mở phiên tòa xử lý vụ án



nước của nó. Công tác xét xử của Tòa án cấp dưới sẽ chịu sự giám sát của Tòa án cấp trên. Tòa án chiếu theo quy định của pháp luật độc lập thi hành quyền xét xử không nhận sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội và của bất kỳ cá nhân nào.

Tòa án nhân dân cao cấp do Chánh án, Phó Chánh án, Ủy viên Ủy ban xét xử, Chánh tòa, Phó Chánh tòa, Thẩm phán viên, Trợ lý thẩm phán và một số cán bộ khác cấu thành. Việc phân biệt cấp của các chức vụ chia thành 12 cấp. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là người đứng đầu, từ cấp 2 đến cấp 12 chia thành đại cán bộ, cán bộ cao cấp, cán bộ. Chánh án Tòa án nhân dân các cấp do Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó bầu ra và bãi miễn, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa và các Thẩm phán do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó miễn nhiệm; ngoài ra còn có các nhân viên hỗ trợ tòa án tư pháp như Thẩm phán viên, Thư ký viên, Chấp hành viên, Pháp y, Cảnh sát tư pháp...

b. Cơ quan kiểm sát

Cơ quan kiểm sát có Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân địa phương các cấp và Viện kiểm sát nhân dân chuyên môn cấu thành. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan kiểm sát tối cao. Viện kiểm sát nhân dân địa phương căn cứ vào việc phân chia khu hành chính mà được thiết lập, các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương thành lập Viện kiểm sát cao cấp, tiếp theo là Viện kiểm sát trung cấp và Viện kiểm sát cấp cơ sở. Viện kiểm sát chuyên môn căn cứ vào hệ thống tổ chức đã được quy định để thành lập, bao gồm Viện kiểm sát quân sự, Viện kiểm sát vận chuyển đường sắt, Viện kiểm sát vận chuyển đường thủy... Viện kiểm sát nhân dân tối cao lãnh đạo công việc của Viện kiểm sát địa phương các cấp và Viện kiểm sát chuyên môn, các thành viên cấu thành do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ bầu ra. Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm kỳ tương đương với Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, liên tiếp nắm quyền không được quá hai nhiệm kỳ. Viện kiểm sát nhân dân tối cao phụ trách Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ. Viện kiểm sát địa phương các cấp và Viện kiểm sát chuyên môn phụ trách việc thành lập cơ quan quyền lực nhà nước và Viện kiểm sát cấp trên của nó. Viện kiểm sát cấp trên lãnh đạo công việc của Viện kiểm sát cấp dưới. Viện kiểm sát nhân dân căn cứ theo quy định của pháp luật mà có quyền kiểm sát độc lập, không nhận sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội và bất kỳ cá nhân nào.

Viện kiểm sát các cấp do Kiểm sát trưởng, Phó Kiểm sát trưởng, Ủy viên Ủy ban kiểm sát, Kiểm sát viên và Trợ lý kiểm sát viên cấu thành. Cấp bậc của quan chức trong cơ quan kiểm sát chia thành 12 cấp. Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là người đứng đầu cơ quan kiểm sát, bên dưới là các đại quan kiểm sát, quan kiểm sát cao cấp và các quan kiểm sát. Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp do Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó bầu ra và bãi miễn. Viện miễn nhiệm Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần phải báo cáo lên Kiểm sát trưởng cấp trên sau đó xin phê chuẩn của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân. Phó Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát nhân dân các



Đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bỏ phiếu bầu ra Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Kiểm sát trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

cấp, Ủy viên Ủy ban kiểm sát, Kiểm sát viên đều do Kiểm sát trưởng đề nghị Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân cấp đó miễn nhiệm. Căn cứ vào nhu cầu, dựa theo cấp tầng khác nhau mà phân chia cơ cấu Sở kiểm sát, Ban kiểm sát và Phòng kiểm sát tương ứng.

c. Cơ quan công an, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư pháp

Cơ quan công an, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư pháp là những bộ phận cấu thành Cơ quan hành chính nhà nước, việc cấu thành này cũng giống với nền tảng cấu thành các cơ quan hành chính nhà nước khác. Quốc vụ viện thành lập Bộ Công an, Bộ An toàn quốc gia và Bộ Tư pháp, có vai trò lãnh đạo, tổ chức và quản lý công việc liên quan trong toàn quốc. Các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương thiết lập Sở Công an (Cục), Sở An toàn quốc gia (Cục), Sở Tư pháp (Cục). Địa khu, châu tự trị thiết lập Ban Công an, Cục Tư pháp (Ban). Thị trấn, huyện, huyện tự trị thiết lập Cục Công an, Cục Tư pháp (Phòng). Đường sắt, giao thông, hàng không, lâm nghiệp thiết lập Cục Công an (Ban). Căn cứ vào nhu cầu thì cục công an của thị trấn, huyện, huyện tự trị và các khu thành thị có thể thiết lập đồn công an hoặc đặc phái viên công an ở một vài hương, trấn, đường. Cấp tỉnh xuống các địa phương khác căn cứ vào nhu cầu mà thiết lập cơ cấu và nhân viên an toàn quốc gia. Công an địa phương, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư

pháp cùng chịu sự lãnh đạo của chính quyền cấp đó và cơ quan có liên quan cấp trên.

Nhân viên Cơ quan công an, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư pháp thuộc vào công chức nhà nước, thi hành chế độ biên chế cảnh vệ cấp đó. Cảnh vệ được chia làm 5 đến 13 cấp; Tổng cảnh giám, Phó Tổng cảnh giám; Cảnh giám có ba cấp là cấp một, cấp hai và cấp ba; Cảnh đốc có ba cấp là cấp một, cấp hai và cấp ba; Cảnh ty có ba cấp là cấp một, cấp hai và cấp ba; Cảnh viên có hai cấp là cấp một và cấp hai. Cảnh vệ cảnh sát nhân dân dựa theo chức vụ mà trao cho thuộc biên chế cấp nào. Cơ quan công an, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư pháp không phụ trách nhân viên chức vụ cảnh sát nhân dân, không thực hiện chế độ cảnh vệ.



Cơ quan công an thông qua thi sát hạch, lựa chọn cán bộ một cách công khai cạnh tranh

2. Chức năng chủ yếu của Cơ quan tư pháp

a. Chức năng của Cơ quan xét xử

Căn cứ theo quy định của pháp luật, nhiệm vụ chủ yếu của Cơ quan xét xử trong tòa án nhân dân các cấp: (1) Xét xử các vụ án hình sự, trừng phạt những người phạm tội, duy trì và bảo vệ trật tự xã hội. (2) Xét xử những vụ án dân sự, giải quyết những tranh chấp dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. (3) Xử lý những vụ án liên quan đến tranh chấp kinh tế, duy trì bảo vệ trật tự kinh tế xã hội. (4) Xử lý những vụ án tổ tụng hành chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân và tổ chức khác, bảo đảm và giám sát cơ quan hành chính thi hành quyền hạn dựa theo pháp luật. (5) Chấp hành những phán quyết và chế tài đã có hiệu lực.

Trung Quốc thực hiện chế độ hai lần thẩm tra chung thẩm, quyền hạn của tòa án các cấp không giống nhau. Thẩm tra vụ sơ thẩm tại tòa án cấp cơ sở, sẽ xử lý những vụ án tranh chấp dân sự và vụ án hình sự nhỏ mà không cần mở phiên tòa. Quy định của pháp luật đối với việc xử lý vụ án tại tòa án trung cấp do án sơ thẩm thuộc vùng đó cai quản cho đến những vụ kháng án, kháng tụng được xử

tại tòa án cấp cơ sở. Quy định của pháp luật đối với việc xử lý vụ án tại tòa án cao cấp do án sơ thẩm thuộc quản hạt của vùng đó cho đến những vụ kháng án, kháng tụng được xử tại tòa án cấp dưới, thẩm định những vụ án tử hình do tòa án trung cấp phán quyết có thời hạn thi hành là hai năm, thẩm định án tử hình do Tòa án nhân dân tối cao trao quyền, giám sát công tác xét xử của tòa án cấp dưới thuộc quản hạt của vùng đó. Quy định của pháp luật đối với việc xử lý những vụ án tại tòa án nhân dân tối cao do tòa án tối cao quản lý và cần phải dựa vào án sơ thẩm do mình xét xử, quản lý những vụ kháng cáo, kháng tụng của tòa án cấp dưới, thẩm định những án phán tử hình, trong quá trình xét xử tất cả những vấn đề cụ thể đều phải dùng pháp luật để giải thích, lãnh đạo vào giám sát công tác xét xử của tòa án nhân dân các cấp trong toàn quốc.

b. Chức năng của Cơ quan kiểm sát

Dựa vào quy định của pháp luật, Cơ quan kiểm sát tức là Viện kiểm sát nhân dân các cấp có quyền hạn và nhiệm vụ chủ yếu sau: (1) Xử lý những vụ án có những tên tội phạm nguy hiểm phạm vào các tội như phản quốc, chia rẽ dân tộc và nghiêm trọng hơn là phá hoại quốc gia cần thực thi một luật pháp thống nhất, và thi hành quyền kiểm sát. (2) Đối với những vụ án về các nhân viên làm trái pháp luật công tác trong cơ quan hành chính nhà nước sẽ trực tiếp xử lý, lập án rồi tiến hành điều tra. (3) Đối với những vụ án có liên quan đến cơ quan công an và cơ quan an toàn nhà nước, tiến hành thẩm tra rồi từ đó ra quyết định bắt, khởi tố hoặc miễn khởi tố; điều tra hoạt động thi hành giám sát đối với cơ quan công an và cơ quan an toàn nhà

Viện kiểm sát mời nhân dân thành phố đảm nhiệm chức giám sát viên nhân dân, thực hành việc giám sát bên ngoài đối với việc xử lý điều tra vụ án



nước, dựa vào pháp luật điều tra đến cùng, tránh bắt người vô tội, khám xét vô cớ và dùng những hành vi trái pháp luật để tiến hành điều tra thu thập chứng cứ. (4) Những vụ án hình sự được đưa ra tố tụng, tiến hành giám sát việc thực thi pháp luật trong việc xử các vụ án hình sự, dân sự và tố tụng hành chính của tòa án nhân dân, dựa vào pháp luật để đề nghị kháng tụng. (5) Thi hành giám sát, các hoạt động có phù hợp pháp luật hay không trong việc đưa ra phán quyết đối với các vụ án hình sự, chấp hành và giám sát quy định của pháp luật, các hoạt động tại cơ quan cải tạo lao động, nhà tù giam giữ. Trong thực tiễn tư pháp, quyền hạn được trình bày ở trên đây có thể tóm gọn lại là giám sát kỷ cương pháp luật, điều tra giám sát, giám sát việc xét xử, chấp hành việc giám sát.

c. Chức năng của Cơ quan công an, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư pháp

Là những bộ phận cấu thành cơ quan hành chính nhà nước, nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan công an, Cơ quan an toàn quốc gia và Cơ quan hành chính tư pháp có rất nhiều, chức năng tư pháp chỉ là một bộ phận trong quyền hạn và nhiệm vụ cần phải đảm nhiệm, dựa vào những quy định của pháp luật, chủ yếu bao gồm: (1) Cơ quan công an các cấp có quyền điều tra về phương diện tư pháp đối với các cơ quan nhà nước, bao gồm điều tra, tạm giam, dự thẩm và quyết định bắt giam. Trong thực tế, chủ yếu đối với những vụ án hình sự điều tra, thẩm vấn người tình nghi phạm tội; xét hỏi người bị hại và nhân chứng; tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ, khám nghiệm hiện trường, giám định, trình sát thực tế, thu giữ vật chứng...; thi hành cưỡng chế như áp dụng phương pháp tạm giam, bảo lãnh chờ thẩm vấn, giám sát tại nơi cư trú...; Đối với những án đã kết thúc trình sát sẽ mời Viện kiểm sát nhân dân tiến hành thẩm tra và có quyết định khởi tố hay là hủy bỏ; qua sự phê chuẩn và quyết định của Viện kiểm sát nhân dân, qua quyết định của Tòa án nhân dân sẽ tiến hành bắt tội phạm tình nghi. (2) Cơ quan an toàn quốc gia các cấp đảm nhiệm công tác trình sát làm gián điệp hoặc trong những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, có thể thi hành quyền hạn như trình sát, tạm



Nữ quan kiểm sát tại thành phố Bắc kinh tổ chức chất vấn ngay trên đường phố để mọi người có thể thực hiện đúng theo quy trình của luật pháp mà giúp đỡ

giam, thẩm vấn và bắt giữ của Cơ quan công an theo quy định của hiến pháp và pháp luật. (3) Cơ quan hành chính tư pháp phụ trách công tác quản lý trại giam và tiến hành cải tạo lao động đối với những phần tử phạm tội, lãnh đạo và quản lý công việc của luật sư, Cơ quan công chứng và Ủy ban hòa giải nhân dân.

3. Trình tự cụ thể của tư pháp

Cơ quan xét xử, Cơ quan kiểm sát trong hoạt động tư pháp lấy sự thực làm căn cứ, lấy pháp luật làm tiêu chuẩn, dựa vào pháp luật để thi hành quyền xét xử và quyền kiểm sát, không nhận sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội và bất kỳ cá nhân nào.

a. Trình tự điều tra

Trong chế độ tư pháp Trung Quốc, chỉ có cơ quan công an, cơ quan an toàn quốc gia và cơ quan kiểm sát là có quyền tiến hành điều tra đối với các vụ án hình sự, còn bất kỳ cơ quan, đoàn thể và cá nhân nào đều không có quyền thi hành quyền lực này. Cơ quan công an là cơ quan điều tra chủ yếu, chủ yếu phụ trách điều tra những vụ án hình sự; cơ quan an toàn nhà nước phụ trách tiến hành trình sát, giả làm gián điệp trong các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; viện kiểm sát phụ trách điều tra những vụ án tội phạm nhận tham ô hối lộ, tội phạm bán chức chạy quyền, đến những cán bộ làm việc trong cơ quan nhà nước lợi dụng chức quyền xâm phạm quyền tự do dân chủ và quyền cá nhân của mỗi người.

Điều tra là cơ sở quan trọng trong toàn bộ trình tự tố tụng hình sự, bao gồm các giai đoạn lập hồ sơ vụ án, trình sát phá án và thẩm vấn. Trong quá trình điều tra vụ án, cơ quan tư pháp tiến hành thẩm tra những vụ án tội phạm nảy sinh trong phạm vi khu vực mình quản lý, chỉ cần có đầy đủ hai điều kiện cơ bản đó là bằng chứng phạm tội và đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể tiến hành lập báo cáo, nói rõ nguồn gốc của tư liệu, thời gian và địa điểm xảy ra vụ án, tội phạm thực sự, căn cứ pháp luật, lý do lập án..., thông qua sự phê chuẩn của người lãnh đạo cơ quan tư pháp thì có thể lập án tiến hành điều tra. Mục đích của cuộc điều tra là xác định rõ chân tướng của vụ án, thu thập chứng cứ phạm tội, tình hình phạm tội cụ thể xảy ra như thế nào, tìm hiểu những kẻ có tình nghi liên quan. Phương thức chủ yếu của điều tra bao gồm những hoạt động điều tra chuyên môn như thẩm vấn những người bị tình nghi, hỏi người làm chứng và người bị hại, khám nghiệm, kiểm tra, truy tìm chứng cứ, giám định, xác định vật chứng và thi hành cưỡng chế như áp dụng phương pháp tạm giam, bảo lãnh chờ thẩm vấn, giám sát tại nơi cư trú... Trong quá trình điều tra, phát hiện không đủ điều kiện hoặc người phạm tội chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể hủy bỏ án. Sau khi kết thúc điều tra, cơ quan điều tra căn cứ trên những gì điều tra được xác định mức độ có cấu thành tội phạm hay không, có đến mức phải dựa vào pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự hay không để tiến hành khởi tố và chuẩn bị tốt cho quá trình xét xử.

Để thúc đẩy cơ quan điều tra trong việc đẩy nhanh điều tra án, phòng trường hợp quá trình điều tra để lâu mà vẫn chưa có quyết định chính thức, căn cứ theo quy định của pháp luật Trung Quốc, quá trình điều tra sau khi bắt được kẻ tình nghi phạm tội không được vượt quá thời hạn là 2 tháng. Đối với những vụ án phức tạp, thời hạn không đủ để kết thúc quá trình điều tra thì cần có sự phê chuẩn của viện kiểm sát nhân dân ở cấp cao hơn, kéo dài khoảng 1 tháng nữa. Đối với những vụ án mà có cả một nhóm phạm tội và những vụ án phức tạp liên quan đến nhiều vụ việc khác, và cả những vụ án vô cùng phức tạp mà lại ở những vùng xa xôi hẻo lánh, giao thông không thuận lợi, thì cần có quyết định và phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, có thể kéo dài thêm 2 tháng.

b. Trình tự khởi tố

Trình tự khởi tố và trình tự công tố đều là hình thức của khởi tố. Căn cứ vào quy định của pháp luật: Viện kiểm sát là cơ quan công tố duy nhất đại diện Nhà nước. Ngoài những vụ án tố cáo nhỏ và không cần tiến hành điều tra có thể thông qua hình thức tự khởi tố để tiến hành xét xử ra thì hầu hết các vụ án hình sự đều phải do Viện kiểm sát đề nghị công tố, ra tòa giúp đỡ công tố. Luật sư có thể tiếp nhận sự ủy thác của đương sự trong các vụ án dân sự, cũng có thể nhận sự ủy thác của người tự khởi tố trong những vụ án hình sự tự khởi tố, người bị hại trong vụ án công tố và những vụ án tương tự, đảm nhiệm vai trò là người đại diện để tham gia tố tụng.

Quy định trong hiến pháp và pháp luật Trung Quốc, mỗi người đều có quyền tự do công dân và nơi ở không chịu bất kỳ sự xâm phạm nào. Nếu không có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, công dân sẽ không bị bắt, nhà cửa không bị khám xét. Cơ quan công an và cơ quan an toàn nhà nước trong quá trình điều tra án khi cần bắt kẻ tình nghi phạm tội hoặc cần khám xét nơi ở cần phải có lệnh bắt người hoặc giấy xác nhận cho phép khám xét được Viện kiểm sát đồng ý phê chuẩn. Khi bắt hoặc tạm giam đại biểu Đại hội đại biểu nhân dân cần phải thi hành thủ tục phê chuẩn đặc biệt, Viện kiểm sát và Tòa án không có quyền trực tiếp



Trung Quốc từ 1994 đến nay bắt đầu thực thi chế độ pháp luật viện trợ, các vùng trong toàn quốc đã lần lượt thành lập các cơ quan pháp luật viện trợ

Tòa án mở phiên tòa
 tiến hành xét xử ngay
 tại thôn



phê chuẩn hoặc quyết định. Sau khi kết thúc quá trình điều tra, nếu phát hiện người bị điều tra đã có đủ bằng chứng cấu thành tội phạm, cần phải chuyển đến Viện kiểm sát tiến hành thẩm tra, sau đó sẽ ra quyết định khởi tố hoặc là đề nghị công tố.

c. *Trình tự xét xử*

Trình tự xét xử tức là trình tự tòa án tiến hành xử lý và phán quyết vụ án. Tòa án nhân dân tiến hành xét xử vụ án, ngoài việc căn cứ vào tình hình đặc biệt theo quy định của pháp luật ra (như liên quan đến bí mật quốc gia, những cá nhân không thể xuất hiện, hay tội phạm vị thành niên) thì tất cả đều được tiến hành công khai, cho phép đương sự và người đến tham dự được phép tham gia vào tố tụng, làm chứng, tranh luận, dựa vào pháp luật để thi hành quyền lợi tố tụng, đồng thời cũng công khai trước toàn xã hội, cho phép quần chúng được tham dự và các phóng viên được phép thu thập thông tin. Trong quá trình thẩm tra hình sự, bị cáo có quyền nhận được sự biện hộ. Luật sư nhận sự ủy thác của bị cáo trong các vụ án hình sự hoặc sự chỉ định của Tòa án nhân dân, đảm nhiệm vai trò người biện hộ, trách nhiệm của người biện hộ căn cứ vào sự thực và quy định của pháp luật, đưa ra những ý kiến và bằng chứng để chứng minh bị cáo vô tội, tội nhẹ hoặc có thể giảm tội hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Tòa án nhân dân phán quyết án dựa trên sử dụng chế độ hội thẩm do các thẩm phán viên tổ chức hội thẩm hoặc do thẩm phán viên và bồi thẩm nhân

dân tổ chức hội thẩm, thông qua hội thẩm và Ủy ban xét xử mà đưa ra phán quyết đối với vụ án. Thông qua trình tự xét xử, Cơ quan xét xử điều tra thu thập chứng cứ, thẩm tra chứng cứ, xét hỏi người làm chứng và tổ tụng đương sự, tổ chức đương sự tiến hành tranh luận, để chắc chắn tìm ra chân tướng sự thật của vụ án, phân biệt rõ tính chất của vụ án, từ đó dựa trên cơ sở của pháp luật tiến hành xét xử.

Trung Quốc thi hành chế độ hai lần thẩm tra. Căn cứ vào quy định của pháp luật, đối với phán quyết và quyết định của Tòa án địa phương các cấp trong lần thẩm tra đầu tiên, nếu đương sự thấy không phục, trong một thời hạn nhất định có thể kháng án lên tòa án cấp cao hơn; nếu viện kiểm sát cùng cấp không đồng ý với phán quyết, cũng có thể trong một thời gian nhất định tiến hành kháng tụng lên tòa án cấp cao hơn. Tòa án cấp cao hơn sau khi tiếp nhận vụ án có kháng án hay kháng tụng, căn cứ vào trình tự xét xử tiến hành thẩm tra lại vụ án. Phán quyết và quyết định sau khi thẩm tra lần thứ hai, sau khi có hiệu lực sẽ trở thành phán quyết và quyết định cuối cùng.

d. Trình tự thi hành

Trình tự thi hành tức là trình tự từ khi phán quyết quyết định đã có hiệu lực đến khi cần phải chấp hành quy định đó, bao gồm trình tự thi hành phán quyết đối với những vụ án hình sự, trình tự thi hành phán quyết hoặc quyết định đối với những vụ án dân sự và trình tự thi hành quyết định hoặc quy định đối với những vụ án hành chính.

Trình tự thi hành những phán quyết đối với án hình sự, tức là bị cáo chịu sự trừng phạt và phải chấp hành án hình sự bao gồm tử hình hoặc ngồi tù. Trình tự thi hành án tử hình chủ yếu bao gồm báo lên tòa án cao cấp hoặc tòa án nhân dân tối cao tiến hành phúc thẩm lại án tử hình, sau đó do tòa án đưa ra thẩm tra cuối cùng và công bố quyết định án tử hình trước toàn xã hội, tiếp đó cơ quan kiểm sát sẽ phái kiểm sát viên đến hiện trường

Quang cảnh thí sinh đăng ký dự thi tư pháp. Pháp quan mới được bổ nhiệm, kiểm sát viên mới và thẩm tra tư cách luật sư đều cần phải thông qua kỳ thi tư pháp nhà nước



tử hình để giám sát, do cảnh sát tòa án tư pháp thi hành tử hình. Trình tự thi hành án ngổ tù chia thành tổng giam vào ngục rồi tiến hành lao động cải tạo và tội phạm vị thành niên được quản giáo và cải tạo. Căn cứ vào quy định của pháp luật, tội phạm bị giam giữ được quản giáo trong vòng thời gian 2 năm sẽ bị tử hình đối với án tử hình, tội phạm bị giam giữ không kỳ hạn và tội phạm bị giam giữ có kỳ hạn. Trong đó tội phạm trước khi phải chấp hành hình phạt thì khoảng thời gian trước khi chấp hành hình phạt đó phải là dưới một năm, do trại tạm giam thay thi hành. Trại giam cần phải phân biệt quản lý nam phạm nhân trưởng thành, nữ phạm nhân trưởng thành và phạm nhân vị thành niên. Tội phạm vị thành niên bị quản giáo tức là những tội phạm chưa đủ 18 tuổi.

Trình tự thi hành phán quyết và quyết định án dân sự là trình tự giao trách nhiệm dân sự cho đương sự cần phải thi hành đúng nghĩa vụ của bản thân. Căn cứ vào quy định của pháp luật, sau khi tòa án xét xử xong, biên bản hòa giải, quyết định, quy định dân sự được hình thành, phần tài sản trong quy định, quyết định hình sự, đến cơ quan trung gian, làm việc đều phải dựa theo pháp luật và chấp hành quy định của tòa án, nếu sau khi quy định có hiệu lực, nghĩa vụ của đương sự lại không thi hành theo đúng quy định hoặc quyết định, xin quyền lợi cho đương sự, tòa án sẽ thi hành biện pháp cưỡng chế bao gồm thẩm vấn, đóng băng, chuyển khoản đối với tài khoản ở trong

Nữ cảnh sát Bắc Kinh



ngân hàng, tiến hành điều tra tài sản mà người thi hành án cất giấu, tiến hành cưỡng chế giao những giấy tờ về tài sản, cổ phiếu, nhà cửa, đất đai do luật sư chỉ định, giao cho cơ quan hữu quan tiến hành thủ tục thanh lý tài sản... dùng những cách thức trên để cưỡng chế người thi hành án phải chấp hành đúng phán quyết, quyết định và hoàn thành nghĩa vụ đã được chỉ định.

Trình tự thi hành quyết định và phán quyết các vụ án hành chính chia làm hai loại: Một là cưỡng chế cơ quan hành chính chấp hành quyết định và phán quyết của tòa án; Hai là cưỡng chế những công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác thi hành đúng nghĩa vụ mà trong luật pháp đã quy định. Đối với những hành vi hành chính cụ thể của cơ quan hành chính, công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác trong thời hạn quy định của pháp luật mà không khởi tố lại không thi hành, cơ quan hành chính chủ quản không thể cưỡng chế chấp hành mà cần phải tòa án cưỡng chế mới

► Tư liệu liên quan

Hệ thống pháp luật Trung Quốc

Tháng 2 năm 2008, Chính phủ Trung Quốc đã ban bố sách trắng về Kiến thiết pháp trị Trung Quốc, sau nỗ lực nhiều năm, lấy hiến pháp làm hình thức cơ bản trong hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc của Trung Quốc. Hệ thống pháp luật của Trung Quốc hiện nay, các bộ ngành được hoàn chỉnh, tầng thứ được rõ ràng, kết cấu được điều hòa nhịp nhàng, điều mục rõ ràng khoa học, chủ yếu là do quy phạm pháp luật gồm bảy nhánh luật và ba tầng khác nhau cấu thành.

Bảy nhánh luật đó là: Hiến pháp và luật có liên quan đến hiến pháp, Luật Dân pháp thương, Luật Hành chính, Luật Kinh tế, Luật Xã hội, Hình pháp, Luật trình tự tố tụng và phi tố tụng.

Quy phạm pháp luật ba tầng khác nhau là: Pháp luật, pháp quy hành chính, pháp quy tính địa phương, điều lệ tự trị và điều lệ đơn hành.

Hiện nay, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ đã thông qua hơn 550 quyết định pháp luật, giải thích luật và những vấn đề có liên quan đến luật, trong đó có hơn 230 điều luật được hiện hành có hiệu lực, bao hàm toàn bộ cả bảy nhánh luật; trong các nhánh luật, đối với việc hình thành luật cơ bản có tác dụng làm khung giá cho hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa mang nét đặc sắc của Trung Quốc đến những luật cải cách, phát triển, ổn định và cấp bách, hầu hết đều được chế định ra. Có sự phối hợp nhịp nhàng với pháp luật, Quốc vụ viện chế định ra gần 600 văn bản luật hành chính pháp quy hiện đang có hiệu lực, Đại hội đại biểu nhân dân địa phương và Ủy ban thường vụ chế định ra hơn 7.000 pháp quy mang tính địa phương đang được hiện hành có hiệu lực, Đại hội đại biểu nhân dân địa phương dân tộc tự trị chế định ra hơn 600 điều lệ tự trị và điều lệ đơn hành đang được hiện hành có hiệu lực.

chấp hành, tòa án có thể căn cứ vào xin được thi hành của cơ quan hành chính, cưỡng chế công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác thi hành nghĩa vụ pháp luật đã quy định. Nếu công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác đề xuất khởi tố lên tòa án, sau khi trải qua trình tự tố tụng hành chính, vẫn duy trì quyết định của cơ quan hành chính mà công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác kiên quyết từ chối thi hành nghĩa vụ thì tòa án có thể căn cứ vào thư xin thi hành án của cơ quan hành chính mà tiến hành cưỡng chế công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác chấp hành phán quyết và quyết định của tòa án. Tòa án có thể thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định của cơ quan hành chính, trước tình hình cơ quan hành chính cự tuyệt chấp hành phán quyết, quyết định của tòa án thì tòa án có thể căn cứ vào thư xin thi hành án đối với công dân có liên quan, pháp nhân và tổ chức khác tiến hành cưỡng chế cơ quan hành chính thi hành đúng nghĩa vụ của pháp luật. Đối với việc cự tuyệt không thi hành phán quyết hoặc quyết định của tòa án, nếu tình tiết nghiêm trọng có thể cấu thành nên tội phạm, dựa vào pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhân viên chủ quản và nhân viên trực tiếp phụ trách.

Địa chỉ trang web của cơ quan tư pháp

Tòa án nhân dân tối cao: <http://www.court.gov.cn>

Viện kiểm sát nhân dân tối cao: <http://www.spp.gov.cn>

CHẾ ĐỘ QUÂN SỰ

Chế độ quân sự hiện nay của Trung Quốc, ngoài kế thừa truyền thống quân sự ưu tú của dân tộc, còn hấp thu những nhân tố tích cực của chế độ quân sự các nước trên thế giới. Ngoài hiến pháp hiện hành, hơn 20 năm nay, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ chế định ra hơn 10 luật liên quan đến việc xây dựng quốc phòng và quân đội như **Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Quân sự thi hành bảo hộ, Luật Nhân dân phòng không, Luật Sĩ quan dự bị, Điều lệ sĩ quan phục vụ quân đội, Điều lệ quân hàm sĩ quan**. Quốc vụ viện và Ủy ban quân sự Trung ương cũng đặt ra hơn 40 quy định có liên quan đến hành chính quân sự tiêu biểu như: **Điều lệ về công tác vận động quân, Điều lệ về nghĩa vụ quân sự, Điều lệ về công tác dân binh**. Ủy ban quân sự Trung ương chế định ra hơn 70 quy định có liên quan đến quân sự, những hệ thống quy định pháp quy này đều để cập đầy đủ các phương diện như cấu thành lực lượng vũ trang Trung Quốc, thể chế lãnh đạo quốc phòng, luật nghĩa vụ quân sự, chế độ cán bộ, chiến lược quân sự và chính sách quốc phòng...



1. Cơ cấu lực lượng vũ trang

a. Bộ đội tại ngũ quân giải phóng nhân dân Trung Quốc

Bộ đội tại ngũ quân giải phóng Trung Quốc là chủ thể của Lực lượng vũ trang nhân dân Trung Quốc, là quân thường trực của Nhà nước, do ba loại quân là lục quân, hải quân, không quân và binh chủng pháo binh độc lập cấu thành, có nhiệm vụ chủ yếu là phụ trách phòng vệ trong khi tác chiến, khi cần có thể căn cứ vào quy định của pháp luật để trợ giúp, duy trì trật tự xã hội.

1. Lục quân do bộ binh, pháo binh, lính thiết giáp, công binh, binh chủng thông tin, phòng hóa binh, bộ đội lục quân hàng không, điện tử đối kháng và bộ đội chuyên nghiệp cấu thành. Lục quân không có cơ quan lãnh đạo độc lập, chức năng chủ yếu của quân chủng là do Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tổng chính trị, Bộ Tổng hậu cần, Bộ Tổng trang bị thay nhau quản lý, bộ đội chủ yếu do 7 quân khu lãnh đạo, trình tự chủ yếu là quân đoàn, sư đoàn, đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội, có cả binh chủng, lữ đoàn.

2. Hải quân do các binh chủng bộ đội chiến hạm trên biển, bộ đội tàu ngầm, quân hàng không, hải quân tuần duyên, bộ đội lục chiến và bộ đội bảo vệ khác cấu thành. Hải quân thiết lập cơ quan

Học viên nữ binh tại Học viện lục quân Thạch Gia Trang



lãnh đạo quân chủng, dưới sự quản hạt của 3 hạm đội Bắc hải, Đông hải, Nam hải và binh bộ hàng không hải quân. Dưới hạm đội lần lượt là cơ địa (cấp quân đoàn), chi đội chiến hạm và khu thủy cảnh (cấp sư đoàn), đại đội chiến hạm (cấp đoàn), trung đội chiến hạm (cấp tiểu đoàn). Dưới binh bộ hàng không hải quân thứ tự lần lượt là hải đội hàng không hạm đội (cấp quân đoàn), binh sư hàng không, đoàn, đại đội, trung đội.

3. Không quân do các binh chủng bao gồm, phi đội hàng không, phi đội tiêm kích và pháo binh cao xạ, phi đội ném bom, phi đội nhảy dù, phi đội thông tin, bộ đội đối kháng điện tử và bộ đội chuyên môn cấu thành. Không quân thiết lập cơ quan lãnh đạo quân chủng, gồm bảy quân khu không quân, bộ đội được sắp xếp lần lượt theo thứ tự là binh quân hàng không (cơ địa), sư, đoàn, đại đội, trung đội, trong binh chủng còn thiết lập các cấp lữ đoàn.

4. Đệ nhị pháo binh do bộ đội tên lửa đạn đạo chiến lược, bộ đội tên lửa đạn đạo thường quy và bộ đội bảo vệ chuyên nghiệp, trực thuộc lãnh đạo của Ủy ban quân sự trung ương.

b. Bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân Trung Quốc

Bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân Trung Quốc là tổ chức vũ trang phụ trách nhiệm vụ bảo vệ an toàn mà Nhà nước giao phó, nhiệm vụ cơ bản là duy trì sự tôn nghiêm và chủ quyền quốc gia, duy trì trật tự trị an xã hội, mục tiêu quan trọng là bảo vệ quốc gia.

Bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân Trung Quốc trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của lực lượng vũ trang nhân dân, gồm bộ đội bảo vệ trong nước, bộ đội biên phòng, bộ đội phòng cháy chữa cháy, bộ đội cảnh vệ và bộ đội chủ chốt, bảo vệ rừng, thủy điện, giao thông. Bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân Trung Quốc thiết lập cơ quan Tổng bộ, tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương có đặt Bộ đội cảnh sát vũ trang (cấp phó quân), dưới Tổng bộ có thứ tự lần lượt là sư, chi đội (cấp đoàn), đại đội (cấp tiểu đoàn), trung đội (cấp đại đội).

Quan binh cảnh sát vũ trang thi hành nhiệm vụ



Nữ dân quân đi tuần
cảnh trên tuyết



Trong thể chế tổ chức, tổng bộ bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân Trung Quốc nhận sự lãnh đạo của cả Quốc vụ viện và Ủy ban quân sự trung ương. Tổng bộ và bộ đội ở cấp dưới, ngoài việc nhận sự lãnh đạo của tổng bộ cảnh sát vũ trang còn nhận sự lãnh đạo và chỉ huy của bộ ngành công an đồng cấp. Trên phương diện quản lý hành chính, chấp hành điều lệnh, điều lệ có liên quan của quân giải phóng nhân dân. Đồng thời, căn cứ vào tính chất, nhiệm vụ và đặc điểm của chính bản thân để xây dựng thể chế trang bị tương ứng, chế độ bảo vệ, chế độ huấn luyện và chế độ quản lý.

c. Bộ đội quân nhân dự bị và dân binh

Bộ đội quân nhân dự bị và dân binh là bộ phận cấu thành quan trọng của lực lượng vũ trang nhân dân, là lực lượng dự bị của quân giải phóng nhân dân, là trợ thủ đắc lực của bộ đội cảnh sát vũ trang nhân dân; nhiệm vụ cơ bản là phụ trách chuẩn bị tích cực cho chiến tranh phòng bị, nhiệm vụ tác chiến phòng vệ, hỗ trợ duy trì trật tự trị an xã hội.

Bộ đội quân nhân dự bị là bộ phận cấu thành của quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Căn cứ theo quy định của pháp luật, phạm công dân là quân nhân hết thời hạn tại ngũ và quân nhân đang thi hành nghĩa vụ quân sự mà chưa nhập ngũ, thì sau khi đăng ký nghĩa vụ quân sự có thể trở thành quân nhân thi hành nghĩa vụ quân sự ở bên ngoài quân đội, tùy theo sự chuẩn bị và căn cứ vào hưởng ứng lệnh nhập ngũ của quốc gia. Căn cứ vào quyết định của Ủy ban

quân sự trung ương, Trung Quốc đã có kế hoạch đối với những vùng trọng điểm của đất nước, tiến hành thiết lập ba quân là Lục quân, Hải quân và Không quân bao gồm bộ đội quân nhân dự bị của các binh chủng bộ binh, pháo binh, thông tin binh, công trình binh, phòng hóa binh... Thông qua sự phê chuẩn của Bộ tổng tham mưu mà thành lập sư, đoàn quân nhân dự bị, đều được nhập vào và sắp xếp theo thứ tự của quân giải phóng nhân dân, nhận số hiệu, cờ quân, kiện toàn tư lệnh, chính trị, cơ quan hậu cần và các ban ngành có liên quan, phối hợp huấn luyện trang bị và phục trang, xây dựng và hoàn thiện các chế độ khác. Thời bình dựa theo quy định mà tiến hành huấn luyện, khi cần thiết có thể căn cứ theo quy định của pháp luật mà trợ giúp duy trì trật tự xã hội. Thời chiến thì căn cứ vào lệnh động viên mà đất nước ban bố để chuyển sang đảm nhiệm bộ đội tại ngũ và đảm nhiệm nhiệm vụ tác chiến.

Dân binh là tổ chức vũ trang quần chúng không thoát ly khỏi sản xuất và công việc của cơ quan ban ngành đó. Ở nông thôn, dân binh được thành lập căn cứ trên hương, hương dân tộc, trấn; Ở thành thị, dân binh được thành lập dựa trên đường phố, xí nghiệp và các đơn vị sự nghiệp. Căn cứ dựa trên số lượng dân binh ít nhiều mà phân chia thành tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn. Căn cứ vào đặc điểm nghề nghiệp và nhu cầu, dân binh được chia thành các phân đội chuyên nghiệp như pháo cao xạ, công trình, thông tin, trinh sát, phòng cháy chữa cháy, pháo súng chống xe tăng.

Bộ tổng tham mưu chủ quản toàn bộ công việc dân binh trong toàn quốc, các quân khu phụ trách công tác dân binh của khu vực mình, Quân khu tỉnh, Quân phân khu và Ban vũ trang nhân dân huyện (thị trấn) là cơ quan lãnh đạo chỉ huy dân binh của khu vực mình. Tại địa phương, tổ chức dân binh nhận sự lãnh đạo và thi hành chính sách của Đảng ủy, chính quyền và hệ thống quân sự, do ban vũ trang nhân dân trực tiếp phụ trách công việc của dân binh.

2. Thể chế lãnh đạo quốc phòng

Sự lãnh đạo của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang là thông qua một thể chế tổ chức quân sự nhất định và chế độ lãnh đạo thực hiện. Căn cứ vào hiến pháp hiện hành và quy định của luật pháp có liên quan, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đối với hoạt động quốc phòng và lực lượng vũ trang nhân dân được thi hành tập trung thống nhất ở mức cao nhất. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc sẽ quyết định vấn đề hòa bình và tác chiến. Trong thời gian diễn ra Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc sẽ tuyên bố quyết định tình trạng chiến tranh, quyết định tổng động viên toàn quốc hay động viên cục bộ. Chủ tịch nước căn cứ vào quyết định của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ mà quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, phát lệnh tổng động viên. Quốc vụ viện phụ trách lãnh đạo, quản lý công tác nghiên cứu sản xuất vũ khí và mọi

mặt của quốc phòng, quản lý tài sản quốc phòng và kinh phí quốc phòng, cùng với Ủy ban quân sự trung ương lãnh đạo công tác chuẩn bị động viên quân sự và thi hành động viên quân sự. Ủy ban quân sự trung ương lãnh đạo chỉ huy thống nhất lực lượng vũ trang toàn quốc.

Ủy ban quân sự trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Ủy ban quân sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc cấu thành chức năng lãnh đạo hoàn toàn thống nhất đối với quân đội. Ủy ban quân sự trung ương do Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên cấu thành, Chủ tịch chịu trách nhiệm thi hành chế độ. Chủ tịch Ủy ban quân sự trung ương do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra. Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban quân sự trung ương do Chủ tịch đề cử sau đó thông qua quyết định bổ nhiệm của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Mỗi nhiệm kỳ của Ủy ban quân sự trung ương và Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là tương đồng nhau, và phụ trách Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có quyền bãi miễn chủ tịch và các thành viên cấu thành khác của Ủy ban quân sự trung ương.

Ủy ban quân sự trung ương thiết đặt các cơ quan công tác như Bộ tổng tham mưu, Bộ tổng chính trị, Bộ tổng hậu cần, Bộ tổng vũ trang... Ngoài ra, Ủy ban quân sự trung ương đồng thời thiết lập các đơn vị như Viện khoa học quân sự, Đại học quốc phòng, Đại học khoa học kỹ thuật quốc phòng. Bộ quốc phòng trở thành một bộ cấu thành nên Quốc vụ viện, nhận sự lãnh đạo của Quốc vụ viện và Ủy ban quân sự trung ương. Ủy ban quân sự trung ương hợp tác với sự lãnh đạo và quản lý của Quốc vụ viện để nghiên cứu và chế tạo ra vũ khí phục vụ quốc phòng.

1. Bộ tổng tham mưu là cơ quan lãnh đạo công tác quân sự lực lượng vũ trang toàn quốc, phụ trách tổ chức lãnh đạo xây dựng quân sự của lực lượng vũ trang toàn quốc và chỉ huy tổ chức hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang toàn quốc. Trong đó có thiết lập các ban ngành như tác chiến, tình báo, thông tin, quân huấn, quân vụ, động viên...
2. Bộ tổng chính trị là cơ quan lãnh đạo công tác chính trị toàn quân, phụ trách quản lý công tác đảng toàn quân, tổ chức tiến hành công tác chính trị. Trong đó có lập ra các ban ngành như tổ chức, cán bộ, tuyên truyền, bảo vệ, kiểm tra kỷ luật, công tác quần chúng...
3. Bộ tổng hậu cần phụ trách tổ chức lãnh đạo xây dựng hậu cần và công các bảo đảm hậu cần trong toàn quân, trong đó có thành lập các ban ngành cơ quan chuyên trách chủ quản như tài vụ, quân nhu, vệ sinh, giao thông quân sự, tài sản vật chất nhu yếu phẩm, xây dựng doanh trại quân đội, kiểm toán...



Đội danh dự ba quân quân giải phóng nhân dân Trung Quốc



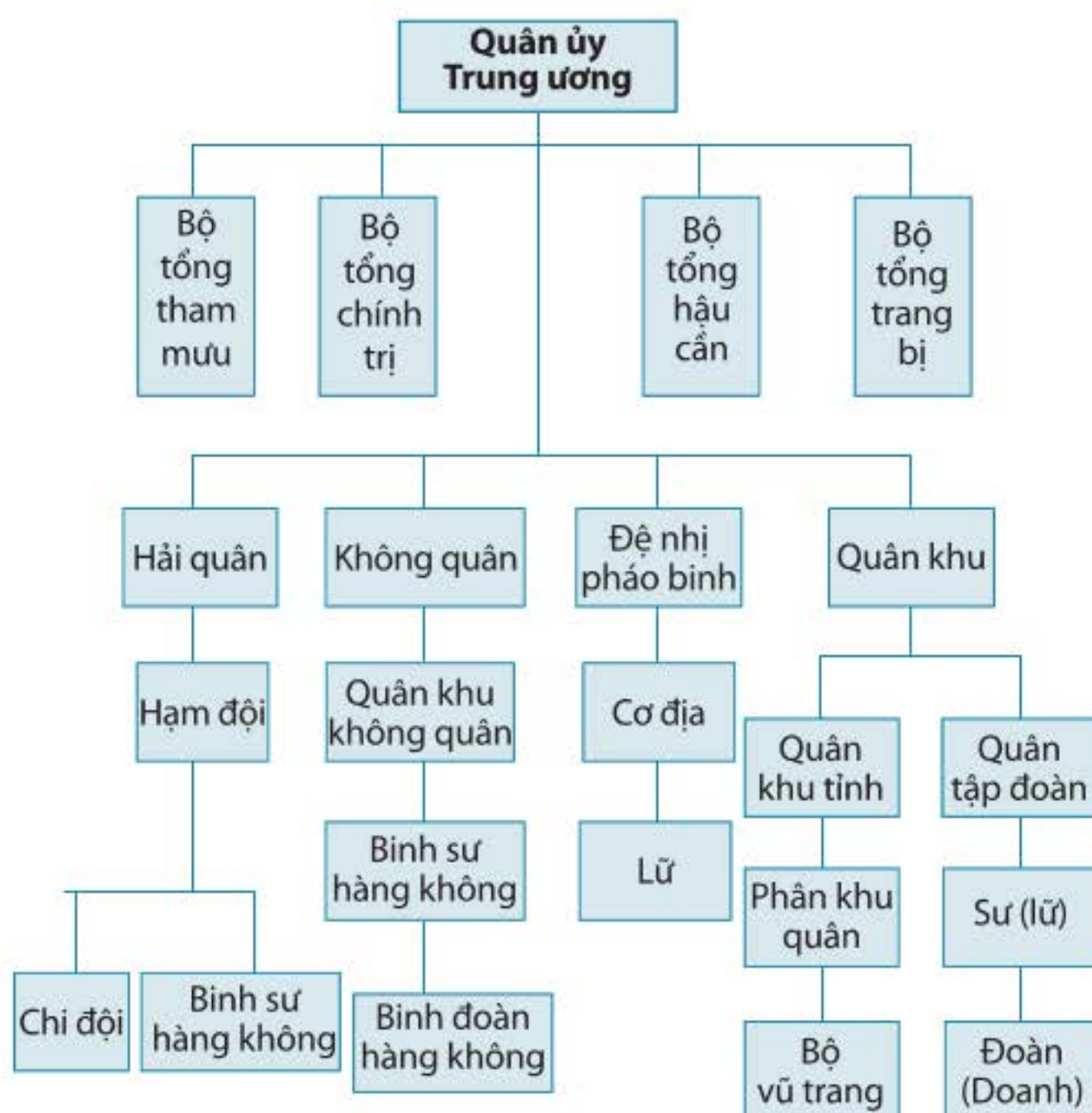
Học viên Đại học Quốc phòng tham quan tàu chiến hạm hải quân

4. Bộ tổng vũ trang là cơ quan lãnh đạo chuyên môn phụ trách việc tạo ra các loại trang bị vũ khí được Ủy ban quân sự trung ương quyết định thành lập vào tháng 4 năm 1998, vốn có tiền thân từ việc quản lý thử nghiệm, nghiên cứu chế tạo vũ khí của Ủy ban công nghiệp khoa học kỹ thuật quốc phòng, sau đó kết hợp với các đơn vị có liên quan khác của Bộ tổng hậu cần và Bộ tổng tham mưu mà thành lập nên Bộ tổng vũ trang, trong đó bao gồm các cơ quan chuyên môn như trang bị, quân giới, nghiên cứu khoa học kỹ thuật vũ khí trang bị và thử nghiệm.

Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc căn cứ vào phân khu hành chính nhà nước, vị trí địa lý, phương hướng chiến dịch chiến lược, nhu cầu nhiệm vụ tác chiến, trong toàn quốc thành lập bảy quân khu (chiến khu), lấy cơ quan lãnh đạo quân khu sở tại để đặt tên, bao gồm Quân khu Thẩm Dương, Quân khu Bắc Kinh, Quân khu Tế Nam, Quân khu Nam Kinh, Quân khu Thành Đô, Quân khu Lan Châu. Chức năng chủ yếu là nhận sự chỉ huy và lãnh đạo của tổng bộ và Quân ủy trung ương, căn cứ vào ý đồ tác chiến, phụ trách tổ chức, phụ trách tổ chức diễn tập và phối hợp hành động kết hợp tác chiến

của bộ đội lục quân, hải quân, không quân, trực tiếp lãnh đạo xây dựng tổ chức, huấn luyện quân sự, quản lý hành chính, công tác chính trị, hậu cần và bảo đảm trang bị của bộ đội lục quân trực thuộc vùng mình quản lý; lãnh đạo công tác dân binh, binh dịch, động viên, nhân dân phòng không, xây dựng chiến trường của khu mình quản lý. Quân khu thiết lập các cơ quan lãnh đạo như bộ tư lệnh, bộ chính trị, bộ liên cần, bộ trang bị, dưới có quân tập đoàn lục quân và quân khu cấp tỉnh với số lượng khác nhau, lại chỉ huy quân khu không quân và hạm đội hải quân chấp hành nhiệm vụ tác chiến có liên quan đến khu mình quản lý; dưới quân khu cấp tỉnh (khu vệ giới, khu cảnh bị) có thành lập các quân phân khu, còn có số lượng bộ đội nhất định, chủ yếu phụ trách công tác động viên, binh dịch, dân binh của tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương) và công tác cảnh bị của thành thị chủ yếu.

Sơ đồ biểu thị thể chế lãnh đạo quân giải phóng nhân dân Trung Quốc



3. Chế độ nghĩa vụ quân sự

Căn cứ vào quy định trong luật nghĩa vụ quân sự, Trung Quốc thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự có sự kết hợp giữa nguyện vọng và nghĩa vụ của binh, kết hợp giữa quân dự bị và dân binh.

a. Chế độ chiêu mộ quân

Căn cứ vào quy định trong luật nghĩa vụ quân sự, công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không phân biệt dân tộc, chủng tộc, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình xuất thân, tôn giáo tín ngưỡng, trình độ giáo dục, đều chiếu theo luật mà thi hành nghĩa vụ quân sự. Những trường hợp bị tổn hại nghiêm trọng về sinh lý hoặc bệnh tật nặng không thích hợp để phục tùng binh dịch thì được miễn tham gia nghĩa vụ quân sự. Căn cứ vào quy định của pháp luật, những người bị tước đoạt quyền chính trị cũng không được phục tùng binh dịch. Căn cứ vào luật nghĩa vụ quân sự và quy định điều lệ công việc chiêu mộ quân, Trung Quốc mỗi năm tiến hành một lần chiêu quân. Phạm những công dân nam tính đến trước ngày 31 tháng 12 năm đó đủ 18 tuổi, nhưng cần phải sinh trước ngày 30 tháng 9, căn cứ theo sắp xếp cơ quan nghĩa vụ quân sự của vùng đó, tiến hành cho quân nhân đăng ký, những người vượt qua kỳ kiểm tra sơ bộ sẽ trở thành công dân đồng ý tham gia nghĩa vụ quân sự. Công dân đồng ý tham gia nghĩa vụ quân sự nếu có các điều kiện phù hợp với quân nhân tại ngũ, lại qua cơ quan nghĩa vụ quân sự cấp huyện phê chuẩn, tức là

Tiết học thông tin
hóa





Dạy khẩu ngữ tiếng Anh

được chiêu mộ vào quân nhân tại ngũ. Năm đó mà chưa được chiêu mộ thì trước năm 22 tuổi vẫn có thể bị chiêu tập vào quân nhân tại ngũ. Căn cứ vào nhu cầu của quân đội, Nhà nước có thể chiêu mộ cả nữ công dân phục vụ cho quân đội.

b. Chế độ binh sĩ phục dịch tại ngũ

Binh sĩ tại ngũ, căn cứ vào tính chất của nghĩa vụ quân sự mà chia thành binh sĩ nghĩa vụ theo chế độ nghĩa vụ quân sự và binh sĩ tự nguyện theo chế độ nghĩa vụ quân sự. Trước được gọi là binh sĩ nghĩa vụ sau được gọi là sĩ quan.

**** Thời hạn phục dịch của binh sĩ***

Binh sĩ nghĩa vụ: Thời hạn phục dịch của binh sĩ nghĩa vụ lục quân, không quân và hải quân thống nhất là 2 năm.

Sĩ quan: Khi binh sĩ nghĩa vụ hết thời gian phục dịch, căn cứ vào nhu cầu của quân đội và mong muốn của cá nhân mà có thể sửa thành sĩ quan, sĩ quan thi hành chế độ phân kỳ thời gian phục dịch. Kỳ một và kỳ hai, mỗi kỳ là 3 năm; kỳ ba, kỳ bốn mỗi kỳ là 4 năm; kỳ thứ năm là 5 năm; kỳ thứ sáu là 9 năm trở lên; thông thường không vượt quá 30 năm, tuổi không được quá 55.

**** Binh sĩ kết thúc phục dịch***

(1) Binh sĩ nghĩa vụ hết kỳ phục dịch được tuyển chọn làm sĩ quan, sĩ quan phục dịch mà hết kỳ hạn quy định, lại chưa được phê

chuẩn tiếp tục thời hạn phục dịch và lại có những điều kiện phù hợp để kết thúc thì tất cả đều kết thúc phục dịch.

(2) Sau khi binh sĩ kết thúc phục dịch, căn cứ vào quy định luật nghĩa vụ quân sự sẽ khôi phục binh sĩ dự bị.

(3) Sau khi binh sĩ nghĩa vụ kết thúc phục dịch sẽ được cơ quan hành chính ở địa phương sắp xếp công tác phù hợp để phục viên chức vụ ở tại thôn quê, nơi ở.

(4) Sau khi sĩ quan kết thúc phục dịch, sĩ quan sơ cấp được phục viên vị trí, sĩ quan trung cấp và sĩ quan cao cấp phục dịch đủ 10 năm sẽ được sắp xếp vị trí chuyên nghiệp; phục dịch đủ 30 năm hoặc sĩ quan cao cấp đã 55 tuổi sẽ được sắp xếp cho nghỉ hưu.

c. Chế độ sĩ quan phục dịch tại ngũ

Sĩ quan tại ngũ căn cứ vào tính chất của nghề nghiệp mà có thể chia thành sĩ quan quân sự, chính trị, hậu cần, trang bị và sĩ quan kỹ thuật chuyên nghiệp.

* Tuổi đời và kỳ hạn của chức vụ sĩ quan

(1) Độ tuổi cao nhất đối với sĩ quan chỉ huy bình thường khi nhậm chức: Bộ đội tác chiến đảm nhiệm chức vụ sĩ quan cấp trung đội tối đa là 30 tuổi, cấp đại đội là 35 tuổi, cấp tiểu đoàn là 40 tuổi, cấp trung đoàn là 45 tuổi, cấp sư đoàn là 50 tuổi, cấp quân đoàn là 55 tuổi. Cấp đại quân khu, tạm chức là 63 tuổi, chính chức là 65 tuổi. Cấp tiểu đoàn và trung đoàn khi phục dịch trong chiến hạm lần lượt là 45 và 50 tuổi, sĩ quan cấp trung đoàn làm việc trong không quân là 50 tuổi.

Đá bóng vào ngày nghỉ



Sĩ quan cấp sư đoàn và cấp quân đoàn của bộ đội tác chiến, mà công việc ít cần thì căn cứ vào quyền hạn mà miễn nhiệm và đều cần có sự phê chuẩn, tuổi cao nhất trong nghề nếu thích hợp có thể kéo dài, nhưng độ tuổi kéo dài nhiều nhất đối với cấp sư đoàn và chính quân đoàn không được vượt quá 5 tuổi, chức phó quân đoàn không được vượt quá 3 tuổi.

Chức vụ phó đoàn cho đến sĩ quan và chức vụ sĩ quan cấp đại quân khu với những đơn vị ngoài bộ đội tác

chiến, thì số tuổi cao nhất để nhậm chức chiếu theo giới hạn độ tuổi đảm nhiệm chức sĩ quan bộ đội tác chiến mà thi hành, chức chính đoàn thì tuổi cao nhất nhậm chức là 50 tuổi, chức sư đoàn là 55 tuổi, chức phó quân là 58 tuổi, chức chính quân là 60 tuổi.

(2) Độ tuổi cao nhất để nhậm chức trung bình đối với sĩ quan kỹ thuật chuyên nghiệp: Người đảm nhiệm chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp sơ cấp là 40 tuổi, trung cấp là 48 tuổi và cao cấp là 60 tuổi. Chức vụ cao cấp và công tác ít người đảm nhiệm, nhưng vì công tác cần cho nên số năm nhậm chức cao nhất có thể tùy mà kéo dài hơn (nhưng không được vượt quá 5 tuổi).

(3) Giới hạn số năm thấp nhất trung bình đối với việc nhậm chức với sĩ quan các cấp: Sĩ quan đảm nhiệm chức vụ đứng đầu trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn, đại đoàn, sư đoàn (lữ đoàn), cấp quân đoàn, độ tuổi thấp nhất để nhậm chức trung bình là 3 năm (tức là dưới 3 tuổi theo quy định của độ tuổi cao nhất). Sĩ quan đảm nhiệm công tác trong cơ quan và trường học học viện, độ tuổi thấp nhất cũng trong giới hạn 3 năm.

Sĩ quan có tài đức ưu tú, thành tích nổi trội, công tác đặc biệt cần, có thể thăng cấp trước, đối với những cá nhân đặc biệt xuất sắc có thể thăng vượt cấp.

(4) Thời hạn nhậm chức cao nhất: Sĩ quan nhậm chức cấp sư đoàn, quân đoàn, đại quân khu; thời hạn cao nhất nhậm chức chính chức và phó chức bình thường là 10 năm. Nếu độ tuổi quá cao, chức hết thì có thể miễn nhiệm chức vụ tại ngũ.

** Đãi ngộ đối với sĩ quan*

(1) Sĩ quan được hưởng chế độ tiền lương và tăng lương định kỳ căn cứ trên chức vụ và quân hàm, lại được hưởng trợ cấp và phụ cấp.

(2) Sĩ quan được hưởng đãi ngộ chữa bệnh miễn phí và bảo hiểm quân nhân miễn phí.

(3) Chế độ bảo đảm về sự kết hợp hài hòa giữa nhà ở công vụ và nhà ở của bản thân.

(4) Người nhà của sĩ quan được hưởng sự ưu ái của xã hội và Nhà nước trong việc tòng quân, nhận chức, điều động công tác và nuôi dạy con cái.

* *Sĩ quan tại ngũ nghỉ hưu*

(1) Giới hạn số năm thấp nhất đối với sĩ quan tại ngũ trung bình là: cấp trung đội là 8 năm, cấp đại đội là 10 đến 12 năm; cấp tiểu đoàn là 14 đến 16 năm; cấp đoàn là 18 đến 20 năm. Giới hạn số năm thấp nhất đối với sĩ quan kỹ thuật chuyên nghiệp tại ngũ trung bình là: Chức vụ sơ cấp là 12 năm; trung cấp là 16 năm và cao cấp là 20 năm. Sĩ quan chưa đạt đến số năm thấp nhất phục vụ quân đội thì sẽ không được phục vụ nữa.

(2) Độ tuổi cao nhất của sĩ quan tại ngũ trung bình là: Chức chính đoàn là 50 tuổi, chức vụ cấp sư đoàn là 55 tuổi; chức vụ phó cấp quân đoàn là 58 tuổi; chức vụ chính cấp quân đoàn là 60 tuổi. Chức vụ khác thì giống với độ tuổi cao nhất của chức vụ và độ tuổi cao nhất của quân nhân tại ngũ. Sĩ quan tại ngũ đạt đến độ tuổi cao nhất trung bình đều cần phải tạm thôi tại ngũ. Nếu phù hợp với điều kiện dự bị thì sẽ phục quân sĩ quan dự bị.

(3) Sĩ quan đảm nhiệm chức vụ từ cấp trung đoàn trở xuống và chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp sơ cấp và trung cấp, sau khi hết tại ngũ sẽ được sắp xếp vị trí chuyên nghiệp hoặc vị trí khác; sĩ quan đảm nhiệm chức vụ từ cấp sư đoàn trở lên và chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp cao cấp, sau khi hết tại ngũ sẽ được nghỉ hưu, cũng có thể được sắp xếp cho một vị trí chuyên nghiệp hoặc vị trí tương ứng khác; sĩ quan tại ngũ đủ 30 năm trở lên hoặc đủ 50 tuổi trở lên nếu không được phê chuẩn thì chưa hết tại ngũ.

(4) Sĩ quan đảm nhiệm chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp sơ cấp chưa đủ 8 năm, sĩ quan cấp trung đội chưa đến độ tuổi cao nhất trong khi tại ngũ, sĩ quan từ cấp đại đội trở lên chưa đảm nhiệm chức vụ đủ số năm thấp nhất tại chức vụ đó, chưa được phê chuẩn thì vẫn chưa hết tại ngũ.

* *Thiết lập đẳng cấp quân hàm sĩ quan tại ngũ*

Quân hàm sĩ quan gồm có 10 cấp chia thành cấp tướng, cấp hiệu và cấp úy. Trong đó cấp tướng chia thành thượng tướng, trung tướng, thiếu tướng; cấp hiệu chia thành đại hiệu, thượng hiệu, trung hiệu và thiếu hiệu; cấp úy chia thành thượng úy, trung úy và thiếu úy. Sĩ quan không quân và hải quân, ở phía trước quân hàm có thêm chữ “không quân”, “hải quân”; sĩ quan kỹ thuật chuyên nghiệp ở trước quân hàm còn có thêm “kỹ thuật chuyên nghiệp”.

** Biên chế quân hàm căn cứ trên đẳng cấp chức vụ của sĩ quan*

Phó Chủ tịch quân ủy, Ủy viên, Bộ trưởng tham mưu, Chủ nhiệm Tổng bộ chính trị là thượng tướng; Chức chính đại quân khu là trung tướng, thượng tướng; Chức phó đại quân khu là thiếu tướng, trung tướng; Chức đứng đầu quân đoàn là thiếu tướng; chức phó quân đoàn là đại hiệu, thiếu tướng; Chức đứng đầu sư đoàn là đại hiệu, phó sư đoàn (chức chính lữ đoàn) là thượng hiệu, đại hiệu; chức đứng đầu trung đoàn, đại đoàn (chức phó lữ đoàn) là trung hiệu, thượng hiệu; Chức phó trung đoàn, đại đoàn là thiếu hiệu, trung hiệu; Chức đứng đầu tiểu đoàn là thiếu hiệu, trung hiệu; phó tiểu đoàn là thượng úy, thiếu hiệu; Chức đứng đầu đại đội là trung úy, thượng úy; phó đại đội là trung úy, thượng úy; trung đội là thiếu úy.

Chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp cao cấp là trung đến thiếu hiệu; Kỹ thuật chuyên nghiệp trung cấp là đại hiệu đến thượng úy; Kỹ thuật chuyên nghiệp sơ cấp là trung hiệu đến thiếu úy.

** Thời hạn nâng cấp quân hàm sĩ quan trung bình*

Thiếu úy lên trung úy là từ 2 đến 3 năm; trung úy nâng đến các cấp quân hàm cho đến đại hiệu là 4 năm; đại hiệu lên đến quân hàm cấp cao hơn thì cần phải qua tuyển chọn.

d. Chế độ tại ngũ của cán bộ dân sự

** Tính chất và phân loại của cán bộ dân sự*

Cán bộ dân sự trong quân đội Trung Quốc là được bổ nhiệm chức vụ từ sơ cấp cho đến chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp, không nhận chế độ quân hàm tại ngũ, là một bộ phận cấu thành đội ngũ cán bộ nhà nước. Cán bộ dân sự căn cứ vào tính chất công việc là cán bộ kỹ thuật chuyên nghiệp và cán bộ dân sự phi kỹ thuật chuyên nghiệp.

** Nguồn gốc và bồi dưỡng của cán bộ dân sự*

Cán bộ dân sự chủ yếu là học viên tốt nghiệp từ các trường đại học, học viện quân đội, học viên tốt nghiệp trường cao đẳng địa phương, sĩ quan tại ngũ, nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp địa phương cho đến những nhân viên lưu học nước ngoài về nước. Cán bộ dân sự thi hành chế độ bồi dưỡng học viên trong các trường đại học, học viện và để bạt cán bộ dân sự.

** Phạm vi biên chế của cán bộ dân sự*

Bộ phận cán bộ kỹ thuật chuyên nghiệp trong các đơn vị như nghiên cứu khoa học, công trình kỹ thuật, y liệu vệ sinh, giảng dạy, báo chí, xuất bản, sách vở, hồ sơ, tài liệu, văn hóa nghệ thuật, thể dục. Các đơn vị cơ quan, trường học, học viện, bệnh viện làm công tác hành chính, cán bộ bảo đảm phục vụ hành chính sự nghiệp.

* Cán bộ dân sự nghỉ hưu

(1) Cán bộ dân sự đạt đến độ tuổi cao nhất theo quy định tại ngũ hiện hành thì sẽ được cho nghỉ hưu.

Cán bộ dân sự kỹ thuật chuyên nghiệp độ tuổi cao nhất trong khi tại ngũ là: Đảm nhiệm chức vụ chuyên nghiệp sơ cấp là 45 tuổi, trung cấp là 55 tuổi (Trong đó làm việc liên quan đến văn nghệ, thể dục và công tác hộ lý là 50 tuổi), cao cấp là 60 tuổi (Trong đó công việc mà cần ít người có thể căn cứ tình hình mà kéo dài thêm thời gian).

Cán bộ dân sự phi kỹ thuật chuyên nghiệp độ tuổi cao nhất trong khi tại ngũ là: Đảm nhiệm cấp phòng trở xuống là 45 tuổi, cấp ban trở lên là 55 tuổi, cấp cục là 58 tuổi.

(2) Việc sắp xếp và quản lý cán bộ dân sự sau khi nghỉ hưu, chấp hành quy định có liên quan sĩ quan tại ngũ.

(3) Đảm nhiệm chức vụ kỹ thuật chuyên nghiệp và chức vụ từ cấp phòng trở xuống chưa đủ 10 năm, trung cấp và cấp ban chưa đủ 15 năm, cao cấp và chức vụ cấp cục chưa đủ 20 năm, nếu không có sự phê chuẩn của tổ chức thì không được rút khỏi tại ngũ.

Quân giải phóng diễn tập tác chiến phòng không trên biển



4. Chiến lược quốc phòng và chính sách quốc phòng

a. Chiến lược quốc phòng

Năm 1978 đến nay, cùng với việc thực thi chính sách cải cách mở cửa đất nước, chiến lược quốc phòng Trung Quốc có sự điều chỉnh rất lớn tương ứng với chính sách của đất nước. Trên nền tảng phân tích khoa học cục diện chiến lược quốc tế, nhận thức chiến tranh và vấn đề hòa bình, Chính phủ Trung Quốc xác định và đề xuất, thời kỳ trước mắt cũng như sau này, nhiệm vụ chủ yếu của Trung Quốc là tăng cường kiến thiết hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, thống nhất tổ quốc bao gồm cả Đài Loan, phản đối chủ nghĩa bá quyền, duy trì hòa bình thế giới. Kiến thiết quốc phòng, kiến thiết quân đội chỉ đạo tư tưởng vào vòng quỹ đạo kiến thiết trong thời kỳ hòa bình. Căn cứ vào tiến đề và cục diện phát triển kinh tế đất



Quân nhân Trung Quốc tham gia hành động duy trì hòa bình Liên Hợp Quốc

nước, có kế hoạch và trình tự thực hiện công cuộc hiện đại hóa quốc phòng, nâng cao tổ chức chính trị quân sự của quân đội, tăng cường năng lực tự vệ trước các điều kiện chiến tranh hiện đại, nỗ lực đánh thắng chiến tranh cục bộ với điều kiện khoa học kỹ thuật cao có thể xảy ra, giữ gìn sự tôn nghiêm của dân tộc Trung Hoa trong môi trường quốc tế hóa mở cửa ngày càng mạnh, thực hiện thống nhất hoàn toàn Trung Quốc, ngăn chặn chiến tranh thế giới, duy trì hòa bình thế giới, nâng cao hậu thuẫn vũ trang.

Thích ứng với sự chuyển biến chiến lược quốc phòng, kể từ khi cải cách mở cửa đến nay, Chính phủ Trung Quốc nghiêm khắc khống chế những phát sinh quốc phòng, hạn chế nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ quốc phòng, phí tổn dùng cho quốc phòng cũng được duy trì tương đối thấp. Trong khoảng 16 năm từ năm 1979 đến năm 1994, phí tiêu dùng cho quốc phòng bình quân hàng năm tăng trưởng 6,22%, so với tổng số giá trị bình quân hàng năm của toàn quốc là 7,3% thì trên thực tế phí tiêu dùng cho quốc phòng chỉ là 1,08%. Mười năm gần đây, điều kiện cuộc sống của quan binh được cải thiện, mức độ cuộc sống của nhân viên quân đội được bảo đảm, kinh tế xã hội phát triển và thu nhập bình quân trên đầu người được nâng cao nên phí tiêu dùng cho quốc phòng cũng được tăng lên. Năm 2007 là khoảng 355,39 tỷ nhân dân tệ, nhưng so với thời kỳ phí quốc phòng tăng trưởng thì vẫn còn thấp hơn nhiều so với sự tăng trưởng của thu nhập quốc dân. Từ năm 2003 đến năm 2007, quốc phòng Trung Quốc tăng trưởng bình quân là 15,8%, rõ ràng là thấp hơn tổng thu nhập quốc dân năm đó là 22,1%. Phí tiêu tốn cho quốc phòng chiếm tỉ lệ so với tổng thu nhập quốc dân như thế cũng dẫn



Quân giải phóng chỉ huy và giới thiệu tình hình diễn tập đối với các quan sát viên quân sự nước ngoài

dẫn được giảm xuống. Trong khoảng 13 năm từ năm 1995 đến năm 2007, từ 9,33% giảm xuống còn 7,2% và như thế còn nhiều hơn so với các quốc gia khác, Quốc phòng Trung Quốc xét về tổng thể chi ra tương đối thấp. Đồng thời, 20 năm gần đây, Trung Quốc còn tiến hành cắt giảm quân trang hai lần. Năm 1985, quyết định giảm 100 vạn ngạch sĩ quan quân đội, năm 1997 lại tiếp tục cắt giảm 50 vạn khiến số lượng quân đội Trung Quốc bắt đầu được khống chế trong phạm vi phòng ngự chiến lược, duy trì nhu cầu an toàn nhà nước.

Thực hiện chuyển biến chiến lược quốc phòng, phương hướng phát triển và trọng điểm công tác kiến thiết quân sự Trung Quốc cũng được điều chỉnh rất mạnh: (1) Chuyển biến chỗ đứng công tác chuẩn bị chiến tranh. Chú ý thực hiện nhu cầu cho chiến tranh trong tương lai, nâng cao kiến thiết cơ sở, dần nâng cao năng lực phản ứng nhanh và năng lực tác chiến trong điều kiện chiến tranh kỹ thuật cao. (2) Huấn luyện bộ đội một cách quy phạm, thay đổi mô thức “huấn luyện cấp tốc” trong quá khứ, lấy việc kết hợp huấn luyện tác chiến giữa các binh chủng làm trọng điểm, nỗ lực nâng cao huấn luyện “ba đánh ba phòng”, coi trọng việc bồi dưỡng huấn luyện nhân tài quân sự loại hình mới một cách chính quy và hệ thống làm mục tiêu, nâng cao toàn diện năng lực tác chiến chỉnh thể của quân đội trước điều kiện kỹ thuật cao hiện nay. (3) Nâng cao trình độ trang bị kỹ thuật. Kiên trì phát triển trang bị kỹ thuật theo nguyên tắc “nghiên cứu chế tạo trọng điểm, phát triển trọng điểm”, tất cả nhanh hay không, tất cả làm được tốt hay không và phát triển theo “mô thức vượt trội”. (4) Tăng cường xây dựng lực lượng hậu phương, xây dựng đối với dân binh thì giảm thiểu số lượng, hoàn thiện cơ chế, điều chỉnh tổ chức, nâng cao chất lượng, tạo nền tảng vững chắc.

b. Chính sách quốc phòng

Căn cứ vào quy định của hiến pháp và những luật có liên quan, Trung Quốc tuân thủ chính sách quốc phòng phòng ngự. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang Trung Quốc là củng cố quốc phòng, chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nhân dân và lao động

hòa bình, tham gia kiến thiết phát triển kinh tế đất nước. Không đi theo con đường hiếu chiến, vĩnh viễn không xưng bá, trở thành một Trung Quốc được thế giới thừa nhận là mẫu mực và trang nghiêm.

1. Duy trì chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an toàn đối với quốc gia. Sau chiến tranh Nha phiến năm 1840, Trung Quốc dần trở thành một xã hội nửa thực dân, nửa phong kiến, không ngừng bị các nước đế quốc xâm lược, áp bức. Dân tộc Trung Hoa trải qua một thời kỳ dài chiến đấu anh dũng để giành lại độc lập đất nước giải phóng dân tộc, và quyền lợi tự chủ độc lập quý báu không dễ gì có thể giành lại được. Cho nên Trung Quốc nỗ lực tránh và khống chế chiến tranh, nhưng cũng ngày ngày chuẩn bị mọi phương tiện về quân sự để bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an toàn đối với quốc gia.

2. Xoay quanh phát triển kinh tế đất nước làm trung tâm, độc lập tự chủ, xây dựng năng lực tự lực cánh sinh và củng cố quốc phòng. Trung Quốc là một quốc gia đang phát triển, dân số đông đúc, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nhiệm vụ căn bản của đất nước là tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, quân đội cùng tích cực tham gia và chi viện cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Xây dựng quốc phòng cần tuân theo và phục vụ đại cục phát triển kinh tế đất nước có sự phối hợp hài hòa và nhịp nhàng đối với phát triển kinh tế. Trung Quốc xác định dựa vào năng lực của bản thân mình để bảo đảm an toàn đất nước, kiên trì độc lập tự chủ tiến hành những quyết sách quốc phòng và chế định



Diễn tập chống
khủng bố

chiến lược quốc phòng, không cùng với bất kỳ quốc gia nào và tập đoàn liên minh quốc gia nào, không tham gia bất kỳ tập đoàn quân sự nào, tự lực cánh sinh xây dựng và phát triển công nghiệp khoa học kỹ thuật quốc phòng và phát triển trang bị vũ khí.

3. Hướng phát triển quân đội tinh nhuệ mang đặc sắc của Trung Quốc, tiến hành xây dựng quân đội nhân dân theo hướng cách mạng hóa, hiện đại hóa và chính quy hóa. Trong thời kỳ lịch sử mới, quân đội Trung Quốc tăng cường xây dựng toàn diện, giảm thiểu số lượng, nâng cao chất lượng, xây dựng quân đội theo hướng từ mở rộng quy mô về số lượng đến nâng cao hiệu quả chất lượng, chuyển biến từ tập trung vào sức người sang tập trung vào khoa học kỹ thuật hiện đại. Thích ứng với những biến đổi sâu sắc của lĩnh vực quân sự trên thế giới, cải cách và hoàn thiện biên chế thể chế quân đội, bồi dưỡng tổ chất nhân tài quân sự, tăng cường kiện toàn hiện đại hóa trang bị vũ trang, nâng cao toàn diện năng lực đấu tranh của quân đội.

4. Quán triệt phương châm chiến lược phòng ngự tích cực. Trong tiến trình lịch sử mấy nghìn năm, lòng yêu hòa bình, thận trọng với chiến tranh, chú trọng phòng ngự, kháng chiến chống sự xâm lược của nước ngoài, từ trước đến nay là quan niệm chủ chốt về Quốc phòng của dân tộc Trung Hoa. Quốc phòng Trung Quốc được xây dựng kiến thiết là để tự vệ, có một số lượng các loại vũ khí cơ bản cũng là phục vụ nhu cầu tự vệ. Quy mô của lực lượng vũ trang Trung Quốc cùng với nhu cầu bảo vệ lợi ích và an toàn đất nước có sự tương ứng, thích hợp. Trung Quốc không đi theo con đường hiếu chiến, phô trương năng lực quân sự, kiên trì chiến lược tư tưởng toàn dân tự vệ và chiến tranh nhân dân; kết hợp quân dân, thời bình và thời chiến; người không động đến ta, ta cũng không động đến người; tích cực phòng ngự; lùi một bước để tiến hai bước. Thời kỳ hòa bình cần tích cực nỗ lực khống chế chiến tranh, sau khi chiến tranh bùng phát, lập tức tập trung vũ lực trang bị tiến hành tác chiến, nỗ lực đánh thắng khoa học kỹ thuật hiện đại đặc biệt là chiến tranh trong điều kiện khoa học phát triển như hiện nay.

5. Duy trì hòa bình thế giới, phản đối chiến tranh xâm lược mở rộng. Trung Quốc muốn phát triển lâu dài cần một môi trường quốc tế hòa bình, đặc biệt là hoàn cảnh xung quanh tốt đẹp, thuận lợi. Trung Quốc chủ trương xuất phát từ lợi ích căn bản của nhân dân Trung Quốc và nhân dân thế giới mà xử lý những công việc có tầm cỡ quốc tế, dùng phương thức giải quyết hòa bình đối với những vấn đề tranh đoạt quốc tế và những tàn dư còn sót lại của lịch sử, căn cứ trên nguyên tắc công chính, hợp lý, toàn diện, cân bằng và hài hòa thi hành khống chế và cắt giảm quân bị. Trung Quốc từ trước đến nay không rời bỏ và luôn kiên trì năm nguyên tắc xử lý công bằng bình đẳng, không được phô trương thanh thế quân sự, không đặt cơ quan quân sự ở nước ngoài hay xây dựng căn cứ địa quân sự ở nước ngoài; phản đối chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, phản đối chính sách chiến tranh, chính sách xâm lược và chính sách khoa trương, phản đối bất kỳ quốc gia nào với bất kỳ hình thức nào dùng chế độ chính trị và hình thái ý thức của chính đất nước mình áp đặt lên các quốc gia khác; nỗ lực duy trì tính xã hội quốc tế, duy trì ổn định, an toàn, hòa bình khu vực và hòa bình thế giới.

CHẾ ĐỘ HỢP TÁC ĐA ĐẢNG VÀ HIỆP THƯƠNG CHÍNH TRỊ

Chế độ hợp tác đa đảng và Hiệp thương chính trị là một chế độ chính trị cơ bản của Trung Quốc. Về cơ bản nó khác với chế độ hai đảng hoặc đa đảng ở các nước phương Tây. Chế độ này lấy Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng phái dân chủ với phương châm cùng “Tồn tại trường kỳ, giám sát lẫn nhau, sống chết có nhau, vui buồn bên nhau”. Trong lịch sử, các đảng phái dân chủ, đoàn thể nhân dân và các nhân sĩ không đảng phái cùng nhau hợp tác chung sức với Đảng Cộng sản Trung Quốc, cùng nhau phấn đấu và có những cống hiến quan trọng trong việc thành lập nước Tân Trung Quốc⁽¹⁾. Sau khi Tân Trung Quốc được thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành đảng chấp chính, các đảng phái dân chủ, đoàn thể nhân dân cùng các nhân sĩ không thuộc đảng phái tích cực tham gia xây dựng chính quyền nhà nước, kết hợp lại với nhau và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Các đảng phái dân chủ, đoàn thể nhân dân, nhân sĩ không thuộc đảng nào, nhân sĩ dân tộc thiểu số, nhân sĩ yêu nước các giới bao gồm đồng bào Hồng Kông, Ma Cao và Kiều bào ở nước ngoài tạo thành một chiến tuyến yêu nước thống nhất rộng lớn. Đặc điểm cơ bản của chế độ hợp tác đa đảng và Hiệp thương chính trị là: Đảng Cộng sản Trung Quốc có vai trò lãnh đạo, các đảng phái dân chủ cùng ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; Các đảng phái dân chủ cùng với Đảng Cộng sản đồng lòng xây dựng đất nước; đại diện của các đảng phái dân chủ cùng tham gia vào công tác chính quyền nhà nước, cùng vạch ra quyết sách và hiệp thương những vấn đề quan trọng trong cuộc sống dân sinh và đường lối phương châm phát triển đất nước; Các đảng phái dân chủ cùng với Đảng Cộng sản đều lấy hiến pháp làm tiêu chuẩn căn bản, các hoạt động đều phải trong phạm vi của hiến pháp, nhận sự bảo hộ của hiến pháp và căn cứ vào hiến pháp để cùng nhau giám sát.



(1) Tân Trung Quốc: Là chỉ đất nước Trung Quốc kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1949 đến nay.

1. Chính đảng của Trung Quốc

a. Đảng chấp chính

Đảng Cộng sản Trung Quốc là chính đảng của Trung Quốc hiện nay, có vai trò lãnh đạo trong thể chế chính trị và các công việc của quốc gia, được thành lập vào ngày 1 tháng 7 năm 1921, đến nay đã có lịch sử hơn 80 năm. Từ năm 1921 đến năm 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành đấu tranh gian khổ để đánh đuổi sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu, thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Sau này, Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành Đảng chấp chính, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong toàn quốc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, khiến Trung Quốc có được những bước phát triển lớn chưa từng có trong lịch sử.

** Hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc*

Đảng Cộng sản Trung Quốc căn cứ vào điều lệ và cương lĩnh của chính mình, dựa trên chế độ tổ chức tập trung dân chủ tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Từ khi bắt đầu phát triển đến nay, đã có hơn 76 triệu đảng viên. Hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc chia thành Tổ chức trung ương, Tổ chức địa phương và Tổ chức cơ sở.

Tổ chức trung ương: Bao gồm Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ủy ban trung ương, Ủy ban kiểm tra kỷ

Ngày 15 tháng 10 năm 2007, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ 17 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khai mạc Đại hội nhân dân tại Bắc Kinh



luật trung ương, Ủy ban quân sự trung ương, Bộ chính trị trung ương, Ủy ban thường vụ chính trị trung ương, Ban bí thư trung ương. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Ủy ban trung ương do cơ quan này lập ra là cơ quan lãnh đạo tối cao. Đại hội đại biểu toàn quốc 5 năm tổ chức họp một lần, do Ủy ban trung ương triệu tập. Ủy ban trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng bầu ra, có nhiệm kỳ là 5 năm, mỗi năm ít nhất phải tổ chức một lần hội nghị toàn thể, trong thời gian diễn ra Đại hội đại biểu nhân dân thì tiến hành toàn bộ công việc dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác đối ngoại thì đại diện Đảng Cộng sản. Trong thời gian diễn ra Hội nghị toàn thể của Ủy ban trung ương, Bộ chính trị và Ủy ban thường vụ tiến hành theo đúng quyền hạn và chức năng của Ủy ban trung ương. Ban bí thư trung ương thuộc vào cơ cấu làm việc cho Bộ chính trị và Ủy ban thường vụ, Tổng Bí thư Ủy ban trung ương chủ trì công việc. Ủy ban kiểm tra kỷ luật và Ủy ban quân sự triển khai công việc dưới sự lãnh đạo của Ủy ban trung ương, phụ trách Đại hội đại biểu toàn quốc và Ủy ban trung ương.

Tổ chức địa phương: Bao gồm đại hội đại biểu, Ủy ban, Ủy ban thường vụ, Ủy ban kiểm tra kỷ luật của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố trực thuộc tỉnh, châu tự trị và huyện, huyện tự trị, quận, thị trấn. Đại hội đại biểu của Đảng ở địa phương các cấp 5 năm tổ chức một lần do Ủy ban của Đảng cùng cấp triệu tập. Ủy ban địa phương các cấp của Đảng mỗi năm ít nhất phải tổ chức hai lần hội nghị toàn thể. Trong thời gian diễn ra hội nghị Đại biểu nhân dân, Ủy ban địa phương các cấp của Đảng chấp hành chỉ thị của tổ chức đảng cấp trên và quyết định của Đại hội đại biểu đồng cấp, lãnh đạo công việc của địa phương, định kỳ báo cáo công việc của Ủy ban lên Đảng cấp trên. Ủy ban kiểm tra kỷ luật địa phương các cấp của Đảng triển khai công tác dưới sự lãnh đạo của cả Đảng ủy đồng cấp và Ủy ban kiểm tra kỷ luật cấp trên. Hội nghị toàn thể của ủy ban địa phương các cấp sẽ bầu ra bí thư, phó bí thư của Ủy ban thường vụ và báo cáo lên đảng cấp trên để phê chuẩn, do người đứng đầu chủ trì các công việc thường ngày.

Tổ chức cơ sở: Bao gồm xí nghiệp, nông thôn, cơ quan, trường học, sở viện nghiên cứu, khu phố, quân đội nhân dân và các đơn vị cơ sở khác, phạm vi chính thức từ ba đảng viên trở lên đều có thể thành lập một tổ chức cơ sở của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Căn cứ vào nhu cầu của công việc và số lượng đảng viên, được sự phê chuẩn của Tổ chức Đảng cấp trên, Tổ chức cơ sở của Đảng chia thành Ủy ban cơ sở, Ủy ban tổng chi bộ, Ủy ban chi bộ của Đảng do Đại hội đảng viên hoặc Đại hội đại biểu thành lập. Ủy ban cơ sở, Ủy ban tổng chi bộ, Ủy ban chi bộ của Đảng bầu ra bí thư, phó bí thư và cần phải được sự phê chuẩn của tổ chức Đảng cấp trên. Ủy ban cơ sở của Đảng mỗi nhiệm kỳ là từ 3 đến 5 năm, nhiệm kỳ của Ủy ban tổng chi bộ và Ủy ban chi bộ là từ 2 đến 3 năm.

** Phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.*

Địa vị lãnh đạo và chấp chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với các công việc trọng đại của Nhà nước chủ yếu thông qua lãnh đạo toàn bộ đất nước tiến hành đúng

các nguyên tắc chính trị, phương hướng chính trị, quyết sách quan trọng và hướng thực hiện đến toàn bộ các cán bộ công tác trong các cơ quan hành chính nhà nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc căn cứ vào nhiệm vụ của một thời kỳ lịch sử nhất định mà chế định ra những nguyên tắc căn bản, căn cứ vào nguyên tắc chính trị đó, xác định mục tiêu phấn đấu trong từng giai đoạn lịch sử nhất định; đồng thời đề ra những chính sách quan trọng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, pháp luật, xã hội, tư tưởng, văn hóa, giáo dục...

Tính chất của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Cơ quan chính quyền nhà nước là không giống nhau, chức năng khác nhau, hình thức tổ chức và cách thức làm việc cũng khác nhau. Để Đảng Cộng sản Trung Quốc thuận lợi thực hiện việc lãnh đạo đối với các công việc quốc gia, Trung Quốc từng bước phân chia chức năng của tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc và cơ quan chính quyền quốc gia hợp lý, tách biệt nhau nhưng vẫn có sự gắn kết, khiến mối quan hệ giữa tổ chức Đảng và đại hội đại biểu nhân dân, chính quyền, cơ quan tư pháp, đoàn thể quần chúng, đơn vị xí nghiệp đến các tổ chức xã hội được hài hòa, hợp lý, quyền hạn và chức năng được chia phù hợp với từng cơ quan, dần dần chính quyền được thể chế hóa. Đảng Cộng sản Trung Quốc là Đảng chấp chính, có vai trò lãnh đạo toàn bộ các hoạt động của Nhà nước. Nhưng tổ chức Đảng các cấp lại không đảm nhiệm vai trò này, thay thế xử lý công việc của cơ quan chính quyền nhà nước, không trực tiếp ra lệnh, chỉ thị đối với cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp. Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với phương thức lãnh đạo của cơ quan chính quyền nhà nước chủ yếu là khiến chủ trương của Đảng sau khi qua trình tự pháp luật đã quy định sẽ trở thành ý chí của quốc gia, khiến các ứng cử viên được tổ chức Đảng đề cử sau khi đã qua trình tự pháp luật (bầu cử hoặc quyết định bổ nhiệm) sẽ trở thành những nhân viên lãnh đạo của cơ quan chính quyền nhà nước, thông qua tác dụng và mô phạm của đảng viên và hoạt động của tổ chức Đảng, động viên các cơ quan nhà nước, quảng đại quần chúng nhân dân, triệt để chấp hành đường lối phương châm, chính sách của Đảng, thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với các công việc của quốc gia.

b. Đảng tham chính

Trung Quốc là một quốc gia nhiều đảng phái. Ngoài Đảng Cộng sản còn có tám đảng phái dân chủ cũng tham gia vào chính quyền nhà nước, bao gồm: Ủy ban Cách mạng Quốc dân Đảng Trung Quốc,

Đồng minh dân chủ Trung Quốc, Hội kiến quốc dân chủ Trung Quốc, Hội xúc tiến dân chủ Trung Quốc, Đảng dân chủ nông công Trung Quốc, Đảng trí công Trung Quốc, Học xã Cửu Tam, Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan. Những đảng phái dân chủ này bản thân đã là một tổ chức chính trị, là một bộ phận có liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, Đảng tham chính cùng với Đảng cộng sản dốc sức vào sự nghiệp chủ nghĩa xã hội.

** Ủy ban Cách mạng Quốc dân Đảng Trung Quốc*

Ủy ban Cách mạng Quốc dân Đảng Trung Quốc gọi tắt là “Dân cách”, do phái dân chủ Quốc dân Đảng Trung Quốc và các nhân sĩ dân chủ yêu nước khác sáng lập; được chính thức thành lập tại Hồng Kông vào tháng 1 năm 1948. Năm 1945, sau khi Trung Quốc giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh kháng Nhật, Hội liên hiệp đồng chí chủ nghĩa Tam dân, Hội xúc tiến dân chủ Quốc dân Đảng Trung Quốc và Quốc dân Đảng, cùng với Liên hiệp các phần tử dân chủ yêu nước cấu thành nên Ủy ban Cách mạng Quốc dân Đảng Trung Quốc. Tháng 9 năm 1949, Dân cách hưởng ứng Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập hội nghị hiệp thương chính trị, kêu gọi thành lập chính quyền liên hiệp cách mạng dân chủ, phái đoàn đại biểu tham gia hội nghị toàn thể lần thứ nhất của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc.

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Dân cách tuyên cáo dùng cương lĩnh của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc làm cương lĩnh chính trị của mình, chế định đường lối chính trị và tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, phục vụ chủ nghĩa xã hội, có nhiều lãnh đạo tham gia công tác chính phủ trung ương. Dân cách phát triển đảng viên lấy các nhân sĩ cùng liên quan trong Quốc dân Đảng, cùng các nhân sĩ Dân cách có mối liên hệ với xã hội và lịch sử, cùng nhân sĩ có liên hệ với các giới tại Đài Loan và các nhân sĩ khác, tiếp thu những phần tử tri thức cấp cao và nhân sĩ ở cấp trung thượng tầng tiêu biểu. Dân cách hiện có hơn 8 vạn đảng

Một vài lãnh đạo Trung ương trong phái Đảng dân chủ tiến hành tham chính nghị chính trả lời những câu hỏi của phóng viên



viên, chủ yếu được phân bổ trong giáo dục, khoa học kỹ thuật, y dược, vệ sinh, kinh tế, văn hóa nghệ thuật, báo chí xuất bản, cơ quan chính phủ.

** Đồng minh dân chủ Trung Quốc*

Đồng minh dân chủ Trung Quốc gọi tắt là "Dân minh", các thành viên chủ yếu là từ các thành phần tri thức trung cấp và cao cấp, công tác trong lĩnh vực văn hóa giáo dục và khoa học kỹ thuật. Năm 1941, tổ chức được thành lập tại Trùng Khánh và lấy tên là Đồng minh Chính đoàn dân chủ Trung Quốc, năm 1944 đổi tên thành Đồng minh dân chủ Trung Quốc. Tháng 9 năm 1949, Đại biểu phái Dân minh tham gia hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc.

Sau khi Trung Quốc được thành lập, Dân minh cũng tuân theo cương lĩnh của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc tham gia quản lý công việc của Nhà nước, giám sát dân chủ và hiệp thương chính trị, tham gia cải cách các hạng mục dân chủ. Dân minh hiện tại có hơn 18 vạn thành viên, chủ yếu là nhân sĩ trong các giới giáo dục, văn hóa nghệ thuật và khoa học kỹ thuật.

** Hội kiến quốc dân chủ Trung Quốc*

Hội kiến quốc dân chủ Trung Quốc gọi tắt là "Dân kiến", là chính đảng do chủ yếu là nhân sĩ giới kinh tế cấu thành, tháng 12 năm 1945 được thành lập tại Trùng Khánh. Thành viên chủ yếu là các nhà quản lý xí nghiệp công thương nghiệp dân tộc và các phần tử tri thức. Tháng 9 năm 1949, các đại biểu của Dân kiến đại diện tham dự Hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc và cùng tham gia kiến lập chính quyền nhà nước.

Kể từ khi nước Trung Quốc được thành lập đến nay, tổ chức Dân kiến đã được thành lập tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và một vài thành phố lớn, hiện có khoảng 10 vạn thành viên, trong đó đại đa số là nhân sĩ đại biểu giới kinh tế và các phương diện khác.

** Hội xúc tiến dân chủ Trung Quốc*

Hội xúc tiến dân chủ Trung Quốc gọi tắt là "Dân tiến", là chính đảng có các phần tử tri thức trung cấp, cao cấp công tác trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xuất bản là thành viên chủ yếu, được thành lập tại Thượng Hải vào tháng 12 năm 1945. Tháng 9 năm 1949, đại biểu Dân tiến tham dự Hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc. Sau khi nước Trung Quốc được thành lập, Dân tiến dùng hiến pháp làm tiêu chuẩn, lãnh đạo toàn thể động viên, tích cực tham gia các hoạt động chính trị nhà nước, vì công tác phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục.

Hội xúc tiến dân chủ Trung Quốc hiện có hơn 10 vạn hội viên, chủ yếu công tác trong lĩnh vực giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa, xuất bản và y học vệ sinh.

** Đảng dân chủ nông công Trung Quốc*

Đảng dân chủ công nông Trung Quốc gọi tắt là “Đảng Nông công”, là chính đảng có các thành viên chủ yếu là các phần tử trung cấp, cao cấp trong giới y dược vệ sinh, thành lập vào tháng 8 năm 1930, tên lúc đó là Ủy ban hành động lâm thời Quốc dân Đảng Trung Quốc. Tháng 11 năm 1935, đổi tên thành Ủy ban hành động giải phóng dân tộc Trung Hoa. Tháng 2 năm 1947, lại đổi tên thành Đảng dân chủ nông công Trung Quốc. Tháng 9 năm 1949, Đảng Nông công tham gia Hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc, cùng kiến lập chính quyền quốc gia.

Sau khi nước Trung Quốc được thành lập, Đảng Nông công phát huy tác dụng đảng tham chính, tích cực tham gia xây dựng và phát triển kinh tế đất nước, cải cách y dược vệ sinh, chấn hưng sự nghiệp trung y dược và hoạt động chính trị đất nước. Đảng Nông công hiện có hơn 9 vạn đảng viên, chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực y dược vệ sinh, văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật.

** Đảng trí công Trung Quốc*

Thành viên chủ yếu của Đảng trí công Trung Quốc là nhân sĩ tầng lớp trung cấp trở lên thuộc Hoa kiều về nước, được bắt nguồn từ Tổng trí công châu Mỹ xã đoàn Hoa kiều, được thành lập vào năm 1925 tại San Francisco (Mỹ). Trong thời gian dài đến nay, Đảng trí công luôn bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hoa kiều và phấn đấu góp sức vào sự nghiệp phát triển đất nước. Trong chiến tranh thế giới chống chủ nghĩa phát xít, luôn tích cực chi viện cho tổ quốc trong cuộc đấu tranh chống Nhật. Tháng 5 năm 1947, Đảng trí công tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ ba tại Hồng Kông tiến hành cải tổ tổ chức. Tháng 9 năm 1949, tham gia Hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc.

Sau khi đất nước Trung Quốc được thành lập, Tổng bộ Đảng trí công do hải ngoại đưa vào trong nước, từ đó cùng đi chung trên một con đường, cùng nhau phấn đấu, hợp tác chân thành với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đảng trí công hiện có hơn 2 vạn đảng viên, chủ yếu là những Hoa kiều về nước, những Hoa kiều ở nước ngoài, những người thuộc thành phần Hoa kiều của các tỉnh, khu, thành phố tại các tỉnh như Quảng Đông, Phúc Kiến, Quảng Tây, Thượng Hải, Bắc Kinh... cấu thành, được tập trung trong các lĩnh vực chủ yếu là giáo dục, khoa học kỹ thuật, y học, kinh tế, văn nghệ, công việc liên quan đến kiều bào nước ngoài. Trở thành chính đảng Bộ kiều, trực tiếp tham gia lãnh đạo tổ chức các phương diện công việc của Hoa kiều, là một đặc điểm quan trọng nhất của Đảng trí công.

** Học xã Cửu Tam*

Học xã Cửu Tam là chính đảng tập trung chủ yếu các thành viên thuộc phần tử trí thức trung và cao cấp trong giới khoa học kỹ thuật, tiền thân của nó là Hội tọa đàm khoa

học dân chủ, được thành lập cuối năm 1944. Để kỷ niệm thắng lợi trong chiến tranh kháng Nhật của Trung Quốc và thế giới chống chủ nghĩa phát xít tổ chức, Hội đã đổi tên thành Học xã Cửu Tam, chính thức được thành lập vào tháng 5 năm 1946. Tháng 9 năm 1949, các đại biểu của Học xã Cửu Tam đại diện tham dự Hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc và cùng tham gia kiến lập chính quyền nhà nước.

Sau khi Trung Quốc được thành lập, Học xã Cửu Tam đã cùng tham gia hiệp thương những vấn đề trọng đại trong hoạt động chính trị của Nhà nước, có những cống hiến tích cực cho sự phát triển sự nghiệp khoa học kỹ thuật, giáo dục và y tế an sinh của đất nước. Học xã Cửu Tam hiện có hơn 10 vạn xã viên, chủ yếu được phân bố trong các giới giáo dục đại học cao đẳng, nghiên cứu khoa học, y dược vệ sinh, công trình khoa học kỹ thuật.

** Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan*

Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan gọi tắt là "Đài minh", là liên minh chính trị do những nhân sĩ là người lao động xã hội chủ nghĩa tại tỉnh Đài Loan cấu thành và được sự tán thành của những người yêu nước xã hội chủ nghĩa. Đài minh được thành lập vào tháng 11 năm 1947 tại Hồng Kông. Tháng 9 năm 1949, các đại biểu của Đài minh đại diện tham dự Hội nghị toàn thể lần thứ nhất Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc và cùng tham gia kiến lập chính quyền nhà nước.

Sau khi Trung Quốc được thành lập, Đài minh tham gia vào hiệp thương những phương châm lớn của đất nước, nghiêm túc thi hành chức năng giám sát dân chủ và tham chính nghị chính, tham gia vào các phương diện như phát triển sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc của Trung Quốc đến việc xúc tiến mối quan hệ với các nước khác, đẩy mạnh sự thống nhất tổ quốc trong tiến trình lịch sử, đảm nhiệm công việc rất nặng nề. Đài minh có thiết lập các Ủy ban tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương có đồng bào Đài Loan tập trung sinh sống, thành viên có khoảng hơn 2.000 người, chủ yếu tập trung trong các ngành nghề như giáo dục, khoa học kỹ thuật, y học, kinh tế, văn nghệ, báo chí xuất bản. Gần một phần ba thành viên Đài minh đảm nhiệm các chức vụ Đại biểu nhân dân các cấp và Ủy viên hiệp thương chính trị, cũng có một vài thành viên của Đài minh đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo trong các bộ ngành của chính phủ.

c. Đoàn thể nhân dân

Đoàn thể nhân dân là cây cầu nối liên quan hệ giữa quần chúng nhân dân với Đảng Cộng sản Trung Quốc, là một nhánh cấu thành chính quyền nhà nước Trung Quốc hiện nay. Đoàn thể nhân dân Trung Quốc có rất nhiều nhưng có ba đoàn thể lớn nhất là Tổng công đoàn toàn quốc Trung Hoa, Hội liên hiệp Thanh niên toàn quốc Trung Hoa (Đoàn thanh niên cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc), Hội liên hiệp Phụ nữ toàn quốc Trung Hoa. Ngoài ra, còn có Hội liên hiệp Công thương nghiệp toàn quốc Trung Hoa, Hiệp hội Khoa học kỹ thuật Trung Quốc, Hiệp hội người làm công tác báo chí toàn quốc Trung Hoa, Hội

luật gia Trung Quốc, Hội chữ thập đỏ Trung Quốc, Hội liên hiệp người tàn tật Trung Quốc, Hội ái hữu đồng bào Đài Loan toàn quốc Trung Hoa, Hội liên hiệp Hoa kiều về nước Toàn quốc Trung Hoa...

** Tổng công đoàn toàn quốc Trung Hoa*

Tổng công đoàn toàn quốc Trung Hoa gọi tắt là "Toàn tổng", là đoàn thể nhân dân bao gồm những công chức Trung Quốc tự nguyện tự hợp lại với nhau, là cơ quan lãnh đạo và cơ quan đại diện tối cao của Công đoàn các cấp. Tiền thân của Toàn tổng là Ban thư ký tổ chức lao động Trung Quốc do Đảng Cộng sản thành lập vào năm 1921, chính thức được thành lập tại Quảng Châu vào tháng 5 năm 1925. Năm 1949 sau khi Tân Trung Quốc được thành lập, Toàn tổng trở thành một nhánh xã hội quan trọng trong chính quyền nhà nước.

Căn cứ vào Luật công đoàn và quy định trong chương trình của Công đoàn Trung Quốc, hệ thống tổ chức của Công đoàn Trung Quốc chia thành 5 tầng bậc: Tổng công đoàn toàn quốc, Công đoàn xí nghiệp toàn quốc, Tổng công đoàn địa phương, Công đoàn xí nghiệp địa phương, Tổ chức công đoàn cơ sở. Chức năng chủ yếu là duy trì và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp và quyền dân chủ của công chức; động viên và tổ chức cho công chức tích cực tham gia xây dựng và



Trung tâm giúp đỡ công chức gặp khó khăn do Tổng công đoàn thành lập tại thành phố Trường Xuân tỉnh Cát Lâm



Tổ chức công đoàn phát những tài liệu về luật công đoàn và những quyết định có liên quan cho toàn bộ quần chúng nhân dân

cải cách; hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế và xã hội; đại diện cùng tham gia quản lý tổ chức công chức và công việc trọng đại của xã hội, nhà nước, tham gia quản lý dân chủ cùng với các cơ quan, xí nghiệp, sự nghiệp, đối với xí nghiệp sản xuất kinh doanh và các hạng mục quản lý cần thi hành giám sát; điều tiết mối quan hệ giữa quần chúng công nhân, đến mâu thuẫn giữa lãnh đạo và quần chúng công nhân, duy trì mối liên hệ giữa Đảng và chính phủ với quần chúng công nhân.

Tổng công đoàn toàn quốc Trung Hoa 5 năm triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc một lần, thảo luận quyết định phương châm nhiệm vụ trong thời gian định kỳ của Công đoàn Trung Quốc, rồi tiến hành bầu ra Ủy ban chấp hành. Ủy ban chấp hành bầu ra đoàn chủ tịch, đoàn chủ tịch lại thành lập ban thư ký, do đoàn chủ tịch tiến cử một hoặc một vài thư ký. Ban thư ký dưới sự lãnh đạo của đoàn chủ tịch, chủ trì công tác thường ngày của Tổng công đoàn toàn quốc Trung Hoa, dựa theo pháp luật và chương trình hoạt động, tổ chức và chỉ đạo công đoàn các cấp thi hành chức năng xã hội như duy trì, kiến thiết, tham dự, giáo dục của công đoàn, triển khai các hạng mục công tác nghiệp vụ của công đoàn.

** Hội liên hiệp Thanh niên toàn quốc Trung Hoa*

Hội liên hiệp thanh niên toàn quốc Trung Hoa gọi tắt là “Liên thanh toàn quốc”, được thành lập vào ngày 4 tháng 5 năm 1949, là tổ chức liên hiệp lấy Đoàn thanh niên cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc làm sức mạnh cơ bản của các đoàn thể thanh niên, là một tổ chức chiến tuyến yêu nước thống nhất rộng rãi của thanh niên các giới các dân tộc.

Liên thanh toàn quốc thi hành chế độ đoàn thể hội viên, hiện có 48 đoàn thể hội viên, trong đó đoàn thể hội viên có tính toàn quốc thì có 12, như Trung ương đoàn Cộng thanh, Hội liên hiệp học sinh toàn quốc Trung Hoa, Hiệp hội toàn quốc Hội thanh niên Cơ Đốc giáo Trung Hoa, Hiệp hội xí nghiệp gia thanh niên Trung Quốc...

Đoàn thanh niên cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc gọi tắt là Đoàn Cộng thanh, được thành lập vào tháng 5 năm 1922 tại Quảng Châu, vốn là Đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa Trung Quốc. Tháng 11 năm 1936, trước nhu cầu đoàn kết rộng rãi quảng đại thanh thiếu niên đồng lòng nhất trí đấu tranh kháng Nhật, Đoàn Cộng thanh trở thành Đội tiên phong giải phóng dân tộc Trung Hoa, Đội thanh niên tiên phong kháng Nhật. Sau khi chiến tranh kháng Nhật giành thắng lợi, trên nền tảng của đội Tiên phong giải phóng dân tộc Trung Hoa và Đội thanh niên tiên phong kháng Nhật, cấu thành Đoàn thanh niên chủ nghĩa dân chủ Tân Trung Quốc. Tháng 5 năm 1957, Đoàn thanh niên chủ nghĩa dân chủ Tân Trung Quốc đổi tên thành Đoàn thanh niên cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc. Chức năng chủ yếu của Đoàn Cộng thanh là: Đoàn kết, giáo dục, dẫn dắt thanh niên để thực hiện theo con đường cơ bản của Đảng Cộng sản Trung Quốc, phát huy tinh thần trợ thủ đắc lực của đảng và tác dụng hậu bị cho quân đội, thể hiện và duy trì quyền, lợi ích cụ thể của thanh niên, toàn tâm toàn ý phục vụ thanh niên.

Cơ quan lãnh đạo toàn quốc của Đoàn Cộng thanh là Đại hội đại biểu toàn quốc và Ủy ban trung ương thành lập ra nó. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đoàn 5 năm tổ chức đại hội một lần, do Ủy ban trung ương triệu tập. Đại hội đại biểu toàn quốc sẽ bầu ra Ủy ban trung ương, Hội nghị toàn thể Ủy ban trung ương của Đoàn mỗi năm được cử hành một lần, do Ủy ban thường vụ cử ra một hoặc một vài thư ký. Trong thời gian diễn ra Hội nghị toàn thể Ủy ban trung ương và Ủy ban thường vụ, Ban thư ký sử dụng quyền hạn của Ủy ban trung ương. Tổ chức cơ sở của Đoàn chia thành ba tầng là Ủy ban cơ sở, Ủy ban tổng chi bộ và Ủy ban chi bộ.



Kế hoạch hoạt động phục vụ công ích thành phố của sinh viên tình nguyện do tổ chức Đoàn Cộng thanh phát động

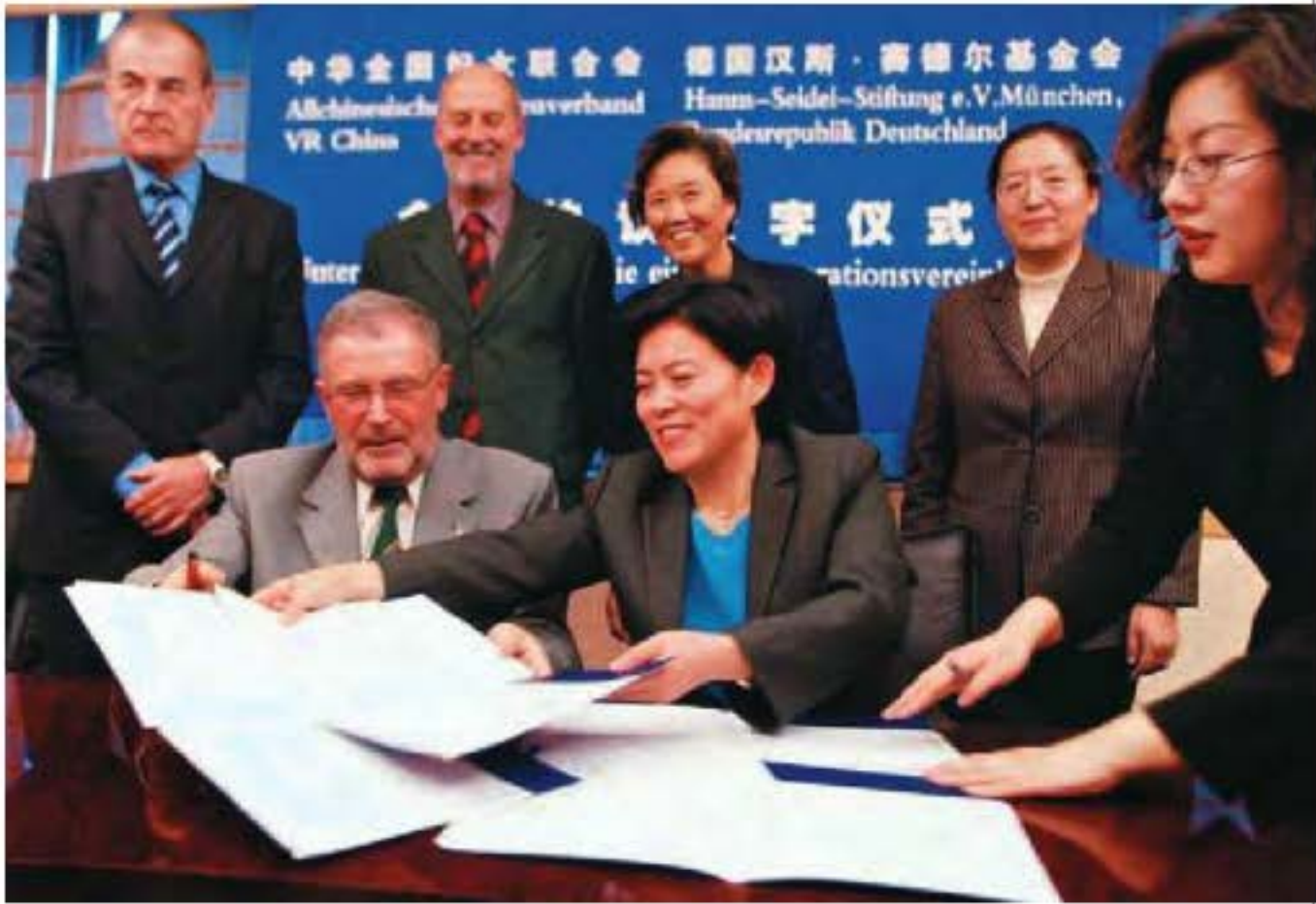
Tổ chức chủ yếu thuộc vào Đoàn Cộng thanh còn có Hội liên hiệp học sinh toàn quốc Trung Hoa, Đội thiếu niên tiên phong Trung Quốc. Hội liên hiệp học sinh toàn quốc Trung Hoa là tổ chức kết hợp hội học sinh trung cấp, cao đẳng và đại học trong toàn quốc, là tổ chức quần chúng lớn của toàn bộ học sinh trong cả nước; Đội thiếu niên tiên phong Trung Quốc là tổ chức quần chúng thiếu niên nhi đồng Trung Quốc. Các tổ chức trên đều chịu sự lãnh đạo của Đoàn Cộng thanh.

** Hội liên hiệp Phụ nữ toàn quốc Trung Hoa*

Hội liên hiệp Phụ nữ toàn quốc Trung Hoa gọi tắt là “Liên phụ toàn quốc”, là tổ chức quần chúng tập hợp toàn bộ nữ công chức các dân tộc, nữ nông dân, phần tử nữ tri thức và nữ lao động trong các lĩnh vực khác nhau. Chức năng cơ bản là đoàn kết, vận động đông đảo chị em phụ nữ tham dự vào công cuộc kiến thiết đất nước và phát triển kinh tế, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích của phụ nữ, xúc tiến nam nữ bình đẳng.

Liên phụ toàn quốc vốn có tên là Hội liên hiệp Phụ nữ dân chủ toàn quốc Trung Hoa, được thành lập vào tháng 3 năm 1949, đến tháng 9 năm 1947 đổi tên thành Hội liên hiệp Phụ nữ Trung Quốc, tháng 9 năm 1978 đổi tên thành Hội liên hiệp Phụ nữ toàn quốc Trung Hoa. Trong thời kỳ lịch sử mới, nhiệm vụ cơ bản của tổ chức Liên phụ là: Đoàn kết, vận động phụ nữ các dân tộc của Trung Quốc

Liên phụ toàn quốc và một tổ chức của nước Đức cùng ký hợp tác triển khai mối quan hệ trên các phương diện như bồi dưỡng nghề nghiệp, tiểu ngạch ngân hàng. Bức tranh là buổi lễ ký kết các hạng mục thỏa thuận hợp tác.



dấn thân vào cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, xúc tiến phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, giáo dục, dẫn lối cho quảng đại chị em phụ nữ, tăng cường tinh thần tự tôn, tự tin, tự lập, tự cường, nâng cao tố chất một cách toàn diện, đại diện phụ nữ tham dự quản lý dân chủ, giám sát dân chủ đất nước và công việc của xã hội, duy trì quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và nhi đồng, để phục vụ lợi ích của phụ nữ và trẻ em.

Liên phụ toàn quốc thi hành chế độ tổ chức có sự kết hợp giữa tổ chức địa phương và các đoàn thể hội viên. Cơ quan lãnh đạo toàn quốc và địa phương các cấp của tổ chức này do đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc và địa phương các cấp bầu cử ra. Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc là cơ quan quyền lực tối cao của Liên phụ toàn quốc. Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc được tổ chức 5 năm một lần, bầu ra Ủy ban chấp hành Liên phụ toàn quốc. Hội nghị toàn thể của Ủy ban chấp hành mỗi năm được tổ chức một lần, bầu ra một người làm chủ tịch, cùng một vài phó chủ tịch, mấy người làm Ủy ban thường vụ, cấu thành nên Ủy ban thường vụ. Ủy ban thường vụ là cơ quan lãnh đạo trong thời gian diễn ra hội nghị của Ủy ban chấp hành, thường nửa năm triệu tập hội nghị một lần. Ủy ban thường vụ lập ra Ban thư ký, do Ủy ban thường vụ tiến cử một thư ký chính, một thư ký và một vài ủy viên cấu thành, chủ trì công tác thường ngày của Liên phụ toàn quốc.

** Hội liên hiệp Công thương nghiệp toàn quốc Trung Hoa*

Hội liên hiệp công thương nghiệp toàn quốc Trung Hoa gọi tắt là “Liên công thương toàn quốc”, bao gồm những thành viên làm

trong công thương nghiệp thuộc các đoàn thể xã hội cấu thành, là đoàn thể nhân dân và thương hội dân gian của tổ chức giới Công thương Trung Quốc.

Liên công thương toàn quốc được thành lập vào tháng 10 năm 1953. Chức năng chủ yếu là: Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, phản ánh ý kiến, yêu cầu và kiến nghị của hội viên, tham dự quản lý vào những công việc của đất nước, tham dự hiệp thương những chính sách quan trọng về kinh tế xã hội của đất nước để cung cấp những thông tin, quản lý, pháp luật, kế hoạch, thẩm tra, huy động vốn, tư vấn cho các hội viên để hội viên và các xí nghiệp có sự điều tiết kinh tế cho phù hợp, nhận sự ủy thác của các bộ ngành có liên quan và của chính phủ.

Cơ quan lãnh đạo tối cao của Liên công thương toàn quốc là Đại hội đại biểu Ủy viên toàn quốc. Liên công thương căn cứ vào hoạch định hành chính nhà nước mà lập ra các tổ chức địa phương; các vùng cũng tự phân chia ra các tổ chức cơ sở như phân hội hương, trấn, công hội cùng ngành. Hội viên của Liên công thương là hội viên xí nghiệp, hội viên đoàn thể và hội viên cá nhân. Đại hội đại biểu hội viên toàn quốc sẽ bầu ra Ủy ban chấp hành Liên công thương toàn quốc, lãnh đạo công việc của Liên công thương toàn quốc. Ủy ban chấp hành bầu ra Chủ tịch và một vài người là Phó Chủ tịch, Tổng Bí thư và một vài người là Ủy viên thường vụ, cấu thành nên Ủy ban thường vụ, dưới đó là thành lập Cục hội vụ phụ trách xử lý các công việc thường ngày của Liên công thương toàn quốc.

2. Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân

Trong chế độ chính trị hiện hành của Trung Quốc, Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc là hình thức tổ chức chủ yếu của chế độ hợp tác đa đảng và Hiệp thương chính trị. Khi đất nước tiến hành thi hành và lựa chọn những quyết sách quan trọng hoạch định vấn đề dân sinh xã hội thì Đảng Cộng sản Trung Quốc là đảng chấp chính trước tiên cần tiến hành hiệp thương, lấy ý kiến của các dân tộc, các giai tầng, các đảng phái, các đoàn thể nhân dân và những nhân sĩ không thuộc đảng phái nào, thông qua các hình thức như Hội nghị hiệp thương, các buổi tọa đàm, thông báo để thống nhất chung về nhận thức, sau đó mới hình thành nên quyết định. Trải qua thực tiễn nhiều năm, nội dung và trình tự của hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị dần dần được thể chế hóa, quy phạm hóa, trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong hoạt động chính trị mang tính thường niên của Nhà nước.

a. Tổ chức Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân

Căn cứ vào hiến pháp và chương trình làm việc của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc, Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc và 8 đảng phái dân chủ khác, cùng các nhân sĩ dân chủ không thuộc đảng phái nào, đoàn thể nhân dân các dân tộc, đại diện các giới, đồng bào Đài

Loan, đồng bào Hồng Kông, đồng bào Ma Cao, những đại biểu Hoa kiều về nước và các khách mời đặc biệt cùng phối hợp tổ chức.

Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc được tiến hành trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Tháng 9 năm 1949, Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc cử hành hội nghị toàn thể khóa I, đại diện thi hành quyền hạn của cơ quan quyền lực tối cao nhà nước tuyên bố thành lập Tân Trung Quốc, thông qua cương lĩnh chung và hệ thống pháp luật thống nhất có tính hiến pháp lâm thời lúc đó, bầu ra Chính phủ trung ương và Ủy ban toàn quốc Chính hiệp khóa I. Thời kỳ đầu mới thành lập nước, Chính hiệp đại diện thi hành quyền hạn và chức năng của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Năm 1954, sau khi Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ra đời, Chính hiệp trở thành một tổ chức chiến tuyến yêu nước thống nhất rộng rãi nhất tại Trung Quốc vẫn tiếp tục được tồn tại, có vai trò quan trọng trong việc phát huy chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội đến quan hệ ngoại giao của đất nước. Đây là cơ quan quan trọng trong chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, là hình thức quan trọng trong hoạt động chính trị xã hội của Trung Quốc nhằm phát dương tính dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hội trường Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân toàn quốc khóa XI

Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc chia thành Ủy ban toàn quốc, Ủy ban địa phương cấp tỉnh (Khu tự trị, thành phố



Ủy viên cấu thành Chính hiệp toàn quốc khóa XI
(Tổng cộng 2237 người)

Ủy viên	Số người	Tỉ lệ (%)	Ủy viên	Số người	Tỉ lệ (%)
Ủy viên không phải trong Đảng Cộng sản	1345	60.1	Ủy viên thuộc Đảng Cộng sản	1345	60.1
Ủy viên tân nhiệm	1232	55.1	Ủy viên tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Ủy viên khóa X	1232	55.1
Ủy viên là phụ nữ	395	17.7	Ủy viên là nam giới	395	17.7
Ủy viên là người dân tộc thiểu số	250	11.2	Ủy viên là người dân tộc Hán	250	11.2

Giới tính cấu thành Chính hiệp toàn quốc khóa XI
(Tổng cộng 2237 người)

Hội hữu ái đồng bào Đài Loan toàn quốc Trung Hoa	15	147	Giới văn hóa nghệ thuật
Giới thể dục	22	145	Giới kinh tế
Nhân sĩ Ma Cao được mời đặc biệt	29	107	Giới giáo dục
Đảng trí công Trung Quốc	30	99	Đảng Cộng sản Trung Quốc
Giới bảo vệ xã hội và Phúc lợi xã hội	36	68	Giới khoa học xã hội
Học xã Cửu Tam	45	65	Giới Tôn giáo
Hiệp hội khoa học kỹ thuật Trung Quốc	44	65	Ủy ban Đảng cách mạng Quốc dân Trung Quốc
Tổng công đoàn toàn quốc Trung Quốc	63	65	Đồng minh dân chủ Trung Quốc
Hội liên hiệp công thương nghiệp toàn quốc Trung Hoa	65	65	Nhân sĩ không đảng phái
Hội kiến quốc dân chủ Trung Quốc	65	46	Giới xuất bản báo chí
Hội liên hiệp Phụ nữ toàn quốc Trung Quốc	67	45	Hội xúc tiến dân chủ Trung Quốc
Giới nông nghiệp	65	45	Đảng dân chủ nông công Trung Quốc
Giới y dược vệ sinh	90	39	Giới đối ngoại hữu hảo
Dân tộc thiểu số	105	29	Hội liên hiệp Thanh niên toàn quốc Trung Hoa
Khách mời đặc biệt là nhân sĩ Hồng Kông	126	30	Hội liên hiệp Hoa Kiều về nước toàn quốc Trung Hoa
Giới khoa học kỹ thuật	112	20	Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan
Nhân sĩ đặc biệt được mời	166	12	Đoàn thanh niên cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc

trực thuộc trung ương), cấp huyện (thị trấn). Ủy ban toàn quốc và Ủy ban địa phương các cấp có nhiệm kỳ 5 năm, mỗi năm tổ chức hội nghị toàn thể một lần. Ủy ban địa phương các cấp hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc bầu ra Chủ tịch, Phó chủ tịch, Tổng bí thư, Ủy viên cấu thành nên Ủy ban thường vụ. Ủy ban thường vụ chủ trì công việc của Hội nghị và định kỳ tổ chức hội nghị. Ủy ban thường vụ lập ra chủ trì hội nghị xử lý công việc thường ngày quan trọng của Ủy ban thường vụ, căn cứ vào nhu cầu của công việc mà có thể lập thêm một vài cơ quan làm việc và ủy ban chuyên môn, tổ chức ủy ban triển khai hoạt động chuyên môn thống nhất.

b. Chức năng và nhiệm vụ của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân

Căn cứ theo quy định chương trình Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc, chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của Ủy ban toàn quốc Hội nghị hiệp thương chính trị và Ủy ban địa phương là hiệp thương chính trị, giám sát dân chủ, tổ chức tham gia các đảng phái, đoàn thể và nhân sĩ các giới tham chính tham nghị của hội.

1. Hiệp thương chính trị: Chủ yếu là tham dự hiệp thương những phương châm chính trị lớn của đất nước và hiệp thương lãnh đạo với cử tri, tham dự quản lý công việc của đất nước. Đối với những phương châm quyết sách của đất nước và địa phương đến các vấn đề quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa và cuộc sống an sinh xã hội, không chỉ đầu tiên phải tiến hành hiệp thương mà còn phải tiến hành hiệp thương trong cả quá trình chấp hành chính sách đó. Từ trình tự được nêu trên mà nói, tổ chức hội nghị hiệp thương các cấp có thể căn cứ vào đề nghị của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các bộ ngành có liên quan, tổ chức hiệp thương với người phụ trách các đảng phái, đoàn thể và tiến hành hội nghị hiệp thương với các đại biểu tham gia là nhân sĩ các giới, các dân tộc. Nội dung chủ yếu của Hiệp thương chính trị bao gồm: Hiệp thương về phương châm chính sách và cách sắp đặt quan trọng của đất nước, báo cáo công tác của chính phủ, dự toán tài chính quốc gia, kế hoạch phát triển xã hội và kinh tế quốc dân, những hạng mục quan trọng trong các phương diện chính trị của đất nước, dự thảo pháp luật quan trọng của đất nước, đề xuất lên Trung ương Đảng Cộng sản về người lãnh đạo đất nước, những thay đổi về việc phân khu hành chính của cấp tỉnh, toàn quốc, những phương châm chính sách quan trọng trong phương diện ngoại giao, những phương châm chính sách quan trọng trong việc thống nhất Tổ quốc, vấn đề quan trọng liên quan đến an sinh quần chúng, công việc chung giữa các đảng phái, công việc quan trọng trong nội bộ Chính hiệp cùng những vấn đề quan trọng khác trên chiến tuyến yêu nước thống nhất toàn quốc. Hình thức chủ yếu của Hiệp thương chính trị có: Hội nghị toàn thể của Ủy ban toàn quốc Chính hiệp, Hội nghị ủy viên thường vụ, Hội nghị Chủ tịch, Tọa đàm chuyên đề Ủy viên thường vụ, Hội nghị Ủy ban các chuyên môn, căn cứ vào nhu cầu mà tổ chức hội đàm bao gồm nhân sĩ của các đảng phái, nhân sĩ yêu nước không thuộc đảng phái, đoàn thể nhân dân, nhân sĩ dân tộc thiểu số, nhân sĩ yêu nước các giới tham gia. Ngoài ra, Ủy ban Chính hiệp của một vài địa phương còn thông qua tổ chức hoặc mời các đại biểu tiến hành hiệp thương tham gia buổi báo cáo tình hình, lắng nghe ý kiến và thu thập ý kiến.

2. Giám sát dân chủ: Chủ yếu là quán triệt việc chấp hành đối với những quy định của pháp luật và các phương châm chính sách quan trọng của nhà nước, giám sát công tác của nhân viên làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, thông qua các hình thức giám sát khác nhau. Hình thức chủ yếu của giám sát dân chủ có: Hội nghị toàn thể Chính hiệp, Hội nghị Ủy viên thường vụ, các Ủy ban chuyên môn của Tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc, văn kiện kiến nghị đề xuất của cơ quan nhà nước, đề xuất kiến nghị hoặc báo cáo có liên quan; thông qua các hình thức ủy viên thị sát, đề án, báo cáo đề mà đưa ra kiến nghị và phê bình; thành viên của đảng phái dân chủ và nhân sĩ không đảng phái nhận sự ủy thác của cơ quan nhà nước mà đảm nhiệm chức vụ giám sát viên, quản lý viên, tham dự vào công việc giám sát có liên quan. Nội dung chủ yếu của giám sát dân chủ bao gồm: tình hình thi hành hiến pháp, pháp luật và quy định của nhà nước, quán triệt tình hình chấp hành phương châm chính sách quan trọng do Trung ương Đảng Cộng sản và cơ quan lãnh đạo nhà nước chế định ra, tình hình chấp hành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán tài chính của quốc dân cùng các phương diện về chức trách của nhân viên, tình hình tuân thủ kỷ cương pháp luật, vi chính thanh liêm của nhân viên làm trong cơ quan nhà nước, tình hình các đơn vị và cá nhân tuân thủ chương trình hoạt động và chấp hành quyết định khi tham gia vào Chính hiệp. Hình thức chủ yếu của giám sát dân chủ là Hội nghị toàn thể của Ủy ban toàn quốc Hiệp thương chính trị, Hội nghị ủy ban thường vụ hoặc Hội nghị chủ tịch của Trung ương Đảng Cộng sản, Quốc vụ viện đề xuất dự thảo, văn kiện kiến nghị, Ủy ban các ngành chuyên môn đề xuất kiến nghị hoặc báo cáo điều tra; Ủy viên thị sát, Ủy viên đề án, Ủy viên thông báo cất nhắc hoặc các hình thức đề xuất phê bình và kiến nghị khác, tham gia hoạt động kiểm tra và điều tra hoạt động tổ chức các bộ ngành chuyên môn trong Trung ương Đảng Cộng sản và Quốc vụ viện.

3. Tham chính nghị chính: Chủ yếu là tham gia chính quyền nhà nước, tham dự quản lý các công việc hành chính của đất nước. Các hình thức chủ yếu của tham chính nghị chính là: Tham gia vào việc làm những quy định trong luật pháp quốc gia, tham dự vào quá trình vạch ra những phương châm chính sách quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và của đất nước, tổ chức điều tra nghiên cứu, tiến hành thảo luận, thông qua nhiều hình thức, bằng nhiều con đường quảng bá thông tin, đề xuất những ý kiến mang tính xây dựng, dâng kế hiến sách. Lựa chọn những thành viên Đảng phái dân chủ và nhân sĩ không thuộc đảng phái đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo trong cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan hành chính, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát, tạo điều kiện phát triển tài năng, có tác dụng bổ sung và phát huy những ủy viên chuyên môn, tham dự vào quá trình quán triệt chấp hành phương châm chính sách và những điều được quy định trong pháp luật. Tham chính nghị chính là chức năng chủ yếu của Hội nghị hiệp thương chính trị, mở rộng các lĩnh vực công tác của Chính hiệp, tạo điều kiện thuận lợi hơn cũng như mở rộng hơn nữa uy tín của Chính hiệp trong việc thương thảo với Nhà nước.

Chế độ Đại hội đại biểu nhân dân của Trung Quốc, chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Trong Đại hội đại biểu nhân dân các cấp đến Ủy ban thường vụ, Chính quyền các cấp, Tòa án, Viện kiểm sát đều có những đại biểu của Đảng dân chủ. Đại hội đại biểu nhân dân các cấp và Ủy ban thường vụ khi thi hành những quyền hạn được hiến pháp trao cho cần chú ý tôn trọng và bổ sung ý kiến của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng phái dân chủ trong khi tiến hành hiệp thương chính trị. Đảng viên Đảng Cộng sản trong cơ quan hành chính các cấp, chú ý quán triệt nguyên tắc chế độ hợp tác đa đảng trong sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với các công việc của đất nước, cũng cần chú ý tôn trọng và đoàn kết công việc với các nhân sĩ ngoài Đảng.

Địa chỉ website

Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc	http://www.cppcc.gov.cn
Hội kiến quốc dân chủ Trung Quốc	http://www.cndca.org.cn
Hội xúc tiến dân chủ Trung Quốc	http://www.mj.org.cn
Đảng trí công Trung Quốc	http://www.zg.org.cn
Học xã Cửu Tam	http://www.93.gov.cn
Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan	http://www.taimeng.org.cn
Tổng công đoàn toàn quốc Trung Hoa	http://www.acftu.org.cn
Đoàn thanh niên cộng sản chủ nghĩa Trung Quốc	http://www.ccyl.org.cn
Hội liên hiệp Thanh niên toàn quốc Trung Hoa	http://www.acyf.org.cn
Hội liên hiệp Phụ nữ toàn quốc Trung Hoa	http://www.women.org.cn
Hội liên hiệp Công thương nghiệp toàn quốc Trung Hoa	http://www.acfic.org.cn

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CƠ SỞ

Chế độ dân chủ cơ sở chủ yếu bao gồm chế độ tự trị nông thôn, chế độ tự trị cư dân thành thị và chế độ đại hội đại biểu công chức, là một hình thức nhân dân thi hành quyền làm chủ của chính mình. Từ khi thành lập nước đến nay, cùng với việc thành lập chế độ Đại hội đại biểu nhân dân, cũng đã thành lập chế độ dân chủ nhân dân cơ sở. Có chế định ra **Luật tổ chức ủy ban nông thôn, Luật tổ chức ủy ban cư dân thành thị, Luật công đoàn...** Quần chúng nhân dân thông qua chế độ tự trị cơ sở, quản lý những công việc quốc gia, quản lý sự nghiệp kinh tế và văn hóa, quản lý công việc xã hội, trực tiếp thi hành quyền làm chủ của mình.



1. Ủy ban nông thôn và tự trị cơ sở nông thôn

Trung Quốc là một đất nước nông nghiệp, dân số làm nông nghiệp trong toàn quốc chiếm tới 62% tổng số dân trong cả nước. Khoảng 30 năm sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc được thành lập, tổ chức cơ sở nông thôn Trung Quốc thường lấy hương làm đơn vị cấu thành cùng với các tổ chức kinh tế tập thể và kết hợp với chính quyền cơ sở, dưới cấp thôn là đội – đây là đơn vị hạch toán cơ sở. Sau năm 1978, theo cải cách thể chế kinh tế nông thôn và sự phân chia chính quyền cấp xã, các địa phương bắt đầu lập ra Ủy ban nông thôn, đây vốn là do tổ chức kinh tế tập thể dần dần cải tổ mà hình thành nên tổ chức tự trị mang tính quần chúng cơ sở. Năm 1982, sau khi hiến pháp sửa đổi được ban bố, tính chất, nhiệm vụ và vai trò của Ủy ban thôn dân nông thôn được quy định rõ ràng. Tháng 11 năm 1987, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đã thông qua *Luật tổ chức Ủy ban nông thôn* (tạm thời); tháng 11 năm 1998 tiến hành sửa đổi bổ sung và chính thức được ban bố và thi hành. Tự trị quần chúng cơ sở nông thôn Trung Quốc dần dần theo quỹ đạo, mọi thứ cũng dần được kiện toàn.

Cán bộ làm việc tại các điểm bỏ phiếu, kiểm phiếu trong cuộc bầu cử chính quyền một vài thôn tại tỉnh Chiết Giang



Căn cứ vào quy định của hiến pháp hiện hành và Luật tổ chức Ủy ban nông thôn, Ủy ban nông thôn căn cứ vào tình hình cư trú của dân trong thôn mà có thể lập ra nguyên tắc tự trị quần chúng, thông thường áp dụng với những thôn tự nhiên và có quy mô không lớn lắm, nhân khẩu không đông lắm. Thôn lớn có thể thiết lập mấy Hội ủy thôn, thôn nhỏ có thể liên kết mấy thôn lại. Ủy ban thôn do Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên từ ba đến bảy người cấu thành, do dân trong thôn trực tiếp bầu ra, nhiệm kỳ ba năm, có thể liên tục được tín nhiệm mà giữ chức lâu dài. Ủy ban thôn dân có thể thành lập các ủy ban công tác như tổ hòa giải nhân dân, bảo vệ trị an, vệ sinh công cộng, dưới thì có các tổ nhóm thôn dân. Nhiệm vụ chủ yếu của Chính quyền thôn là: (1) Xử lý công việc công cộng và sự nghiệp công ích của thôn mình, (2) Hòa giải mâu thuẫn của dân trong khu vực mình quản lý. (3) Giúp đỡ

duy trì trật tự trị an; (4) Thể theo ý kiến, yêu cầu của dân cư trong thôn mà đề xuất kiến nghị lên chính quyền cấp cao hơn. (5) Trợ giúp triển khai các hạng mục công việc của chính quyền hương trấn, quản lý kinh tế cơ sở nông thôn, dưới sự chỉ đạo của chính quyền hoàn thành công việc dân chính, dân binh và các kế hoạch giáo dục. (6) Triển khai xây dựng các hoạt động văn hóa tinh thần. Nguyên tắc làm việc của chính quyền thôn là chế độ tập trung dân chủ, thi hành nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, chính quyền thôn cần phụ trách báo cáo tình hình công việc trước hội nghị toàn thôn, những việc liên quan đến quyền và lợi ích của toàn bộ thôn dân thì đều cần phải được thôn dân quyết định.

Tuy thời gian thành lập không lâu nhưng chính quyền thôn cũng đã thể hiện được vai trò rất quan trọng của mình. Trước tiên là quản lý chính thôn mình, chính mình. Thôn dân thông qua bầu cử chính người của mình mà tổ chức ra, tự thúc ép mình, tự quản lý những công việc của mình. Tự mình quản lý dựa vào giáo dục thuyết phục, hỗ trợ giúp đỡ giữa thôn dân, có vai trò đi đầu trong các chủ trương chính sách và giám sát quần chúng thôn dân. Phương thức quản lý chủ yếu là thông qua ý kiến của toàn thể thôn dân trong hội nghị tập trung thôn dân, chế định những quy định tự trị thôn dân, chế ước buộc người dân trong thôn phải tuân thủ, do toàn thể thôn dân cùng nhau tuân thủ chấp hành, từ đó hình thành nên trật tự xã hội tốt đẹp. Tiếp đó là tự mình giáo dục, không ngừng nâng cao trình độ của bản thân, mỗi thôn dân đã là người dạy học cũng lại là người nhận được sự giáo dục đó. Thôn dân thông qua thi hành quyền bầu cử và quyền được bầu cử, tham gia hội nghị thôn dân, giám sát công việc của chính quyền thôn dân, nhận sự chỉ bảo về đạo đức và quy định của pháp luật; thông qua phát triển văn hóa giáo dục, phổ cập tri thức khoa học kỹ thuật, thay đổi phong tục, loại bỏ những hoạt động mê tín,



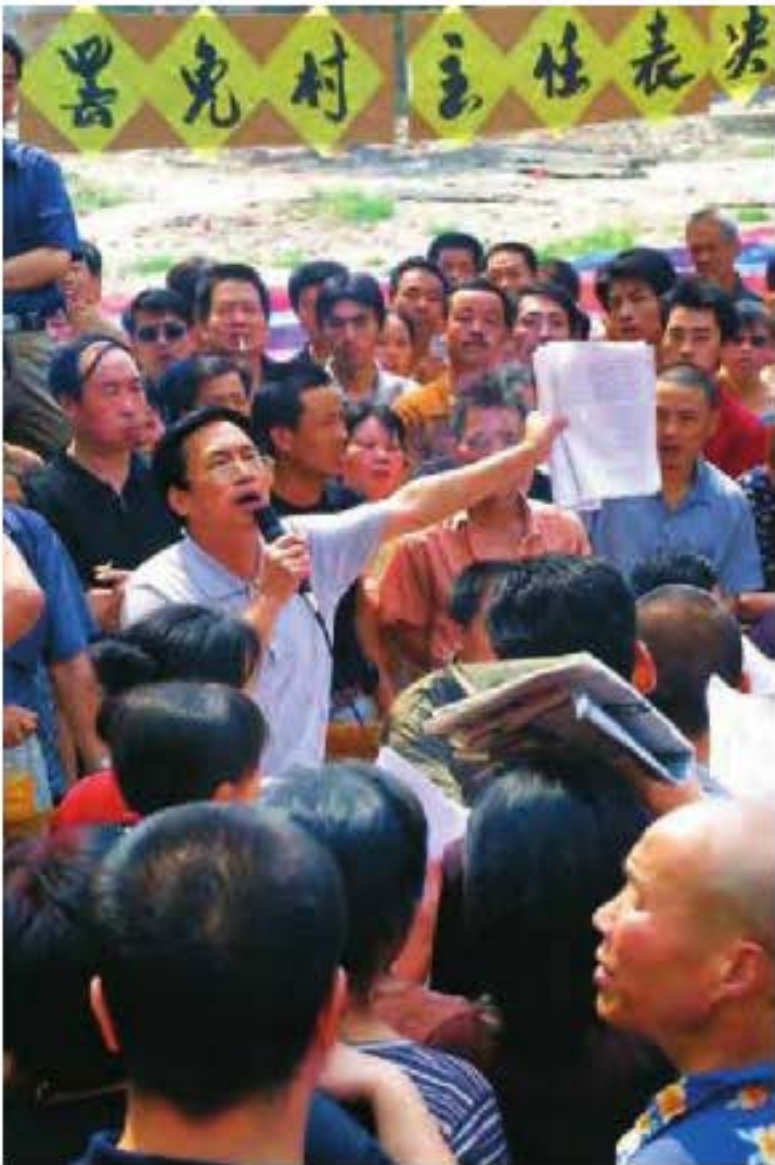
Quang cảnh bầu cử chính quyền thôn dân tại một thôn của tỉnh Hà Nam



Bảng thông tin liên quan đến các hoạt động của thôn

bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa của thôn dân. Tiếp đến là tự phục vụ chính mình. Một là làm việc công cộng và sự nghiệp công ích đối với những công việc trong thôn, như sửa cầu làm đường, xây dựng nhà trẻ, trung tâm dưỡng lão, phát triển giáo dục, phát triển y tế giáo dục vệ sinh công cộng, nâng cao hoạt động văn hóa quần chúng. Hai là triển khai phục vụ sản xuất như trồng trọt, tưới tiêu, bảo vệ. Tự mình giáo dục, tự mình quản lý và tự mình phục vụ thì đối với việc tăng cường tự trị dân chủ ở nông thôn và mở rộng triển khai dân chủ trực tiếp xã hội chủ nghĩa càng tăng cường tính tích cực của quảng đại quần chúng nông thôn trong các hoạt động, xúc tiến việc phát triển xây dựng nền chính trị dân chủ Trung Quốc và thực sự có ý nghĩa rất sâu sắc.

Thôn dân của một thôn tiến hành bỏ phiếu bãi miễn chủ nhiệm thôn tại tỉnh Thiểm Tây



Mấy năm gần đây, việc phát triển tự trị cơ sở nông thôn có những biểu hiện đột xuất trong việc nâng cao toàn diện trình độ tổ chức trong bầu cử Ủy viên thôn, quyền lợi dân chủ của quần chúng cơ sở được bảo vệ và tôn trọng. Tổ chức toàn diện của cán bộ thôn được nâng cao. Hầu hết các thôn, người dân trong thôn đều rất quan tâm đến bầu cử chính quyền thôn, và người được bầu cử vào chính quyền thôn phải chính đáng, bầu công khai, hợp pháp, các vùng từ

đó cũng có những thay đổi cải tiến cách lựa chọn người ứng cử, đề cử. Khi đề cử thi hành “mỗi tuyển”, tức là không chỉ định cử tri đề cử, mỗi người trong thôn đều có quyền bầu cử, đều được hưởng quyền đề cử và được đề cử. Chính quyền thôn trong mấy năm gần đây có những thay đổi trong quá trình bầu cử, có vùng có thể do toàn thể cử tri tham gia dự tuyển, có vùng lại do đại biểu thôn dân tham gia dự tuyển, dựa vào xác định số phiếu bầu nhiều hay ít mà xác định người trúng cử. Thực tiễn chứng minh, cách thức này tăng cường tính dân chủ và thấu hiểu trong bầu cử, người trúng cử phải là người có uy tín, có nền tảng và nhận được sự bảo hộ của thôn dân và khi đứng trên cương vị lãnh đạo phải từng bước khiến thôn dân trở nên phát triển, lại phải là người hiểu kinh doanh, biết cách quản lý để khiến thôn được thay hình đổi dạng.

Sau này, Trung Quốc từng bước tăng cường xây dựng tổ chức tự trị cơ sở nông thôn. Một là từng bước dần hoàn thiện bầu cử dân chủ. Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên của Chính quyền thôn đều được bầu một cách dân chủ, bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào cũng không được phép chỉ định hoặc sai phái. Người trúng cử do thôn dân trực tiếp bầu ra, thi hành phương pháp bầu cử là không ghi tên vào phiếu bầu, bí mật viết phiếu, công khai kiểm phiếu, thực hiện sự công bằng, công chính và công khai thực sự trong bầu cử. Hai là thực hiện chính sách dân chủ. Phàm những việc liên quan đến quyền và lợi ích thiết thân của thôn dân, cần phải do thôn dân tiến hành thảo luận dân chủ, dựa vào ý kiến của đa số mà đưa ra quyết định. Ba là tăng cường quản lý dân chủ. Căn cứ vào hiến pháp và những quy định của pháp luật đến những chính sách của Nhà nước, tổng kết tình hình thực tế của thôn dân mà thôn dân chế định ra chương trình tự trị thôn dân và quy định riêng của thôn dân. Chính quyền thôn dân khi tiến hành quản lý những công việc nội bộ trong thôn, cần kiên trì đi theo con đường của quần chúng, phát huy tính dân chủ, cần chú ý lắng nghe những ý kiến khác nhau của thôn dân. Kiên trì thuyết phục chỉ bảo, không được thi hành biện pháp cưỡng chế ra lệnh, không được công kích báo thù. Bốn là triển khai giám sát dân chủ. Thôn dân tiến hành giám sát dân chủ đối với công việc của chính quyền thôn và những công việc của nội bộ thôn. Hội nghị thôn dân hàng năm tiến hành xem xét, nghiên cứu báo cáo công tác của chính quyền thôn dân, lại có đánh giá nhận xét về công việc của các thành viên trong chính quyền thôn dân. Thi hành chế độ thôn vụ công khai. Đối với những việc do Hội nghị thôn dân thảo luận đưa ra quyết định, quan trọng nhất là cần phải tập trung chú ý đến lợi ích của người dân trong thôn và mối quan tâm phổ biến của dân chúng, chính quyền thôn dân tiến hành công bố kịp thời, tiếp nhận sự giám sát của người dân trong thôn.

📌 Tư liệu liên quan

Diện mạo mới của việc bầu cử chính quyền thôn dân tại nông thôn

1. Quy phạm hóa, trình độ được nâng cao. Tuyệt đại đa số các cuộc bầu cử đều tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật đã quy định, cơ bản là đã làm được "Các bước quy định trong luật không để thiếu, quyền lợi chính đáng của nhân dân không để sót", trình tự bầu cử và quá trình bầu cử về cơ bản được thể hiện theo nguyên tắc công khai, công bằng, công chính, các quyền của quần chúng thôn dân như quyền tiến cử, quyền ghi danh, quyền đề cử, quyền bỏ phiếu, quyền bãi miễn... về cơ bản đều được thi hành.

2. Tính cạnh tranh ngày càng cao. Tham gia bầu tại nông thôn đang ngày càng tăng vọt, phổ biến là từ 80% trở lên, tính cạnh tranh cũng ngày càng quyết liệt, ngày càng nhiều thôn dân tích cực tham gia tranh cử vào chính quyền thôn và con số trúng cử cũng đang ngày càng nhiều lên.

3. Chế độ mới ngày càng nhiều. Có vùng quy định rõ ràng giới hạn trong quá trình bầu cử, những hoạt động tranh cử của ứng cử viên đều nằm trong phạm vi quy định của pháp luật; có vùng lại triển khai hệ thống kiểm phiếu điện tử, sử dụng khoa học kỹ thuật thông tin hiện đại để nâng cao hiệu quả của bầu cử; có vùng lại thực hiện chế độ quan sát viên bầu cử; có vùng lại thi hành chính sách chế định chuyên môn, cổ vũ phụ nữ thôn dân tích cực tham dự tranh cử chính quyền thôn.

2. Ủy ban cư dân và tự trị cơ sở thành thị

Ủy ban cư dân là cư dân ở thành thị căn cứ vào vùng cư trú mà thành lập tổ chức tự trị mang tính quần chúng cơ sở. Tháng 12 năm 1954, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ban bố *Điều lệ tổ chức Ủy ban cư dân thành thị*, khẳng định hình thức quản lý tự trị quần chúng, khiến Ủy ban cư dân, một tổ chức mang tính tự trị quần chúng, được thành lập phổ biến tại các thành thị trong toàn quốc. Năm 1982, hiến pháp mới được ban bố, tính chất, nhiệm vụ và vai trò của Ủy ban cư dân thành thị được quy định rõ ràng; tháng 12 năm 1989, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lại soạn ra *Luật tổ chức Ủy ban cư dân thành thị*, cổ động thành lập Ủy ban cư dân và triển khai hoạt động của Ủy ban cư dân.

Căn cứ vào hiến pháp và quy định trong luật tổ chức Ủy ban cư dân thành thị, Ủy ban cư dân thành thị là tổ chức tự trị mang tính quần chúng cơ sở thành thị. Ủy ban cư dân không phải là cơ quan chính quyền nhà nước, cũng không phải là cơ quan mới phát sinh của cơ quan chính quyền mà là một hình thức kết hợp tự nguyện của cư dân trong vùng cư trú thuộc chung một địa bàn, tự mình tổ chức nên, thiết lập tổ chức mang tính quần chúng để xử lý những công việc của thôn trong khu vực hành chính cơ sở nhà nước. Phạm là công dân cư trú trong khu vực trực thuộc Ủy ban cư dân, không phân biệt nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác và dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và nguyện vọng đều nằm trong phạm vi tự quản lý mang tính quần chúng của Ủy ban cư dân. Ủy ban cư dân thường căn cứ vào hộ khẩu,

Một hộ gia đình tiến cử cử tri, đại diện toàn gia đình sẽ tham gia bỏ phiếu bầu cử, là một trong những hình thức của bầu cử cơ sở



đoạn đường nơi mình ở mà phân chia. Cán bộ của Ủy ban cư dân do quần chúng trực tiếp bầu ra, gồm 1 Chủ nhiệm, 1 đến 2 Phó chủ nhiệm và từ 5 đến 11 Ủy viên, mỗi nhiệm kỳ là 3 năm. Ủy ban cư dân phải dựa vào nhu cầu công việc mà có thể lập ra nhóm phụ trách công việc như tổ hòa giải, bảo vệ trật tự trị an, văn hóa giáo dục, phục vụ lao động xã hội, vệ sinh công cộng, phúc lợi dân chính. Ủy ban cư dân thi hành chế độ dân chủ tập trung và nguyên tắc quần chúng tự nguyện. Vấn đề quan trọng cần do Ủy ban cư dân tiến hành thảo luận và đưa ra quyết định; những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích thiết thân của quần chúng cần phải giao cho quần chúng cùng thảo luận, hiệp thương dân chủ. Nhiệm vụ cơ bản của Ủy ban cư dân là: (1) Xử lý công việc công cộng và sự nghiệp công cộng có liên quan đến cư dân; (2) Phản ánh yêu cầu và ý kiến của cư dân lên chính quyền; (3) Tuyên truyền phương châm, chính sách, quy định của Đảng và Chính phủ đến với cư dân; (4) Giúp đỡ duy trì trật tự trị an xã hội; (5) Điều hòa và hòa giải mâu thuẫn giữa cư dân. Đồng thời Ủy ban cư dân còn trợ giúp chính quyền các hạng mục công việc như công tác dân chính, vệ sinh yêu nước, kế hoạch giáo dục và tổ chức phục vụ xã hội, đẩy mạnh phát huy vai trò của toàn thể các hộ gia đình đối với phương châm tự mình giáo dục, tự mình quản lý và tự mình phục vụ.

Trong thực tế của Trung Quốc hiện nay, Ủy ban cư dân không phải là một cơ quan mới phát sinh trong cơ quan chính quyền, quan hệ giữa chính quyền và Ủy ban cư dân là quan hệ chỉ đạo, không phải là quan hệ lãnh đạo. Nhưng nó là hình thức dân chủ trực tiếp và quan



Cư dân trực tiếp bỏ phiếu bầu ra Ủy ban cư dân tại một khu của thành phố Bắc Kinh. Bức ảnh là toàn cảnh quá trình đọc tên người được bầu trong quá trình kiểm phiếu

Jason Boonham người Italia là một Ủy viên Ủy ban cư dân có quốc tịch nước ngoài tại Trung Quốc



trọng chủ yếu trong xã hội cơ sở hiện nay tại các thành phố của Trung Quốc, dựa vào sức mạnh của chính quyền cơ sở nhà nước, là cây cầu nối liền mối quan hệ giữa chính quyền và quần chúng cư dân. Trong quá trình hòa giải mâu thuẫn giữa các cư dân, hỗ trợ duy trì trị an xã hội, làm đẹp môi trường sinh hoạt cư dân, tiến hành tổng hợp sửa sang thành thị đến việc tổ chức các hoạt động xã hội của cư dân đã phát huy được nhiều tác dụng to lớn. Cùng với sự biến đổi không ngừng và ngày càng sâu sắc của cải cách thể chế kinh tế và chính trị Trung Quốc, địa vị của Ủy ban cư dân ngày càng quan trọng và mối quan hệ với cư dân thành thị ngày càng mật thiết.

3. Đại hội đại biểu công chức và tự trị xí nghiệp

Chế độ đại hội đại biểu công chức là hình thức cơ bản mà xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước thi hành quản lý dân chủ, là một chế độ quan trọng mà quần chúng công chức trực tiếp tham dự quản lý cùng với xí nghiệp. Trong Hiến pháp Trung Quốc quy định, xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước căn cứ vào quy định của pháp luật, thông qua Đại hội đại biểu công chức và hình thức khác để thi hành quyền quản lý dân chủ. Trong luật công đoàn có quy định, Đại hội đại biểu công chức trong xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước là hình thức cơ bản mà xí nghiệp thi hành quản lý dân chủ, là cơ cấu công chức thi hành quyền lực quản lý dân chủ, thi hành quyền hạn và chức năng theo đúng những gì luật pháp đã quy định. Ủy ban công đoàn của xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước là cơ quan công tác của Đại hội đại

biểu công chức, phụ trách công việc thường ngày của Đại hội đại biểu công chức, thi hành kiểm tra, đốc thúc nghị quyết của Đại hội đại biểu công chức. Đại hội đại biểu công chức là tổ chức tự trị mà công chức trong xí nghiệp trực tiếp tham dự quản lý xí nghiệp, là cơ quan mà toàn thể công chức thi hành quyền lực quản lý dân chủ. Công đoàn phụ trách những công việc thường ngày của Đại hội đại biểu công chức, kiểm tra, đốc thúc thi hành nghị quyết của Đại hội đại biểu công chức.

Đại hội đại biểu công chức do một nhóm hoặc đại diện các khâu trong xí nghiệp hình thành nên một đơn vị, thông qua sự bầu cử trực tiếp của đại biểu công chức. Trong đại biểu công chức có công chức trên tất cả các phương diện như công nhân, nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý, cán bộ lãnh đạo và công chức khác, căn cứ vào đơn vị nhất định mà hình thành nên đoàn đại biểu. Đại hội đại biểu công chức ít nhất phải nửa năm tổ chức hội nghị một lần, khi gặp những việc quan trọng có thể triệu tập hội nghị lâm thời. Đại hội đại biểu công chức có 5 quyền hạn cơ bản như: (1) Quyền xem xét kiến nghị, lắng nghe và xem xét những báo cáo liên quan đến phương châm kinh doanh, kế hoạch lâu dài, kế hoạch hàng năm phương án xây dựng cơ bản, phương án cải tạo kỹ thuật quan trọng, kế hoạch bồi dưỡng công chức, phương án sử dụng và phân phối tiền, phương án về hợp đồng và thuê mướn kinh doanh của xí nghiệp, đề xuất ý kiến và kiến nghị. Đại hội đại biểu công chức tiến hành kiểm tra lại những đề xuất phương án, quyết định các vấn đề liên quan đến sự phát triển của xí nghiệp. (2) Quyền kiểm tra, thông qua kiểm tra xem có đồng ý hay phủ quyết những quy định về phương án điều chỉnh tiền lương, phương án phân chia khen thưởng và kỷ luật, thi hành bảo hộ lao động, cách khen thưởng và kỷ luật đến những quy định quan trọng khác của xí nghiệp. Đại hội đại biểu công chức tiến hành kiểm tra phương án quan trọng có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công chức, sau đó đưa ra họp nghị quyết đại hội tiến hành biểu quyết đồng ý hay phủ quyết. Phàn những phương án mà Đại hội đại biểu công chức phủ quyết căn cứ vào ý kiến của Đại hội đại biểu công chức mà tiến hành sửa đổi, sau đó lại giao cho Đại hội đại biểu công chức thảo luận, nếu đồng ý sẽ được ban bố và thi hành. (3) Quyền xem xét quyết định. Xem xét quyết định phương án sử dụng quỹ phúc lợi cho đời sống của công chức, phương án phân phối nhà ở cho công chức

Rất nhiều xí nghiệp nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc cũng thiết lập chế độ Đại hội đại biểu công chức. Bức ảnh là quang cảnh Công ty Wal-Mart⁽¹⁾ tổ chức Đại hội đại biểu công chức tại một chi nhánh ở Nam Kinh tỉnh Giang Tô



và những công việc quan trọng liên quan đến phúc lợi công chức khác. (4) Quyền phê bình giám sát. Phê bình, giám sát cán bộ lãnh đạo xí nghiệp các cấp, đưa ra kiến nghị khen thưởng kỷ luật và miễn nhiệm. (5) Quyền tiến cử và bầu cử. Căn cứ vào quy định trong luật xí nghiệp, được chia thành hai hình thức: Một loại là chính quyền chủ quản ủy nhiệm hoặc chiêu nhiệm, loại khác là Đại hội đại biểu công chức xí nghiệp tiến hành bầu cử, sau đó báo cáo lên chính quyền chủ quản phê chuẩn. Do Đại hội đại biểu công chức bầu ra, có thể phát huy được tác dụng trong việc bổ nhiệm người hiền tài, khiến cán bộ có thể bảo vệ được quần chúng khi đứng trên cương vị lãnh đạo, lại có thể bổ sung thêm địa vị của công chức hiện tại là chủ thể trong xí nghiệp.

Sau khi bế mạc Đại hội đại biểu công chức, Ủy ban công đoàn xí nghiệp làm cơ quan công tác, phụ trách các công việc thường ngày của Đại hội đại biểu công chức, duy trì được sự thường xuyên và thể chế hóa trong quản lý dân chủ xí nghiệp. Căn cứ vào quy định có liên quan, Ủy ban công đoàn xí nghiệp có 7 quyền hạn cơ bản sau: (1) Tổ chức công chức bầu ra đại biểu công chức, (2) Đề xuất kiến nghị trong Đại hội đại biểu công chức, chủ trì tổ chức công việc trong hội nghị và công tác trù bị của đại hội đại biểu công chức; (3) Chủ trì hội nghị

(1) Wal-Mart là một công ty cổ phần công khai của Mỹ, hiện là một trong những công ty lớn nhất thế giới (theo doanh số) theo công bố của Fortune 500 năm 2007. Được thành lập bởi Sam Walton vào năm 1962, công ty chính thức được thành lập vào ngày 31 tháng 10 năm 1969, và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán New York năm 1972. Đây là đơn vị tư nhân thuê nhân công lớn nhất thế giới và là đơn vị sử dụng nhân công công cộng và thương mại lớn thứ tư trên thế giới.

đoàn đại biểu công chức (Tổ), chủ tịch những người phụ trách nhóm chuyên môn (hoặc ủy ban chuyên môn); (4) Tổ chức nhóm chuyên môn (hoặc ủy ban chuyên môn) tiến hành điều tra nghiên cứu, đề xuất những kiến nghị lên Đại hội đại biểu công chức, kiểm tra và giám sát tình hình chấp hành nghị quyết đại hội, phát động công chức thực thi nghị quyết Đại hội đại biểu công chức; (5) Tiến hành tuyên truyền giáo dục quản lý dân chủ đến cán bộ công chức, tổ chức cho các đại biểu công chức học tập chính sách, nghiệp vụ và quản lý, nâng cao tổ chất của đại biểu công chức; (6) Tiếp nhận và xử lý kiến nghị và kháng cáo của đại biểu công chức, duy trì và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đại biểu công chức; (7) Tổ chức công việc khác trong quản lý dân chủ xí nghiệp.

🔗 Tư liệu liên quan

Căn cứ trên số liệu mà xem xét sự phát triển của chế độ dân chủ cơ sở Trung Quốc

Hiện nay, nông thôn Trung Quốc đã thành lập hơn 64 vạn Ủy ban thôn dân, số dân bình quân ở nông thôn trong toàn quốc tham gia bầu cử chiếm khoảng hơn 80% trở lên, có địa phương đạt đến hơn 90%. Hơn 80% thôn trang trong toàn quốc chế định ra quy định tự trị thôn dân cùng những chế ước của thôn, xây dựng chế độ quản lý tài sản dân chủ, kiểm tra tài vụ dân chủ và quản lý thôn vụ dân chủ. Thành thị trong toàn quốc đã thành lập được hơn 7 vạn Ủy ban cư dân phù hợp với yêu cầu xây dựng khu mới. Tại các xí nghiệp thuộc sở hữu của Nhà nước trong toàn quốc có xây dựng tổ chức công đoàn chiếm khoảng hơn 50% là có tổ chức Đại hội đại biểu công chức, còn các xí nghiệp không thuộc sở hữu nhà nước có thành lập tổ chức công đoàn chiếm khoảng 30% là có tổ chức Đại hội đại biểu công chức.

Chế độ chính trị TRUNG QUỐC

Người dịch: NGUYỄN MẠNH SƠN

Hiệu đính và Giới thiệu: TS NGUYỄN NGỌC DỪNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: HỒNG LAM, TƯỜNG MINH

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP**

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225

Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1131-2012/CXB/473-123/THTPHCM ngày 24/9/2012.